

Khởi Hành

TẠP CHÍ SÁNG TÁC SINH HOẠT VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

NĂM THỨ TÁM ■ SỐ 186 ■ Sáng Lập: Anh Việt TRẦN VĂN TRỌNG

BỘ MỚI ■ SỐ 30 ■ Chủ Nhiệm Chủ Bút: VIÊN LINH



Mãi sau dù sống trong hang núi
Trong đáy lòng ta vẫn sóng dồi
VIÊN LINH (Thủy Mộ Quan)

30 THÁNG TƯ
THƠ VĂN THỜI THẾ

NGUYỄN TÚ
CÁI CHẾT CỦA MỘT CỰU THỦ TƯỚNG
NGUYỄN THANH GIANG
TINH THẦN VIỆT NAM Ở HẢI NGOẠI

THANH SƠN
NGÀY 30.4 CỦA TƯỚNG VỸ
TRẦN NGỌC NINH
CŨ VÀ MỚI TRONG VĂN HỌC
LƯU VĂN VỊNH
NHÀ TIỀN TRI CỦA VIỆT TỘC
NGUYỄN SỸ TẾ
MỘ THÁNG TƯ



NĂM THỨ III ■ SỐ 30 ■ THÁNG 4. 1999

Khởi Hành

NGUYỆT SAN SÁNG TÁC SINH HOẠT
NHẬN ĐỊNH VĂN HỌC NGHỆ THUẬT
Sáng Lập: Anh Việt TRẦN VĂN TRỌNG



CHỦ NHIỆM CHỦ BÚT:
VIÊN LINH

THƯ TỬ LIÊN LẠC:
P.O. BOX 670
MIDWAY CITY, CA. 92655

TOÀ SOẠN:
5413 W. FIRST STREET #C
SANTA ANA, CALIF. 92703
TEL: (714) 554-1886
FAX: (714) 554-7086

ĐẠI DIỆN TẠI NGOẠI QUỐC:

PHÁP:

■ **Mme PHẠM THU HƯƠNG**
Nhà Xuất Bản AN TIÊM
3, RUE VINCENT VAN GOGH
95170 DEUIL - LA - BARRE,
FRANCE
TEL: 01-39-84-00-84

■ **Mme VŨ LAN PHƯƠNG**
ĐÀO VIÊN RESTAURANT
82 RUE BAUDRICOURT
75013 PARIS, METRO TOLBIAC
TEL: 01-45-85-20-70

Báo có đủ từ số 1 bày bán tại
Nhà Sách Nam Á, Quận 13
Nhà Sách Khai Trí, Quận 13

ĐỨC:

Mr. **THẾ DŨNG**
MELLEENSEE STR. 43
10319 BERLIN, GERMANY
TEL: 49-30-512-29-74

■ Bài vở gửi báo khác đừng gửi cho Khởi Hành. Cần ghi rõ địa chỉ và số điện thoại. Nếu bài đã phổ biến, vui lòng ghi rõ đã đăng báo nào. Ngoài bản in, gửi kèm cho diskette, dạng DOC, ghi rõ nhu liệu sử dụng VNI, VNU, VPS...
■ Chủ bút Khởi Hành toàn quyền cắt bỏ, nhưng sẽ không thêm. Bài đăng trên Khởi Hành không nhất thiết biểu hiện chủ trương của tờ báo. ■ Muốn dùng bài đã đăng trên Khởi Hành, cần có sự đồng ý của Tác giả, hay Chủ nhiệm; tuyệt đối phải nói rõ trích từ Khởi Hành số mấy, tháng nào.

GIÁ BẢO

Giá \$3.50 mỹ kim một số
[Giá đại hạn: \$2.00 mỹ kim một số hay \$24 mỹ kim một năm nếu mua dài hạn tối thiểu một năm 12 số, toà báo chịu cước phí bưu điện].

[Ngoài Hoa Kỳ thêm \$2.00 mỹ kim một số cho cước phí bưu điện. Giá Nà Đại thêm \$1.00 mỹ kim một số].

Chi phiếu để Khởi Hành, gửi về:

Khởi Hành
P.O. BOX 670
MIDWAY CITY, CA 92655

CÁC NHÀ SÁCH CÓ BÁN KHỞI HÀNH

ONTARIO, CANADA

Trung Tâm THỜI MÔI I
1682 St. CLAIRE AVE

E. HAMILTON, CANADA

Trung Tâm THỜI MÔI II
186 KING STREET

MISSISSAUGA, CANADA

Trung Tâm THỜI MÔI III
55 Dundas St., E # 1

QUEBEC, CANADA

Trung tâm THỂ HỆ TRẺ
2657 Ontario Est, Quebec

MONTREAL, CANADA

Nhà sách TỰ DO
6767 Cote des Neiges # B 5

AUSTIN, TEXAS

MI VIDEO
8557 RESEARCH BLVD # 144

ARLINGTON, TEXAS

VIỆT NAM MUSIC
1818 E. PIONNER PKWY # 162

HOUSTON, TEXAS

NGÀY NAY BOOKSTORE
8200 WILDCREST suite 5

GARLAND, TEXAS

MỸ LINH BOOKSTORE
3518 W. WALNUT

DORCHESTER, MASSACHUSETTS

Á CHÂU BOOKSTORE
1429 C DORCHESTER AVE

FALLS CHURCH, VIRGINIA

MINH VĂN BOOKSTORE
2808 GRAHAM RD

LINCOLN, NEBRASKA

VINA MARKET
611 N. 27th ST. # 2

LINCOLN, NEBRASKA

VĨNH THỊNH
611 N. 27th ST # 6

SAN JOSE, CALIFORNIA

TỰ DO BOOKSTORE
1818 TULLY ROAD suite 158A

SAN DIEGO, CALIFORNIA

THÚY ANH BOOKSTORE
4745 EL CAJON BLVD suite 103

ORANGE COUNTY, CALIFORNIA

Nhà Sách TỰ QUỲNH
9581-83 Bolsa Ave

GARDEN GROVE, CA

Nhà Sách TỰ LỰC
Brookhurst Street

LITTLE SAIGON, CA

Nhà Sách VĂN KHOA
Trong khu Phúc Lộc Thọ

MINNEAPOLIS, MINNESOTA

Nhà sách SÀI GÒN
2750 Nicollet

SAINT PAUL, MINNESOTA

ĐÔNG PHƯƠNG THƯ QUÁN
422 UNIVERSITY AVE #suite 1

PHILADELPHIA, PENNSYLVANIA

THY HỒNG
575 ADAMS AVE

PORTLAND, OREGON

TRANG BOOKSTORE
8211 N.E. BRASEE suite # H

OKLAHOMA, OKLAHOMA

TUYẾT MAI BOOKSTORE
2622 CLASSEN BLVD

ORLANDO, FLORIDA

TIẾN HUNG BOOKSTORE
1120 E COLONIAL DR

SACRAMENTO, CALIFORNIA

Thư Quán VĂN
6171 STOCKTON BLVD # 180

LOS ANGELES, CALIFORNIA

Nhà Sách THĂNG LONG
767 N. HILL ST suite 102

TACOMA, WA.

VĂN KHOA BOOKSTORE
721 S. 38th STREET

SEATTLE, WASHINGTON

NAM PHƯƠNG BOOKSTORE
1032 B S. JACKSON ST

SEATTLE, WASHINGTON

VINA BOOKSTORE
1017A S. JACKSON # G

ROSEMEAD, CALIFORNIA

BÍCH THU LINH
8150 E. GARVEY AVE, suite 112

SAN GABRIEL, CALIFORNIA

SAN GABRIEL SUPERSTORE
1635 S. SAN GABRIEL AVE

WESTMINSTER, CA

Nhà sách THIẾP HỒNG
9550 Bolsa Ave, góc Bushard

LITTLE SAIGON, CA

ZIP POST
Góc Dillon-Bolsa Ave

BALÉ, PHÁP

Nhà sách DIỄM PHƯƠNG
Quận 13

BA LÉ, PHÁP

Nhà Sách NAM Á
Quận 18

BA LÉ, PHÁP

Nhà sách KHAI TRÍ
Quận 13



KIM Y PHẠM LỆ OANH

**NỮ SĨ KIM Y
PHẠM LỆ OANH
TỬ TRẦN**

Đêm Chủ nhật sang ngày thứ Hai mồng 8 tháng 3.1999 cụ bà Kim Y Phạm Lệ Oanh đã từ trần tại nhà thương Fairfax, Virginia, ở tuổi 87. Ở bên cạnh cụ là người con gái độc nhất của cụ với họa sư Tá Chi Trương Cam Khải, nữ sĩ Trương Anh Thụy, và chồng là tiến sĩ Nguyễn Huy Long.

Sự ra đi của cụ Kim Y hai năm sau cái chết của cụ Tá Chi đánh dấu một mất mát rất lớn của ngành học-thuật Hán-Việt. Cả hai cụ ông và cụ bà đều đã theo học chữ Hán từ nhỏ, cụ ông theo đường cử nghiệp còn cụ bà thì học với thân-phụ là cụ cử Phạm Nguyên Thành, có lúc là tri huyện Hoàn-bổ, Hải-dương, và tri huyện Phú-xuyên, phủ Thường-tín, Hà-dông.

Quê làng Thụy-phú (phủ Thường-tín, Hà-dông) tuy gần cùng thời với nữ-thi-sĩ Trương Phổ, tác giả bài thơ dài vượt át Giọt Lệ Thu, Kim-Y Phạm Lệ Oanh đã ít nhiều thoát được cái giọng sầu khổ bi ai, than thân trách phận của văn-học những năm '20 ở Việt-nam để mở cho mình một con đường mới, đi vào tiểu thuyết. Cuốn TIN LUY của bà, in vào khoảng 1940 ở Hà-nội, phải kể là một trong những cuốn tiểu-thuyết đầu tiên do một tác giả nữ ở nước ta.

Di cư vào Nam năm 1954, bà đã đi vào ngành sáng-tác văn-học cho tuổi thơ, viết nhiều cuốn trong loại sách hồng trước khi đem cái vốn Hán-học vững chãi của mình ra để dịch nhiều pho truyện Tàu, kể cả loại sách kiếm hiệp là loại sách ăn khách trên thị-trường tiểu-thuyết hồi đó. Nhưng bên cạnh những sinh hoạt chỉ nhằm kiếm sống này dưới những bút-hiệu như Lão Sơn Nhân, Mộng Tiên v.v..., bà cũng đã bỏ thời giờ ra dịch LIÊU TRAI CHÍ DỊ của Bồ Tùng Linh (1640-1715), và THI KINH QUỐC PHONG, tập thơ cổ-diễn nổi tiếng thế-giới của Trung-hoa và cũng là một trong hai "ngọn nguồn của thi ca Đông-phương" (theo lời của G.S.

Nguyễn Đăng Thục.)

Không chỉ dịch, bà còn sáng tác. Đau đớn trước những hy-sinh vô bờ bến của người chiến-sĩ Việt-nam, bà sáng tác ra một bài thơ dài trong thể song thất lục bát mang tên Tân Chinh Phụ Ngâm Khúc (1968), mà lời thơ chải chuốt và dài các, đã có lúc được ví với tác-phẩm của Đoàn Thị Điểm mà bà đã dùng làm mẫu. Ngâm khúc này cũng đã được in lại trong tập thơ TIẾNG QUYÊN là tuyển tập thơ Kim Y do Cảnh Nam xuất bản năm 1984.

Vốn người khiêm tốn, cho đến tận khi nằm xuống bà đã không chịu để con hay người thân phổ-biến tin tức: bà chính là cháu đời thứ 23 của cụ Nguyễn Trãi (1380-), một trong những trí tuệ lớn nhất của Việt-nam, một danh-nhân thế-giới mà giờ đây đã được UNESCO công-nhận, một công thần của nhà Lê. Ông là cánh tay phải của Lê-Lợi, đặc biệt trong cuộc kháng-chiến kéo dài 10 năm (1417-) chống quân Minh, song cũng lại bị tru di tam tộc vì vụ án ở Vườn Vải (Lê-chi-viên). Vì cái án khốc-hại này mà dòng dõi Nguyễn Trãi tưởng như tuyệt-tục nhưng cũng may khi án vừa ra thì một người thiếp của Nguyễn Trãi họ Phạm, lúc bấy giờ đang có thai và kịp đi trốn. Đến khi hạ sinh được người con trai thì người con này mang họ mẹ, do đó mới có tên là Phạm Anh Vũ. Về sau, đến đời vua Thánh-tông (1460-1497) thì Nguyễn Trãi được giải oan và Phạm Anh Vũ được lấy lại họ bố.

Tuy nhiên để ghi ơn người mẹ, họ này vẫn để một chi theo họ Phạm, và đó là chi tổ của cụ Phạm Lệ Oanh.

Trong một đời cụ đã tỏ ra gương mẫu trong những vai làm vợ, làm mẹ, làm bà, hay làm người nội trợ giỏi giang. Dù kiến thức uyên thâm (cụ đọc sách báo Tàu như ta đọc tiếng Việt vậy), cụ không bao giờ để lộ ra hay khoe khoang cái hiểu biết của mình. Mặc dầu vậy, không ai có thể tìm được ra một lỗi nhỏ trong các tác phẩm của cụ nên lời khen thật không thiếu, như trong trường hợp cuốn Thi Kinh Quốc Phong hoàn-tất năm 1965 ở Sài-gòn nhưng chỉ in ra lần đầu thành 3 tập năm 1985 (Tủ Sách Cảnh Nam). Đến năm 1997 thì cuốn sách được tái bản thành một tập dày, trình bày thật trang nhã với chữ nho tuyệt đẹp do cụ ông Tá Chi Trương Cam Khải viết và các phụ bản cũng do cụ ông vẽ. Bộ Liêu Trai Chí Dị cụ dịch cũng được Cảnh Nam in lại ba tập đầu năm 1987. Cụ đang hoàn-tất một bản dịch mới của cuốn Đường Thi Tam Bách Thủ ("Ba trăm bài Đường-thi") thì cụ nằm xuống, bỏ dở một công trình mà nhiều người tin là sẽ rất hay.

thời sự văn nghệ



phụ trách: HỒ TÙNG NGHIỆP

PHIM VN DỰ ĐẠI HỘI PHIM ẢNH NEWPORT BEACH

NEWPORT BEACH. Đại Hội Điện Ảnh Newport Beach đã khai mạc lần thứ tư từ ngày thành lập hôm 25 tháng 3 với cuốn phim mở màn nhan đề "Storm" do tài tử Martin Sheen đóng vai chính. Đại Hội kéo dài tới ngày 4 tháng 4.99, trong đó có một phim Việt Nam gửi tham dự, là phim Duyên Nghiệp, nhan đề tiếng Anh là Fated Vocation.

Các rạp Edwards tại Newport Beach tham dự chiếu phim Đại Hội là Edwards Big Newport, Edwards Island 7 Cinemas, Edwards Lido. Tại thành phố Orange, rạp Captain Blood's Village Theatre và tại South Coast Village, rạp cùng tên ở đường Sun Flower cũng chiếu phim của Đại Hội. Phim FATED VOCATION, chiếu tại Four Star, là một phim đặt bối cảnh tại vùng quê thuộc Miền Bắc Việt Nam, trong đó một nghệ sĩ hát Chèo phải đối diện với thù trong giặc ngoài: sự ghen ghét trong nội bộ cũng như tương lai eo uốt của một bộ môn nghệ thuật đang bị quên lãng. Chuyện này dựa vào hai chuyện Quan Âm Thị Kính, và Xúy Vân, hai chuyện dân gian nổi tiếng của Việt Nam, do Vũ Châu đạo diễn.

Phim khai mạc Đại Hội, Storm, có vai chính là một ông Tướng (do Martin Sheen đóng).

Một cảnh trong phim Fated Vocation (Duyên Nghiệp)



chỉ huy một phân bộ của Không Lực, khi thử nghiệm một vũ khí bí mật đã gây ra một trận bão lớn ở Florida, giết hại nhiều người, trở thành trận bão gây tổn hại lớn nhất trong lịch sử. Chín năm sau ông tướng này thu phục được một nhà khí tượng học trẻ, và lại tính một cuộc thử nghiệm khác.

BẠCH ỐC BỊ TỔ ĐÀ YỂM TRỢ PHÙ THỦY HAITI

MIAMI (HTN). Theo báo The Miami Herald hôm thứ hai thì Thượng nghị sĩ Jesse Helms, Cộng hòa tiểu bang North Carolina, đã tố cáo cơ quan có tên Agency for International Development, viết tắt là AID, và Tòa Bạch Ốc hiện nay đã tài trợ cho các phép thuật phù thủy ở Haiti, và ông đòi việc này phải chấm dứt.

Tờ báo tường trình rằng trong một lá thư đề ngày 8 tháng 2.1999 gửi cho Tổng trưởng Ngoại giao Madeleine Albright, Thượng nghị sĩ Jesse Helm, Chủ tịch Ủy ban Liên lạc Quốc tế Thượng viện nói rằng Ủy ban của ông đã tiêu phí vô số thời gian để kiểm tra các chương trình mà cơ quan AID yểm trợ, và tìm ra rằng có "những chương trình được bảo trợ đã dùng tiền của dân Mỹ đóng thuế để hỗ trợ hay hợp thức hóa những gì dẫn đến phép thuật phù thủy".

Từ tháng 4.1998 đến tháng 3.1999, cơ quan AID giúp 295.000 mỹ kim cho tổ chức PROFAMIL. Profamil là một tổ chức đã "thực hiện một cuộc vận động với tin tức về tính dục và sức khỏe trong sự sinh sản để tới với những người theo pháp thuật phù thủy". Chi tiết trong lá thư nói rằng tổ chức trên đã dùng các bài ca ngắn có tính kinh cầu để nói rằng thuốc STD có thể truyền bệnh tính dục và cũng rao truyền trong các cuộc phù phép rằng sinh sản có kế hoạch là tốt.

VIỆN KHOA HỌC NY ĐÒI PHÓNG THÍCH Ô NGUYỄN THANH GIANG

Viện Khoa Học New York đã kêu gọi chính quyền VN phải lập tức phóng thích nhà vật lý địa chất Nguyễn Thanh Giang.

Trong một lá thư gửi cho Thủ tướng Phan Văn Khải, Viện Khoa Học New York đã kêu gọi chính quyền VN phải lập tức phóng thích vô điều kiện ông Nguyễn Thanh Giang và còn yêu cầu thủ tướng nên có biện pháp chấm dứt những hành động gây khó dễ cho các nhân vật bất đồng chính kiến trong thời gian qua.

Viện Khoa Học New York thúc dục chính quyền VN nên tôn trọng những điều khoản trong Công Ước Quốc Tế Về Dân Quyền và Quyền Chính Trị để người dân VN có quyền tự do bày tỏ cảm nghĩ của mình.

Ông Giang đã bị công an bắt vào hôm mùng 4 tháng 3 vừa rồi tại Hà Nội với tội danh mang trong mình tài liệu bài bác CS.

Cho đến nay, giới hữu trách VN vẫn chưa chịu cho biết nơi ông bị giam.

Một số nhà ngoại giao hiện đang theo dõi sát nút vụ này.

PHIM Á CHÂU VƯỢT KHÓI CHÍNH TRỊ VỚI NHIỀU TÀI NĂNG MỚI

NEWPORT BEACH (HTN). Đại Hội Điện Ảnh Quốc Tế New Port Beach lần thứ tư ghi nhận một điều rõ rệt: Hơn 10 phim Á châu tham dự đã chú trọng vào các đề tài ở trên chính trị, ngay cả cuốn phim có tên Tên Khủng Bố của đạo diễn Ấn Độ Santosh Sivan cũng nói nhiều hơn về con người hơn về chính trị. Phim Fated Vocation (Duyên Nghiệp) dựa trên hai truyện Quan Âm Thị Kính và Xúy Vân, ngay từ khi ra mắt ở Đại Hội Điện Ảnh Toronto vào tháng trước, do sự "lo xa thần tình" của Hãng phân phối phim ở Bắc Mỹ, đã loại bỏ hình cờ đỏ sao vàng đi, chứ không khi tới New Port Beach, chắc nó cũng bị loại bỏ thôi.

Qua chương trình Asian Cinema Kaleidoscope, một ống kính khuếch đại vạn hoa về Điện ảnh Á châu, người xem có thể hiểu một cách khái quát dù đơn điệu - về một khía cạnh nào đó về xã hội mà nhà đạo diễn đang sống.

KAIZAD GUSTAD, nhà văn, đạo diễn Ấn 29 tuổi với phim

Bombay Boys. Cốt chuyện phim khá lý thú. Ba thanh niên Ấn, từ ba thành phố khác nhau: Nữ Ước, Sydney, London, cùng đến phi trường Bombay trong chuyến trở về thăm quê hương của họ. Họ gặp nhau khi cùng đến quầy đổi tiền, do đó quen nhau, và sống ba tháng bên nhau trên các ngã đường đất nước. Phim qui tụ nhiều tài tử Ấn đã xuất hiện trong các phim ngoại quốc, như Naveen Andrew từ The English Patient, nói tới đủ loại đề tài cấm (đồng tính luyến ái, tội ác), đã bị cấm chiếu ở Ấn Độ. Phim Bombay Boys có hy vọng được chiếu ngoài rạp.

CASEY CHAN, đạo diễn Hong Kong với phim The Poet, nói về cuộc sống bị hành hạ của một thi sĩ có thực ngoài đời, vào năm 1988 rời bỏ Lục địa Trung hoa để tới sống ở Tân Tây Lan, với vợ và một nhân tình. Địa điểm là Auckland, nơi thi sĩ tự coi như một Vườn Địa Đàng. Tài tử yêu mến của Hong Kong Stephen Fung quá trẻ để đóng vai nhà thơ Gu Cheng, nữ tài tử Nhật Ayako Morino quyến rũ và sexy trong vai người tình.

VU CHÂU từ Hà Nội gửi đi FATED VOCATION (Duyên Nghiệp) nói về đời sống Miền bắc sau Đổi Mới, tại ngay quê hương của nghệ thuật Chèo, một nghệ thuật đang mai một. Phim do hai câu chuyện lồng vào một, một trên sân khấu, và một nơi hậu trường: Truyện Xúy Vân và Quan Âm Thị Kính. Người xem nếu là Việt Nam sẽ không nhận ra một điều mà người ngoại quốc nhận ra: các vai nữ trong Điện ảnh Việt Nam có ý chí rất mạnh.

Đó là chuyện hai chị em Xoan và Lanh, hai nghệ sĩ trong một gia đình hát chèo, bố ra đi không về, để lại một bà mẹ chịu đựng coi hát ca là vô loại. Nhưng vẫn thương hai con gái nghệ sĩ. Do Đổi Mới, rạp hát biến thành khách sạn, cô chị mất việc, có thai, chồng bỏ đi theo Đồng Bông, thù ghét cô em được trọng dụng. Rồi cô em bị hiếp trong đêm rạp karaoke khai mạc, quyết bỏ nghề, đi lao động. Phim rất cảm động, cô Tùng Thủy rất đẹp và xuất sắc trong vai Thị Mầu.

MINH NGUYEN VO ở San Pedro mang tới Đại Hội phim Crimson Wing. Phim kể chuyện một người yêu da trắng của chàng kia lại giống một cô bạn Mỹ gốc Việt đã tử nạn xe hơi.

STEPHANE GAUGER, sinh tại Việt Nam từ cha mẹ hai nguồn gốc, mang đến phim Seabirds, tả lại cuộc tìm kiếm người cha Mỹ của cậu con lai do Tony Nguyễn đóng, lấy bối cảnh Chợ Tết Little Saigon.

VAN PHAN đóng góp 3 phút phim hoạt họa bằng máy vi tính, có nhan đề Wild Card.

ĐẶNG VĂN NHÂM Bí mật

HẬU TRƯỞNG CHÁNH TRỊ

Miền Nam
(1954-1975)

Quyển mới

ĐẶNG VĂN NHÂM VÀ HẬU TRƯỞNG CHÁNH TRỊ MIỀN NAM 54-75

Khoảng 800 trang, Bí Mật Hậu Trướng Chánh Trị Miền Nam Việt Nam của nhà báo Đặng Văn Nhâm là một cuốn sách gồm những tài liệu sống trong 21 năm biến động từ trong ra ngoài, từ trên xuống dưới. Trong từ Cung đình, Ngoài ở các Quân khu, Trên Từ Dinh Độc Lập, Quốc Hội, Dưới là Đời sống mọi mặt, tác giả Đặng Văn Nhâm đã hoặc mắt thấy tai nghe, hoặc do Bs Trần Kim Tuyến kể lại hay xác nhận, cùng chính các nhân vật liên hệ, tướng Thi, tướng Loan, ... về những diễn chứng ta nghe đồn, hoặc đọc thấy trên báo chí.

Nếu hôm nay tác giả Đặng Văn Nhâm bị mưu sát, không có gì là lạ. Và không làm sao điều tra ra thủ phạm, cũng không có gì là lạ. Trong cuốn Bí Mật Hậu Trướng Chánh Trị Miền Nam, ông nói đến quá nhiều nhân vật lớn (trước kia): Thiệu, Khiêm, Kỳ, Nhã, Trí Quang, Thi, Liễu, Loan... và Bà Tướng này là nhân tình của ông Tướng nọ, bà Khiêm đánh ghen ra sao, bà Thượng nghị sĩ PTNM (tác giả viết rõ tên họ) là nhân tình của ai... và có khoảng chục người khác, còn sống; những người ấy đều có thể giết ông Nhâm. Vì những phát giác của ông quá kinh khủng.

Đã bán tại các tiệm sách. Giá 25 mỹ kim. Mua qua bưu điện, gọi các số (562) 404-4364, (714) 557-7848 hay (714) 418-0390. Xem quảng cáo cuốn sách tại bìa sau số báo này.

DI DÂN VIỆT NAM Ở TÙ QUÁ ĐỒNG

CANBERRA: Các con số thống kê cho thấy di dân đến từ Việt Nam, Li Băng, Thổ Nhĩ Kỳ và Tân Tây Lan có mức độ bị cầm tù cao nhất nước Úc.

HẠNG NHÌ MÀ NỔI NHẤT: MICHELLE KWAN

Tuy chỉ đoạt Huy chương bạc Thế Vận về trượt băng, Michelle Kwan, năm nay 18 tuổi, vẫn lấn át huy chương vàng Tara Lipinski. Tuy không là số 1 Thế Vận, cô vẫn là số 1 ở hai Giải quốc tế khác. Trong ngành thể thao thẩm mỹ này, Kwan không những đẹp, lại còn có một nghệ thuật trình diễn không ai tạo được: hai cánh tay mềm mại vươn như đôi cánh một con bạch nga lừng lẽ, không cử động, trôi trên mặt băng như một mặt hồ. Hình: 3.99 tại Helsinki cuối tháng



Nhưng theo tiến sĩ Satyanshu Mukherjee Học viện Khảo cứu Khoa học Tội Ác, chúng ta không nên dựa vào những con số thống kê tội phạm này mà vơ đũa cả nắm cho toàn bộ cộng đồng sắc tộc của những di dân ấy.

Theo thống kê của Học viện vào năm 1997 có tổng cộng 19,082 tù nhân đang bị giam cầm tại Úc, so với 11,296 tù nhân vào năm 1987. Con số tù nhân gốc di dân Việt Nam bao gồm 457 người, có tỷ lệ cao nhất so với dân số của mình tại Úc, với 2.7 người bị cầm tù cho mỗi 1,000 di dân gốc Việt, tiếp theo là di dân Li Băng với 2 người mỗi 1,000 người, Tân Tây Lan và Thổ Nhĩ Kỳ là 1.6 phần ngàn, và dân sinh trưởng tại Úc là 1 phần ngàn.

THỜI LIÊN XÔ 2000 NHÀ VĂN BIẾN MẤT

MẠC TƯ KHOA (HTN). Hôm thứ năm cuối tháng 3.99, một viên chức trong chính quyền Nga xác nhận rằng kể từ cuộc các mạng vô sản năm 1917 cho đến khi Stalin từ trần năm 1953, có hơn 2000 văn nghệ sĩ Nga đã biến mất. Tin do AP loan đi ngày thứ năm 1.4.1999.

Ông Alexander Yakovlev, giám đốc Ủy ban Tái lập Quyền Chính trị cho những nạn nhân thuộc giới Văn nghệ sĩ Trí thức Nga, một Ủy ban được thành lập do lệnh Tổng thống Boris Yeltsin, nói rằng đa số chết đói trong các trại tập trung, một số khác bị hành hình. Từ lâu, giới cầm quyền Nga cho biết có khoảng 20 triệu người bị thanh trừng trước khi Stalin chết, và trong số này có trên 10 triệu người thiệt mạng.

Không phải sau cái chết của nhà độc tài, thì không còn thanh trừng nữa, nó chỉ giảm đi mà thôi. Thời Leonid Brezhnev, có hơn 150 nhà văn, nhạc sĩ, nghệ sĩ bị đẩy ra nước ngoài, vẫn theo lời ông Alexander Yakovlev.

DÂN BIỂU MILLER ĐI V.N. QUAN SÁT ĐIỀU KIỆN LAO ĐỘNG

SAN FRANCISCO (HTN). Theo báo San Francisco Chronicle hôm thứ năm, theo lời mời của Hà Nội, Dân biểu Dân chủ George Miller đã lên đường đi Việt Nam, và vài nước Đông Nam Á khác, trong chuyến tham quan 11 ngày. Ông sẽ chú trọng vào tình trạng lao động tại các nước này.

Ông Miller chủ trương phải ràng buộc điều kiện làm việc của giới lao động vào chính sách thương mại của Hoa Kỳ, đã được Quốc Hội Việt Nam mời tham dự cuộc thương thảo phát triển Vịnh Hạ Long gần Hải phòng. Ông cũng sẽ nhìn tới vấn đề khai thác dầu hỏa ở ven biển Việt Nam.

THƠ ĐEN THƠ VỊNH



THỦY SANH

NGHÊU SÒ ỐC HẾN

Hai chú đồ kia luận với nhau
Trâu bò quen thói, lọ Trăn Châu
Nam nhi ắt có tài may và
Phụ nữ thua gì chữ Khổng Khâu
Lục thủy đầm thiêng, rồng lộn kiếp
Ăn nhà nếp vấy, hến thành ngao
Hai đồ một vảy nàng dâm tặc
Có thàng, thành văn, vũ hoặc mao.

BÁO NỮ NHÌ

Học giả nhà anh viết những gì?
Một thùng *Công Báo* vác đem đi
Thân cô bối mồm vài ba tỉnh
Đục nước thành danh một cái ghe
Nhảy nhót Nho lâm tuồng cốt khỉ
Mon men làng Báo chuyện trâu dê
Học quân man trá thay đầu chó
Lâm gã ngu phu Báo Nữ Nhì.

HẸN HÒ VỚI ĐIỆN ẢNH PHÁP

Hẹn Hò Với Điện Ảnh Pháp Hôm Nay (*Rendez-Vous With French Cinema Today*) là tên chính thức của Đại Hội Phim Pháp trình diễn 13 phim chọn lọc của Pháp tại Lincoln Center ở New York trong tháng 3.1999; về dưới là nhận xét của một ký giả: có đến 6 phim vai nữ là chính, và đời sống tình dục của họ đã vượt các phim Mỹ bằng nhiều năm ánh sáng. Đây là những phim người xem thấy cái đẹp thật của thân thể, không khí, ánh sáng, cỏ cây, hơn là máy móc ào ạt và kỹ thuật trong phòng máy điện toán của phim Mỹ. Trong 13 phim được trình diễn, sẽ chỉ có vài phim được các hãng Mỹ nhận phân phối, vì chúng thích hợp với các khán giả nước này phần nào. Một vài tựa đề: *La Nouvelle Eve* (Nàng Evà Mới), *Dieu Seul Me Voit* (Chỉ Có Thượng Đế Thấy Em), *A Vendre* (Để Bán), *Ceux qui M'aiment Prendront Le Train* (Những Ai Yêu Em Có Thể Lên Tàu), *Venus Institute* (Vệ Nữ Viện). Phim được khen là *Hasards ou Coincidences* (May Mắn hay Tình Cờ) của đạo diễn Claude LeLouche, người làm phim nổi tiếng *Một Đàn ông*, *Một Đàn Bà* 33 năm trước và *L'Ennui* của Cédric Kahn, phỏng theo Alberto Moravia và *La Classe de Neige* của Claude Miller.

僑居感作
半百餘年歷亂離
嗟乎國運太衰微
聖人救世何時出
壯士扶危遠處移
共黨從橫施虐政
國民鬱恨做愁悲
四方暴殺天笑降
莫見何邦稍福綏
泰狂謔筆

THÁI CUỒNG

KIỀU CƯ CẢM TÁC

Phiên âm

Bán bách dư niên lịch loạn ly
Ta hể quốc vận thái suy vi
Thánh nhân cứu thế hà thời xuất?
Tráng sĩ phò nguy viễn xứ đi
Cộng đảng tung hoành thì ngược chính
Quốc dân uất hận ẩm sầu bi
Tứ phương bạo sát, thiên tai giáng
Mặc kiến hà bang sảo phúc tuy

Lược dịch đại ý

Năm chục năm ngoài vẫn loạn ly
Than ôi! Vận nước quá suy vi
Thánh nhân cứu thế bao giờ tới
Tráng sĩ phò nguy đã sớm đi
Đảng Cộng tung hoành gieo tội ác
Quốc dân uất hận nuốt sầu bi
Giết càn khắp chốn, tai trời giáng
Chẳng thấy đâu còn chút phúc tuy (1)

(1) Phước Tuy: phúc, yên ổn.

Hình Alessandra Martines trong

Hasards ou Coincidences





NAM TƯ: CHÍNH SÁCH DIỆT CHỦNG, ĐỘC TÔN, KHIẾN 800.000 NGƯỜI ALBANIANS HỒI GIÁO LƯU VONG KHỎI KOSOVO MÁU LỬA

Tới ngày 6 tháng 4.1999, khi khuôn báo đưa qua nhà in, Không quân Đồng minh trong khối NATO đã oanh kích Nam Tư tới ngày thứ 13. Đây là cuộc trừng phạt quân sự nhằm vào chế độ thanh lọc chủng tộc của Tổng thống Slobodan Miletovic. Ông này hung hãn, có hệ thống, cần quét người Albanians Hồi giáo ra khỏi Kosovo, hầu thiết lập một Nam Tư thuần giống, và độc tôn Thiên chúa giáo. Đoàn quân Tigers của Miletovic phân loại phụ nữ, trẻ em, xua những người này qua biên giới sang các nước láng giềng; sau khi hãm hiếp phụ nữ; còn đàn ông, từ 16 trở lên, nã súng thủ tiêu hàng loạt, chôn lấp tập thể. Trong vòng 13 ngày, khoảng 800.000 người Albanians trở thành kẻ lưu vong. Chính sách của Belgrade chưa rõ sẽ dẫn Âu Châu đi về đâu. Hình trên: Những chuyến tàu chật ních người Albanians rời Pristina, thủ đô Kosovo tự trị, đang bị quân Nam Tư tàn phá. Những người khác cũng đang tìm cách đi, bằng xe bò kéo, hoặc đi bộ.

NHÀ LÀM PHIM SHAKESPEARE in LOVE BỊ KIẾN TỘI ĐẠO VĂN

LOS ANGELES (HTN). Một nữ văn sĩ từng có tác phẩm được liệt vào Danh Sách Bán Chạy Nhất hôm 16.3 đã vô đơn kiện những người làm phim Shakespeare In Love về tội đạo văn, theo tin AP loan báo hôm thứ ba.

Nữ văn sĩ này là bà Faye Kellerman, tác giả cuốn The Quality of Mercy xuất bản năm 1989.

Đêm Chủ nhật 21.3, phim trên được trao lời 7 giải Oscars, trong có Oscar về "Phân Cảnh Truyện Phim Sáng Tác" xuất sắc nhất trao cho hai ông Marc Norman và Tom Stoppard. Luật sư Barry Novak của nữ văn sĩ Keelerman nói: "Lẽ ra hai ông này phải được trao giải Oscar "Phân Cảnh Truyện Phim Sáng Tác" hay nhất. Ý nói truyện phim đó đã dựa vào cuốn The Quality of Mercy của thân chủ ông.

Trong truyện trên, xuất bản từ 10 năm trước, bà Faye Kellerman viết về William Shakespeare hồi trẻ, yêu một phụ nữ mà người này, vì là phụ nữ hồi đó không được quyền sinh hoạt trên sân khấu, nên đã giả trai để được đóng kịch. Phim Shakespeare In Love có truyện in hệt như vậy, tuy nhiên tình tiết thì

khác.

Trong truyện nguyên bản, Shakespeare điều tra một vụ án mạng mà nạn nhân là bạn mình, trong khi người yêu giả trai kia giúp người Do Thái thoát các Tòa Án Trung Cổ trốn sang Luân Đôn. Trong phim Shakespeare viết truyện Romeo and Juliet trong khi người yêu giả trai để đóng kịch của chàng.

Những người bị kiện là hai ông viết phần cảnh truyện phim, hãng Miramax, Universal City Studios Inc. và nhà in Hyperion in bản phân cảnh.

NGÀY NHÂN QUYỀN VN TẠI QUỐC HỘI: 11.5

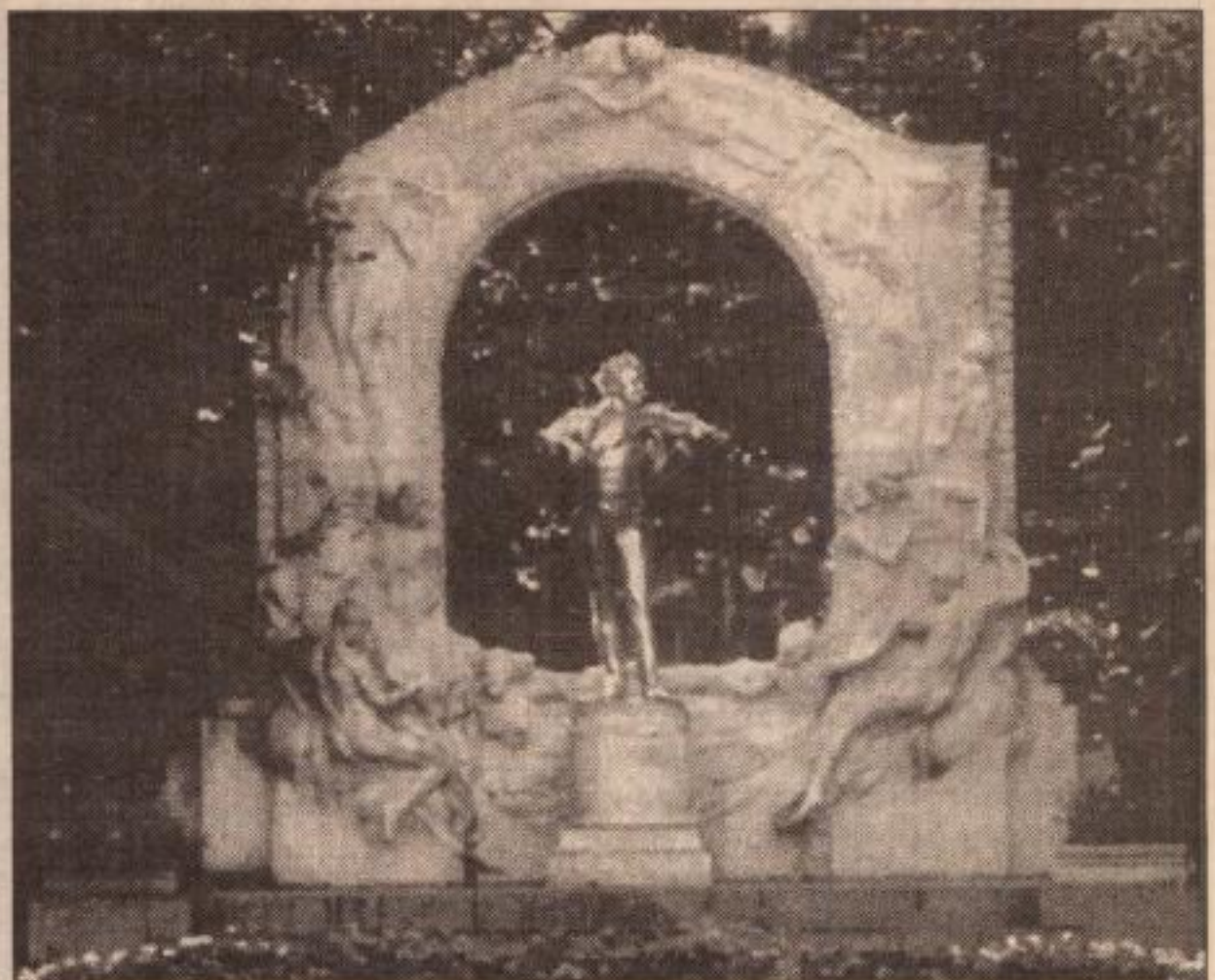
HOA THỊNH ĐỐN (VNN) — Ngày Nhân Quyền Việt Nam, nhằm ngày Thứ Ba 11/5 năm nay sẽ được tổ chức tại trụ sở Thượng Viện Quốc Hội Hoa Kỳ, Dirksen Senate Office Building, Phòng 106, từ 1 đến 5 giờ chiều. Dirksen building ở ngay góc đường 1 và C, NE, Hoa Thịnh Đốn. Nếu đi Metro thì trạm gần nhất là Union Station, Red Line.

Đây là lần thứ năm kỷ niệm Lương Viện Quốc Hội Hoa Kỳ ra Nghị Quyết Chung chỉ định ngày 11 tháng Năm năm 1994 là Ngày Nhân Quyền Việt Nam. Sau đó, Tổng thống Clinton đã ký thành Sắc Luật số 103-258

THÀNH PHỐ VIENNE TỔ CHỨC KỶ NIỆM 100 NĂM J. STRAUSS

Ông vua của Luân Vũ (Waltz), nhạc sĩ Johann Strauss Jr. (con), từ trần cách đây đúng 100 năm, ngày 3 tháng 6.1899. Thành phố Vienne năm nay đã tổ chức kỷ niệm cái chết của đứa con yêu không phải bằng một Đại Hội,

Tượng nhạc sĩ Johann Strauss Jr. trong Công viên Stadtpark tại Vienne, Áo quốc.



mà bằng Một Năm Luân Vũ. Lễ kỷ niệm kéo dài suốt một năm. Ban tổ chức cho biết tất cả 550 sáng tác của ông sẽ được đem trình diễn trong khoảng thời gian một năm này.

Hai ban hòa tấu danh tiếng của thủ đô Áo, Vienna Philharmonic và Vienna Symphony sẽ hợp cùng các tổ chức khác trách nhiệm trình diễn này. Nếu bạn là người yêu nhạc, bạn không nên bỏ qua cuộc đại hòa tấu bất thường sẽ được tổ chức ngoài trời, vào đêm 29 tháng 5., trong khu Heldenplatz đối diện Lâu đài Hoàng gia cũ (Hofburg), do nhạc trưởng Zubin Mehta điều khiển. Bốn rạp hát Sjaatsoper, Volksoper, Kammeroper và Theater an der Wien sẽ thay nhau trình diễn các nhạc cảnh nhỏ của Johann Strauss Jr., trong có Die Fledermaus và The Gypsy Baron. Riêng buổi trình diễn tại Musikverein do nhạc trưởng Ricardo Muti điều khiển vào ngày 1.1.2000 đã bán hết vé, dù vậy bạn có thể đón xem trên TV, vì nó được trực tiếp truyền hình trên toàn cầu. Cả hai buổi trình diễn lớn này dĩ nhiên đều trao cho Dân nhạc Vienna Philharmonic.

Từ ngày 6 tháng 5 đến hết ngày 26 tháng 9. 1999, từ 10 giờ sáng tới 5 giờ chiều, cuộc triển lãm có chủ đề Johann Strauss Trong Thời Đại Của Ông sẽ mở cửa tại Viện Bảo Tàng Lịch Sử Thành Phố Vienne trên Karlsplatz. Ngoài hình ảnh của ông và gia đình ông, còn là hình ảnh ông đi du lịch ở St Peterbourg, Nga, Nữ Ước, Mỹ, cũng như những nhạc cụ ông đã dùng đến. Kể từ tháng 5 đến hết tháng 10, bạn có thể lên Con tàu The Admiral Tegethoff để du ngoạn trên Giòng Sông Xanh, và dĩ nhiên, tàu trôi trong tiếng nhạc của người đã làm cho giòng sông bất tử. BẠN có thể hỏi thêm chi tiết qua số điện thoại 43-1-58-880.

TINH THẦN VN, SỨC SỐNG THỜI, KHÔNG GIAN

NGUYỄN THANH GIANG

Khi bài viết dưới đây được trình bày trên trang báo Khởi Hành cho Số chủ đề 30 Tháng 4, Tác giả của nó, Tiến sĩ Nguyễn Thanh Giang, 62 tuổi, bị Hà Nội kết tội "lạm dụng dân chủ", một tội có thể ngồi tù 3 năm, chiếu khoản 205a Luật Hình Sự Việt Nam, theo lời nữ phát ngôn viên Ngoại Giao nói với phóng viên Reuters hôm 6 tháng 4.1999 tại Hà Nội. ■ Nhà vật lý Nguyễn Thanh Giang bị bắt hôm 4 tháng 3, gây nên làn sóng phản đối trên khắp thế giới, kể cả lời phản đối của ông James Rubin, phát ngôn viên Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ, nói hôm 12.3 tại thủ đô Hoa Thịnh Đốn. ■ Trong cộng đồng Việt Nam Hải ngoại, Tiến sĩ Trần Huy Bích đã đứng ra soạn Bản Lên Tiếng, và thu được 500 chữ ký của Trí Thức Việt Nam Hải Ngoại, Phản đối Nhà Cầm quyền Hà Nội. Nếu không có những phản đối dữ dội của quốc tế, vấn đề chắc đã khác: Tiến sĩ Giang có thể bị cầm giữ vĩnh viễn trong bóng tối, không bao giờ bị xét xử, cũng chẳng bao giờ được ra khỏi tù. Cộng sản không bao giờ tính chuyện hai ba năm với những người bất đồng chính kiến, mà hai mươi năm, ba mươi năm. ■ Để bạn đọc biết rõ hơn về nhà khoa học này, Khởi Hành trân trọng đăng tải dưới đây một bài viết của ông, có lẽ là bài viết đầu tiên của một trí thức trong nước, nói đến đồng bào hải ngoại, với những nhận định sâu sắc về khía cạnh tinh thần Việt Nam trong lưu vong. Bài này được gửi cho Khởi Hành cách đây khoảng nửa năm. ■ V.L.

Từ một vòm granit Sông Chảy, một mảng nhô Kon Tum của đại địa khối Indosini với lởm chởm những mảnh địa khối nhỏ rời rạc, núi lửa đã phun, biển đã tiến và thoái, phù sa đã đắp bồi để thiên nhiên tạo nên một dải đất cong cong hình chữ S với diện tích trên 32 vạn kilomet vuông. Rồi động đất lại xé những đường đứt gãy kiến tạo cỡ hành tinh với những địa mảng sông Đà, địa lũy Sông Ba... Đến khi vua Hùng kiến lập giang sơn, khai mở bờ cõi thì các vua và chúa tham tàn từ phương bắc không ngừng nhăm nhe dòm ngó và đã tâm uy hiếp. Suốt hơn nghìn năm, đất nước này chịu bao phen chia cắt, tách nhập. Từ Nam Việt của Triệu Đà, Giao Chỉ bộ thời Hán đến An Nam đô hộ phủ đời Đường... phần lãnh thổ ở phía bắc luôn luôn bị phong kiến ngoại bang chiếm giữ. Bọn thực dân láng giềng, không chỉ tàn bạo khi đàn áp để thôn tính lãnh thổ mà còn hết sức thâm hiểm trong âm mưu Trung Hoa hóa dân ta. Chúng lệnh cho đàn ông Việt Nam phải để

tóc dài, phụ nữ Việt Nam phải bó chân, không được mặc váy, phải ăn mặc giống hệt người Trung Quốc. Vậy mà cái khối dân tộc nhỏ bé ở phương nam lúc bấy giờ mới gồm khoảng dăm bảy triệu người đã không chỉ nhiều lần "đánh một trận sạch sanh kinh ngạc", làm bạt vía Bắc Triều, mà còn kiên cường chiến thắng âm mưu đồng hóa của người Tàu. Về vấn đề này, học giả Hoàng Văn Chí có kể câu chuyện sau:

"Một chính khách Nhật Bản tên là Ki Tsuyoshi nhân bữa tiệc thiết đãi Tôn Dật Tiên tại Tokyo vào năm 1911, bất ngờ nêu câu hỏi: "Ông nghĩ gì về người Việt Nam". Tôn Dật Tiên đáp: "Người Việt Nam về bản chất là người nô lệ. Họ đã từng bị chúng tôi cai trị, bây giờ bị người Pháp cai trị... Họ không thể có một tương lai sáng sủa cho lắm". Tsuyoshi khoát tay: "Tôi không đồng ý với ông về điểm này. Tuy hiện nay chưa độc lập, nhưng họ là bộ tộc duy nhất trong số các bộ tộc "Bách Việt" chống lại quá trình Hán hóa thành công. Một dân tộc như thế sớm muộn gì cũng giành được độc lập".

Thật vậy, trong khi tất cả các bộ tộc ban đầu sống ở phía nam sông Dương Tử đều bị người Hán đồng hóa một cách dễ dàng, thì người Việt Nam là một ngoại lệ độc nhất vô nhị.

Ảnh hưởng sâu đậm nhất chi phối nền chính trị-văn hóa-xã hội Việt Nam mà người Trung Hoa xác lập được là việc truyền bá tư tưởng Nho giáo. Tuy nhiên, thực tế không phải là người Trung Hoa đã đồng hóa được Việt Nam bằng Nho giáo mà chính Việt Nam đã đồng hóa Khổng giáo. Trong khi Khổng Tử tuyệt đối hóa "Trung thân bất sự nhị quân" thì người Việt Nam sẵn sàng ngả theo tôn chỉ "Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh". Trong khi Khổng Tử khẳng định "Khắc kỷ phục lễ vi nhân" thì trí thức Việt Nam quả quyết "Thiện căn ở tại lòng ta". Vua quan các triều Đinh, Lê, Lý, Trần đều chủ trương "Tam giáo đồng nguyên". Thật ra là, cha ông ta đã xây dựng riêng cho đất nước mình một giáo lý tổng hòa tinh chiết từ ba đạo Phật, Nho, Lão. Vua Trần Nhân Tông sau hai lần đánh bại Nguyên - Mông vào các năm 1285 - 1288 thì về tọa sơn tại Yên Tử, lập nên dòng tu Trúc Lâm Thiền dung hợp Phật giáo với Khổng giáo.

Những công trình nghiên cứu sâu xa gần đây của các học giả hiện đại còn nêu nhiều dẫn chứng cụ thể chứng minh rằng nền văn hóa Việt Nho mới chính là tiền đề khởi thủy cho Khổng giáo. Theo hai sử gia Trung quốc Vương Đồng Linh và Chu Cốc Thành và một số học giả phương Tây như

Eberthard và Eickstedt thì các bộ lạc nông nghiệp có tên là Bách Việt tổ tiên của các dân tộc Việt Nam, Lào, Thái Lan, Miến Điện hiện nay- đã từ phương Tây dọc theo bờ sông Dương Tử tràn sang Trung quốc từ hàng ngàn năm trước khi các bộ lạc người Hoa men theo bờ sông Hoàng Hà kéo đến.

Chính dân Bách Việt đã tạo dựng nên nền văn hóa Việt Nho. Một số nhà nghiên cứu như Kim Định đã xác định rằng tinh thần Việt Nam được cấu thành bởi ba nguyên lý cơ bản: nguyên lý Lương nhất, theo đó cái riêng hàm chứa cái chung và số nhiều cũng là đơn chất, tĩnh là động mà động cũng là tĩnh; nguyên lý Nhân Chủ, theo đó con người là kết hợp của trời và đất, nên con người là chủ vũ trụ; nguyên lý An Vị, theo đó mỗi hành vi con người đều chi phối bởi nội tại chứ không phải do những tác nhân bên ngoài điều khiển.

Cái thời Bắc thuộc xa xưa ấy đã chìm vào dĩ vãng, hơn nửa thế kỷ cũng đã bỏ lại đằng sau một thời thuộc Pháp. Nhưng suốt mấy thập kỷ gần đây đất nước lại bị phân chia, nửa này xây dựng chủ nghĩa xã hội, nửa kia lệ thuộc chủ nghĩa tư bản. Từ 30 tháng 4 năm 1975, đất nước mới thu về một mối. Cũng như non sông đã từng "đứt thối lại nối, thấp đà lại cao", lịch sử đã "bĩ cực" rồi sẽ "thái lai". Hy vọng cái cộng đồng 76 triệu người này sớm muộn rồi cũng sẽ tìm được con đường đi tới giàu mạnh, văn minh, tự do, hạnh phúc nhờ cái tinh thần Việt Nam trường tồn. Tinh thần Việt Nam cho ta tự hào, và đương nhiên, cũng cho ta tin tưởng.

Nhưng, phải chăng tinh thần Việt Nam đã và chỉ cần tồn tại với thời gian? Hình như, không mấy dân tộc trên Trái Đất phải trần trụi với câu hỏi này như chúng ta... Thật vậy, đến nay, ngoài dân Do Thái, chắc chẳng dân tộc nào phải ly tán tha phương khắp hành tinh như dân tộc ta. Cho đến cuối thiên niên kỷ thứ hai, chúng ta không chỉ có 76 triệu mà là 78 triệu người Việt Nam. Trong đó 2 triệu người (2,6% dân số) không được hái chum khế ngọt trên mảnh đất tổ tiên ông bà mình đã từng phá thạch khai sơn mà rải rác ngụ cư trên khắp năm châu, ở chừng 80 nước.

Có ai cảm được giọt nước mắt đồng cảm khi một đêm nào nằm trong vắng lặng, dù giữa choáng lộn những tiện nghi sang trọng, nhưng biết rằng tổ quốc xa lắm lắm bằng cả cái thăm thẳm dày của hơn sáu ngàn kilomet đường kính Trái Đất, dưới lưng mình- và đọc những vần thơ sau đây:

Cong lưng gánh nổi đời lưu lạc
nặng trĩu nghìn cân nhớ nước non
Cao Tần

Thế nào rồi chúng ta cũng sẽ quên đi
Quên mà nhớ những khoảng trời lưu lạc
Một nửa đời chấp vá vẫn so le
Chân càng đi lòng càng muốn trở về
Hết tuyệt vọng lại điên cuồng hy vọng
Hết cười lên than lại bình lữa sống
Nhớ mà quên khóc lại cũng như cười...
Nguyễn Hữu Thủ

Nỗi hoài niệm quê hương ấy không chỉ mang mang trong các vần thơ mà còn ẩn uẩn nhiều tên sách dày mỏng khác nhau: *Thành phố trong hồi tưởng*, *Chuyện Quê Nam*, *Chuyện miệt vườn*, *Cây trái quê mình*, *Trông vời quê hương*, *Làng xưa phố cũ*, *Gành Ráng*, *Hà Nội những ngày tháng cũ*, *Xóm cũ*, *Hà Nội trong mắt tôi*, *Sông Mỹ sông Việt*... Nỗi hoài niệm quê hương rêu rắt trong bao nhiêu bài hát về Sài Gòn: *Sài Gòn áo xanh nón lá*, *Sài Gòn năm xưa*, *Sài Gòn niềm nhớ không tên*, *Sài Gòn bây giờ buồn không em*, *Khi xa Sài Gòn*, *Đêm qua mơ thấy Sài Gòn*... Cũng với đầy ắp những hoài niệm đó, nhạc sỹ lão thành lỗi lạc Phạm Duy đã phổ nhạc cho nhiều bài thơ Hoàng Cầm trong "*Hoàng Cầm Ca*" viết hàng loạt "Rong Ca" trên cơ sở thanh âm ngũ cung, tam cung, thất cung. Nhạc sỹ là người đầu tiên đưa nhạc Việt Nam vào đĩa hát *la de*. Tháng 12 năm 1988, một nhà sản xuất đĩa hát Pháp đã tung ra thị trường đĩa hát quốc tế *la de "Rêves et Réalités"* về nhạc cổ truyền Việt Nam.

Tôi đã từng man mác buồn thương nhớ cùng "*La Tristesse*" của Chopin nhưng ngoài hiện tượng ngổn ngang trong thơ, văn, nhạc, họa... Việt Nam ở nước ngoài thì nhiều nỗi dỗi dặt tâm tư tôi qua nhiều trạng thái lẫn lộn của nỗi chua xót ngậm ngùi với niềm tin óng ánh tự hào. Cái gì đã níu kéo những tâm hồn tha phương manh mẽ đến thế? Cái gì thiêng liêng dai dẳng đến độ "*dấu lia nó ý còn vương tơ lòng*" trong mối tương tư hơn cả trai gái tương tư như vậy? Cái gì nung nấu trái tim vọng quốc đến độ bừng bừng khắc khoải dường như không còn tìm thấy ở đâu hơn nữa?... Rồi đây, nhất định cần những công trình nghiên cứu công phu và nghiêm túc của các học giả uyên thâm về nỗi nhớ quê hương, tổ quốc của con người Việt Nam. Chắc chắn sẽ phát hiện được nhiều nét khác biệt so với những con người thuộc các quốc gia khác, nhưng, điều lý thú hơn là, có lẽ sẽ chứng minh được một cách thuyết phục về độ nồng nàn, sâu lắng khác thường của nó nữa. Phải chăng vì người Việt đa sầu đa cảm? Phải chăng vì cái mệnh mang xa vắng của bến sông vắng tiếng sáo Trương Chi, cái trầm buồn của tiếng mưa rơi trên mái tranh thương vọng lời ru "cái cò, cái vạc..." đã thấm đậm vào gien tâm tư của rất nhiều thế hệ truyền nối? Phải chăng vì chữ nhân, chữ nghĩa, chữ tình...? Có tất cả, tất cả, nhưng dứt khoát yếu tố chi phối quyết định phải là cái khí thiêng sông núi, cái hồn của dân tộc, cái tinh thần Việt Nam với sức sống thời gian - không gian rất đặc biệt của nó.

Tôi may mắn có dịp ghé qua nhiều hiệu sách ở Hoa Kỳ. Thật mừng khi thấy có những hiệu sách đầy ắp sách tiếng Việt. Sách nghiên cứu lịch sử có, sách nghiên cứu về đạo có, sách dạy nội trợ có, tiểu

thuyết có, thơ có... Xin nêu một vài tên sách làm ví dụ: *CÂY CỔ VIỆT NAM* (5 tập) của Phạm Hoàng Hộ, *ĐỊA LÝ BIỂN ĐÔNG* với Hoàng Sa và Trường Sa của Vũ Hữu San, *TIỀN TỆ VIỆT NAM* của Phạm Thăng; *ÂM NHẠC VIỆT NAM* của Trần Quang Hải; *SỬ ĐIỆP TRỐNG ĐÔNG* của Kim Đình,... (mất) của Kim Y Phạm Lê Oanh; *QUỐC TRIỀU HÌNH LUẬT* của Nguyễn Ngọc Huy; *HƯƠNG SẮC QUÊ MÌNH* của Lăng Nhân; *THỜ CÚNG VÀ LỄ BÀI* của Thăng Hoan; *ĐẤU VẾT VĂN HÓA VIỆT TRÊN ĐƯỜNG BẮC MỸ* của Phạm Quốc Bảo v.v... Tất cả đều in bằng giấy rất tốt, nhiều cuốn bẻ thế, trang trọng. Bìa sách nói chung không đến nỗi lố lỏ như sách ở nhà thời kỳ mấy năm trước đây.

Còn một điều ghi nhận nữa làm tôi thấy yên lòng là, sách tiếng Việt cho các em thiếu niên và nhi đồng cũng không đến nỗi quá ít.

Bài thơ sau đây không chỉ làm tôi quý mến:

IN MY HEART

*I looked into my heart and saw
The daylight
How it was shining like a shooting star
I broke the day and saw the night
How the moon had stars all around it
And how the stars were surrounded by
Angels from heaven
I looked under the night
And I saw something very valuable
My family*

Tôi thật sự khâm phục em bé Việt Nam mà làm được một bài thơ tiếng Anh hay đến thế. Cháu tên là Như Kha, con một gia đình trí thức Việt Nam ở Washington D.C. Bài thơ này cháu làm lúc 8 tuổi. Tôi sẽ càng vui sướng bội phần nếu bản chuyển ngữ sau đây cũng chính là của cháu:

*Trong trái tim em
Nhìn tìm thấy nắng rõ ràng
Như sao băng vút dặm vàng xa xa
Em ngồi dậy vỡ ngày ra
Thấy đêm sao nở hằng hà quanh trăng
Quanh sao bay những thiên thần
Em đưa mắt ngó bản thân dưới đêm
Thấy gì vừa quý vừa êm
Vừa tha thiết quá trong em: Gia đình.*

Ra nước ngoài nhiều khi chỉ nghe thấy một người nói tiếng Việt đã mừng lắm huống chi đọc được những dòng chữ Việt Nam giữa trời đất nước người. Không phải chỉ những dòng sách báo thôi đâu, cả những biển chữ rất lớn, rất đẹp treo ngang mặt người, treo tận trên cao. Không phải chỉ ở các thủ phủ của những quần cư người Việt đông đúc như Quận Cam ở California, Houston ở Texas, mà ngay giữa các phố lớn của Washington, Chicago tôi cũng từng gặp những biển hiệu như thế. Sao nhỉ? Sao giữa đất nước người mà bà con mình cứ ngang nhiên, cứ kiêu hãnh kể thật to những biển chữ: Lạc Hồng, Cửu Long, Diễm Xưa... Những lúc ấy tôi chợt nghĩ về những tấm biển treo ngay giữa đường phố Hà Nội, Đà Lạt, Vũng Tàu... mà sao lại cứ phải là Le Coq d'Or, là shop, là show room...?

Báo chí trong nước cũng có một vài thái độ chưa ổn với tiếng Việt. Nhiều danh từ chung đã quá quen thuộc với tuyệt đại đa số đồng bào rồi mà sao lại cứ phải viết trong bài báo tiếng Việt là "cầu thủ hai đội đã fair play", là "các fan cuồng nhiệt"...

Nói viên thuốc, hộp sữa quá hạn thì ai cũng hiểu. Cùng lắm nói quá đất cũng được. Can chi phải viết thành "quá date". Nhiều từ nước ngoài đã được Việt hóa lâu đời nên cứ mặc nhiên xem nó là tiếng Việt đi, có sao đâu. Chắc chẳng ai thấy cần chính xác hóa lại bằng cách viết xà phòng thành savon, bít tết thành beefsteak. Thật thích thú khi nghe người nước ngoài sử dụng trực tiếp các từ ngữ: phở, cái non, áo dài... trong câu nói của mình. Hẳn là họ sẽ cũng phải phiên âm trực tiếp những từ ngữ trên bằng tiếng nước mình khi viết.

Nhiều người khi nghĩ đến các cộng đồng Việt Nam ở nước ngoài chỉ kỳ vọng vào khả năng đóng góp kinh tế và khoa học, công nghệ. Thật ra, đấy chỉ là phần nổi. Còn một phần đóng góp khác lớn lao hơn, đáng trân trọng hơn, mang tầm chiến lược hơn. Chính phần đóng góp này mới quyết định khả năng huy động có thể trước mắt và sức duy trì ở tương lai những tiềm năng lớn hơn cả những đóng góp kinh tế và khoa học kỹ thuật mà ta đang kỳ vọng. Thật vậy, cứ nghĩ xem, thời gian trôi đi rất nhanh. Cái ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã cách đây non phần tư thế kỷ. Nhiều thành viên trong các cộng đồng Việt Nam không chôn rau cắt rốn trên đất tổ đã trưởng thành. Vài chục năm nữa thì chính con cái họ cũng ở tuổi vị thành niên. Nếu họ không còn biết tiếng Việt, không còn trân trọng nền văn hiến 4000 năm, không duy trì được bản sắc dân tộc tổ tiên; nếu họ bị Mỹ hóa, Tây hóa, Úc hóa hoàn toàn thì còn có gì để kỳ vọng ở họ những người ngoại quốc? Cho nên ta phải cảm ơn cái tinh thần Việt Nam bền vững, cảm ơn tất cả những ai ý thức được một cách sâu sắc và chủ động đóng góp cho việc duy trì và phát triển cái phần hồn bất diệt này. Ta đã từng gắn những huân chương cao quý, từng dành những lời ca tuyệt đích cho những công tích đóng góp vào sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng (...) xã hội. Tất cả những điều ấy, xét cho cùng, mới chỉ biểu hiện thái độ năng nui, trân trọng phần những đóng góp vào sự tăng cường sức sống thời gian của tinh thần Việt Nam. Sao chưa đặt vấn đề suy tôn xứng đáng những cộng đồng, những cá nhân bằng ý chí kiên cường, bằng trái tim nồng nhiệt đã và đang phần đầu bến bãi, thăm lặn cho sự trường tồn của sức sống không gian của tinh thần Việt Nam?

Người Nhật sau thảm bại ở chiến tranh thế giới lần thứ hai đã quyết tâm phát triển kinh tế và khoa học kỹ thuật với tâm niệm rằng mỗi chiếc ô tô xuất khẩu sẽ mang được một lá cờ Nhật Bản cắm ở nước ngoài. Sao không kiêu hãnh chính đáng rằng mỗi người Việt Nam đang nói tiếng Việt, đang duy dưỡng văn hóa Việt trong bản thân, trong gia đình, trong cộng đồng mình ngoài bờ cõi đều là những lá cờ Việt Nam nhỏ phất bay đâu đó khắp hành tinh Trái đất.

Sau bao nhiêu cuộc kháng chiến trường kỳ gian khổ, sau bao nhiêu mất mát hy sinh, có lẽ trời đất đã đền bù cho ta thêm cái *mô-đun* không gian giao hòa và *mô-đun* thời gian để tăng cường sức sống bội phần cho tinh thần Việt Nam.

Và, ta có thể tự hào tung hô "Tinh thần Việt Nam muôn năm". ■

Nhà A 13 P 9 Tập Thể Phòng Không Hòa Mục
Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: 8.536.012

ANH HÙNG LÊ NGUYỄN VỸ

THANH SƠN



Trên hai kỳ Khởi Hành số 18 và 19, phát hành vào tháng 4 và tháng 5.1998, chúng tôi đã đăng bài về 5 Vị Tướng Tư Lệnh Tuần Tiết trong ngày 30 tháng 4.1975, và ngày hôm sau.

Ngày 29 tháng 4.75, Thiếu tướng Phạm Văn Phú, Tư lệnh Quân đoàn II kiêm Quân khu II, uống độc được tại nhà riêng tại Sài Gòn, và từ trần tại bệnh viện Grall vào đúng ngày 30.4, sau khi nghe tin ông Dương Văn Minh ra lệnh đầu hàng. Chuẩn tướng Lê Nguyễn Vỹ, Tư lệnh Sư đoàn 5 Bộ Binh, là Vị tướng đầu tiên tự sát trong ngày 30 tháng 4. Thiếu tướng Lê Văn Hưng, Tư lệnh phó Quân khu IV, tự sát bằng súng lục tại Tư dinh vào lúc 8 giờ 45 phút tối 30.4. Chuẩn tướng Trần Văn Hai, Tư lệnh Sư đoàn 7, bắn Sư đoàn trưởng Việt cộng bị thương trong văn phòng Tư lệnh tại Mỹ Tho, trước khi tự sát, chiều ngày 30.4. Thiếu tướng Nguyễn Khoa Nam, Tư lệnh Quân đoàn IV kiêm Quân khu IV, tự sát bằng súng lục tại sân cờ Bộ Tư Lệnh tại Cần Thơ, vào lúc 6 giờ 30 sáng ngày 1 tháng 5.

Trên Khởi Hành số 18, tháng 4.1998, chúng tôi đã in hình 4 Vị, và hẹn sẽ in hình Tướng Lê Nguyễn Vỹ sau. Nay hình đã có. Cùng với hình, chúng tôi đăng tải dưới đây bài viết có nhiều chi tiết nhan đề Anh Hùng Lê Nguyễn Vỹ của Thanh Sơn. Tưởng Niệm ngày 30 tháng tư tang tóc, một lần nữa chúng ta Tưởng Niệm những người vị quốc vong thân, những gương tuần tiết liêm liệt, những cái chết mãi mãi còn được nhắc nhở như những gương sáng chung.

Đại tá Lê Nguyễn Vỹ về đảm nhiệm chức vụ Tư Lệnh Sư Đoàn 5 Bộ Binh vào khoảng tháng 6 năm 1973, trong lúc vết thương ở chân của ông chưa lành hẳn, bước đi khập khiễng, phải chống gậy vì bị tai nạn trực thăng khi còn là Tư Lệnh Phó Sư Đoàn 21 Bộ Binh. Ông là một vị chỉ huy gan dạ nổi tiếng nhất của Sư Đoàn 5 Bộ Binh, ngay từ lúc còn là Trung Đoàn Trưởng.

"Nhất Vỹ, nhì Gia" là câu nói tôi được nghe nhiều lần nơi sĩ quan và binh sĩ khi rời quân trường về trình diện Sư Đoàn vào tháng 1-68 (Trung tá Gia hình như họ Hà, Hà Văn Gia). Rất nhiều đồng bào và anh em chiến sĩ thuộc các đơn vị

bạn quanh vùng Lái Thiêu, Bình Dương cho đến các tỉnh biên giới Bình Long, Phước Long đều biết đến tên ông. Có lẽ một phần vì tinh thần chiến đấu kiên trì và đầy dũng cảm, một phần vì tánh tình nóng nảy như lửa của ông.

Tinh thần kiên trì và dứt khoát chiến đấu chống cộng của ông đã biểu lộ qua câu chuyện của một sĩ quan tham mưu Sư Đoàn kể cho tôi nghe: "Ông Vỹ có một cô em gái đi theo VC, viết thư khuyên ông nên quay về với "Bác và Đảng" và ông đã trao thư này cho An Ninh Quân Đội VNCH để nghiên cứu".

Vào mùa hè đỏ lửa năm 1972 ở An Lộc, Việt Cộng lừa 3 Sư Đoàn (Công Trường) số 5, 7 và 9, Trung Đoàn Thiết Giáp T54, và các đơn vị trọng pháo 130 ly để bao vây và tấn công thành phố An Lộc, tỉnh Bình Long. Đại Tá Lê Nguyễn Vỹ, Tư Lệnh Phó Sư Đoàn cùng với Tướng Lê Văn Hưng, Tư Lệnh Sư Đoàn đã tích cực điều động các đơn vị phòng thủ đẩy lui nhiều đợt tấn công ác liệt kéo dài ròng rã gần 3 tháng trời. Ở vào cao điểm khốc liệt nhất, khi VC quyết định sử dụng toàn bộ lực lượng để dứt điểm chiến trường, chúng tung nhiều đợt pháo kích, sử dụng lực lượng xung kích chủ yếu, thiết giáp T54 và bộ binh kết hợp tiến thẳng vào trung tâm chỉ huy của Tướng Lê Văn Hưng.

Vì bị thiệt hại nặng nề do đạn pháo, các đơn vị phòng thủ VNCH phải co cụm lại từng tu điểm để chống trả. Khi thấy chiến xa và bộ binh địch xuất hiện từ xa, tất cả các loại súng cối của ta bắn ra xối xả, khiến bộ binh VC phải giạt lùi lại phía sau, chỉ còn thiết giáp VC vẫn một hàng dọc, theo đường phố tiến vào nơi phòng thủ của Tướng Hưng. Vì lần đầu tiên người lính VNCH nhìn thấy chiến xa địch và phần vì không tin tưởng vào vũ khí chống chiến xa M72, nhiều người kinh hoàng và tìm nơi ẩn nấp. Ngay cả đến những lính phòng thủ trước cửa hầm của Tướng Hưng cũng vậy, khi nhìn thấy chiến xa đã tới gần, tất cả đều nhảy ào xuống hầm. Đại Tá Lê Nguyễn Vỹ đã nhanh nhẹn chụp lấy một khẩu M72 của người lính đứng bên cạnh, ông bước lên miệng hầm. Trong khi ấy, Tướng Lê Văn Hưng đã cầm sẵn một trái lựu đạn nơi tay với ý định nếu VC tràn vào, ông tung ra, tất cả cùng chết.

Chiếc chiến xa đi đầu đã đến gần, nhưng vì chúng chưa định ra được chiếc hầm nào của Tướng Hưng, đang thủ, chúng quay ngang, quay dọc để tìm kiếm. Thửa lúc ấy Đại Tá Vỹ đã bắn ngay một quả đạn M72 vào hông xe làm chiếc xe bốc cháy. Binh sĩ lên tinh thần reo hò, và họ lần theo từng căn nhà, từng bờ tường để bắn những chiếc còn lại. Kết quả là gần 50 chiếc chiến xa địch bị bắn cháy ngay trên trận địa.

Đại tá Lê Nguyễn Vỹ được thăng cấp Tướng khoảng cuối năm 1974 (tôi không nhớ rõ). Ông đã phải đương đầu với một hoàn cảnh vô cùng khó khăn: vừa phải lo đối phó với áp lực của quân địch, và vừa lo chấn chỉnh nhân sự, củng cố đơn vị v.v...

Ông làm việc không kể giờ giấc, ngày đêm, hết ở Bộ Tư Lệnh căn cứ tại Lai Khê, lại chạy tới các căn cứ của Trung Đoàn, Tiểu Đoàn để kiểm tra, đốc thúc đào hào, tu bổ hệ thống phòng thủ, đắp chương ngại vật để cản chiến xa. Ông cũng lưu tâm đặc biệt việc rèn luyện tân binh, thường xuyên mở lớp huấn luyện và ôn tập cho các cán bộ và binh sĩ.

Đặc biệt về công tác bài trừ tệ nạn tham nhũng, ông làm rất hăng say.

Trong một buổi lễ khai giảng khóa huấn luyện tân binh, đứng trước cả ngàn người vừa tân binh lẫn cán bộ và lính cơ hữu của trung tâm huấn luyện ở Lái Thiêu, ông công kích kịch liệt trong gần một tiếng đồng hồ về tệ nạn tham nhũng. Ông nói rất nhiều, nhưng chỉ có một câu mà tôi nhớ hoài, không bao giờ quên:

"Chúng nó đã mọc ngầm vào với nhau rất chặt chẽ, mình phải gỡ ra từ từ mới được".

Trong một phiên họp ở BTL/SD, ông gọi những người được gửi giam nhiều năm từ đời Tư Lệnh này tới đời Tư Lệnh khác, sống lưu cữu tại trung tâm huấn luyện sư đoàn là những con heo. Ông nói: "Chúng nó ăn no béo mập như những con heo". Ông muốn "búng" đám người này đi mà cũng không làm được. Có lẽ vì họ có những cái "gốc" lớn mà rễ của nó đã mọc tới Sài Gòn... Tuy nhiên tôi ghi nhận trong thời gian ông làm Tư Lệnh, tệ nạn tham nhũng, nếu không muốn nói là đã bị



Th. t. LÊ VĂN HUNG



Th. t. NG. KHOA NAM



Ch. t. TRẦN VĂN HAI



Th. t. PHẠM VĂN PHÚ

chân đứng thì cũng giảm đi rất nhiều; không còn cảnh ăn chơi phè phỡn trong khi người khác cặm cụi làm việc.

Nhìn chung, từ ngày Tướng Võ về sư đoàn, ông đã cải tổ, xây dựng được nhiều vấn đề. Ông đã mang lại niềm tin tưởng cho mọi người.

Việt Cộng càng ngày di chuyển người, vũ khí, lương thực về gần Sài Gòn hơn. Áp lực quân sự ngày càng gia tăng. Việc tiếp tế bằng phi cơ cho An Lộc và Chơn Thành quá tốn kém mà chỉ để bảo vệ những đồng gạch vụn tại thành phố An Lộc và những vùng đất hoang vu, không người ở. Dân cư tại các làng mạc, đồn điền đã di tản để tránh bom đạn hồi năm 1972, một số chạy ngược lên Lộc Ninh, số còn lại chạy về Sài Gòn.

Vào khoảng cuối năm 1974, các lực lượng phòng thủ An Lộc và Chơn Thành được lệnh triệt thoái. Một việc làm Tướng Võ buồn lòng không ít khi một tiểu đoàn của trung đoàn 8 ở Chơn Thành rút lui, ông chỉ thị phải ưu tiên chờ hỏa tiễn Tow về trên chuyển phi cơ đầu tiên để ông tái phối trí nơi khác (Tow là một loại hỏa tiễn chống chiến xa rất hiệu nghiệm và rất đắt tiền). Ông đích thân ra sân bay đón chờ. Khi chuyển bay đầu tiên hạ cánh, hàng bốc xuống hết, ông không thấy hỏa tiễn Tow đâu cả, mà chỉ thấy toàn hàng câu lạc bộ như bia, nước ngọt, cà phê, sữa v.v... Thế rồi ông nổi cơn thịnh nộ, đích thân lái xe jeep ủi sập hết đồng hàng này.

Tình hình quân sự ngày càng nghiêm trọng, tỉnh lỵ Phước Long bị VC tràn ngập vào ngày 3-1-75, nhưng QLVNCH không có nỗ lực nào để tái chiếm. Những người chỉ huy quân sự nói chung và của SD 5 BB nói riêng đã bắt đầu lo ngại, nhưng tất cả đều đồng ý rằng, trong chiến tranh, hôm nay mất ngày mai chiếm lại là việc thông thường, không có gì lo âu quá đáng.

Khi Ban Mê Thuột thất thủ, quân đội VNCH rút khỏi cao nguyên, miền Trung và khi tuyến phòng thủ miền Đông (Phan Rang, Long Khánh) bị bể, những lực lượng còn lại của QLVNCH đang lui dần về phía cầu xa lộ Biên Hòa, tôi được lệnh chuẩn bị kế hoạch, trang bị nhẹ, dự trù trong trường hợp Sài Gòn thất thủ, sẽ lui dần về Vùng 4 để tiếp tục chiến đấu. Tôi không biết lệnh này xuất phát từ đâu!

Lúc này những đoàn quân của VC ở phía Bắc Sài Gòn đã ép sát với phòng

tuyến của SD 5 BB. Ở phía quận lỵ Phú Giáo, vào ngày 26 và 27-4-75, phi cơ phản lực, cứ 2 chiếc luân phiên nhau thả bom vào những vị trí tập trung quân của địch để ngăn cản sức tiến quân của chúng. Đường bay nhào lộn kéo tới tận không phận quận Lái Thiêu. Cán bộ huấn luyện viên và các khóa sinh đều đưa mắt liếc nhìn, không ai nói với ai một lời, tất cả đã hiểu việc gì đang xảy ra.

Trung tâm huấn luyện Sư Đoàn chỉ chấm dứt các hoạt động huấn luyện vào ngày 28-4-75 và được lệnh cấm trại 100% để lo phòng thủ. Tình hình ở Sài Gòn lúc đó đã quá lộn xộn và các đơn vị du kích quân cùng quân địa phương VC đã xuất hiện ở nhiều nơi quanh vùng Lái Thiêu, Bình Dương.

Khoảng 10 giờ đêm ngày 29-4-75, tôi đã nhìn thấy bộ binh và chiến xa của VC đang di chuyển trên xa lộ Đại Hàn (Sài Gòn - Bình Dương). Bộ binh đi hai hàng dọc, kẹp sát lề đường. Chúng chẳng thèm ngại trang lá cây gì cả và đang di chuyển về hướng Sài Gòn.

Thình lình tiếng súng cối 81 ly của TTHLSĐ từ phía sau lưng bắn ra để cản bước tiến của chúng. Đạn nổ bốc khói mù xa lộ. Chỉ trong giây lát, chiến xa và bộ binh VC đã giằng hàng ngang tiến thẳng về phía TT/HL. Những khẩu phòng không trên pháo tháp của chiến xa địch đang nhả đạn, bỗng dừng khựng lại. Chúng quay ngược ra xa lộ rồi tiếp tục di chuyển về hướng Sài Gòn. Chúng đi rất vội vã, hối hả. Rõ ràng chúng đang được lệnh tránh giao chiến dọc đường, bảo toàn lực lượng tối đa, tiến nhanh về Sài Gòn càng sớm càng tốt. Sài Gòn vào giờ này đang hỗn loạn, miếng mồi thơm ngon, béo bở đang đợi chờ, chúng không thể chậm trễ được!

Khoảng 8 giờ sáng 30 tháng 4, tôi không còn nhìn thấy một lực lượng nào của VN di chuyển nữa. Tôi vẫn đứng ở ngoài phòng tuyến suy nghĩ miên man... Chúng đã lợi dụng đêm tối, len lỏi, vượt nhanh ngang qua hông những điểm phòng thủ chính yếu của SD 5 BB, của tiểu khu Bình Dương. Chúng đã bỏ toàn bộ lực lượng của SD 5 BB về phía sau lưng rồi!

Bỗng tôi chợt nhớ tới câu chuyện hơn một năm về trước, khoảng tháng 12.73. Hôm ấy, như thường lệ, tới phiên trực, tôi đem bản đồ vào phòng riêng của tướng Võ vào buổi tối để ông duyệt xét lại tình hình tổng quát mà có những chỉ thị cần

thiết cho các kế hoạch hành quân hôm sau. Thông thường, ông chỉ lướt qua 15 phút, vì sĩ quan tùy viên đã báo cáo tình hình hàng giờ, rồi ông nói chuyện linh tinh với chúng tôi. Ông người tầm thước, khoảng 165 cm, hơi mập, nước da đen sạm vì nắng, giọng nói hơi ồm ồm. Hình như ông đang bị cảm mất tiếng nên giọng nói hơi khó nghe. Tuy nhiên, tôi vẫn nghe rõ từng tiếng... Ông đang tỏ vẻ vui mừng về việc xúc tiến phòng thủ trong những tháng qua đạt kết quả tốt đẹp. Bỗng ông tâm sự: "Tôi nghi ngờ chúng nó không đánh mình ở ngoài này mà tìm cách len lỏi đi thẳng về Sài Gòn..." Điều nghi ngờ của ông hôm nay đã trở thành sự thật.

Trước tình thế này, tướng Võ sẽ quyền biến ra sao? Tôi chờ đợi, nhưng tôi chợt nghĩ tình hình sáng hôm nay đang diễn ra trên một quy mô lớn trên toàn quốc, đã vượt ra ngoài vùng trách nhiệm và quyền hạn của một vị Tư Lệnh Sư Đoàn. Ông vẫn phải chờ lệnh, vì ông là một quân nhân có kỷ luật.

Khoảng 9 giờ sáng, TTHL vẫn còn liên lạc tốt với BTL/SD. Lệnh từ TT/HS/SD vẫn truyền đi: "Tất cả sẵn sàng tại chỗ, chờ lệnh". Tướng Võ đang chờ lệnh gì? Lệnh đánh tập kích phía sau lưng địch hay rút lui về Vùng IV? Ông chờ lệnh ai? Vào giờ này, Tổng thống Tổng Tư Lệnh Quân Đội, Thủ Tướng Chính Phủ, Tổng TMT/QĐ, TMT/LQ, Tư Lệnh Quân Đoàn, đã chạy trốn hết! Các Tân Tổng Thống thì hoặc vì quá già nua, hom hem ốm yếu, hoặc vì còn đang bàng hoàng ngơ ngác trước kẻ thù, ai đủ uy tín và tư cách để ra lệnh cho ông?

Khoảng 10 giờ sáng ngày 30-4-75, TT/HL hoàn toàn mất liên lạc với BTL/SD (có lẽ vào giờ này, Tướng Võ đã tự sát và BTL đang hoang mang). Chỉ huy trưởng TT/HL, vô cùng bối rối. Ông ra lệnh văn tắt: "Di chuyển về hướng Sài Gòn".

Dẫn đầu hàng quân là các khóa sinh lớp huấn luyện thái cực đạo. Đoàn quân ra khỏi doanh trại chưa được 1/3, tôi đã nghe súng nổ ròn rã ngoài chợ Lái Thiêu (Chi khu Lái Thiêu đã rút lui từ nửa đêm và VC đã chế ngự khu vực này). Trung úy Bích, Trưởng Ban 2 TT đã bị trọng thương và lực lượng đi đầu bị thiệt hại nặng. Đoàn quân phải lùi vào trong doanh trại để tìm hướng đi khác. Một vài anh em mở radio để nghe tin tức. Thình lình nghe được bản tin của ông Dương Văn Minh trên đài phát thanh. Lúc ấy

giọng ông Dương Văn Minh nghe rất thiếu não, tiếng mạnh, tiếng yếu tựa hồ như một người sắp hết hơi.

Tôi không nhớ hết nguyên bản văn, nhưng có vài đoạn chính yếu, tôi còn nhớ rõ từng tiếng. Đại ý bản văn nói, để tránh một cuộc đổ máu vô ích, ông kêu gọi binh lính VC ngưng tấn công và quân đội VNCH ở nguyên vị trí của mình vì ông đã: "Tôi tin tưởng sâu xa vào chính sách hòa giải hòa hợp dân tộc của chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam VN" (nguyên văn).

Tại Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn ở Lai Khê, cái mệnh lệnh mà tướng Võ trông đợi từ nhiều ngày qua để ông thi hành hôm nay đã đến. Mệnh lệnh không đến bằng hệ thống truyền tin quân đội, mà đến qua làn sóng điện của Đài phát thanh Sài Gòn: Lệnh bàn giao! Từ ngữ nghe thật hiền lành và êm ái. Nhưng, tự cổ chí kim, các kẻ chiến bại, sau khi bị tước đoạt khí giới, thông thường thì chỉ có chết hoặc bị bắt cầm tù, chưa thấy ai làm lễ bàn giao bao giờ. Tại sao hôm nay, ông tân Tổng thống miền cường lại dùng loại từ ngữ mập mờ này?

VC vẫn bao vây căn cứ Lai Khê, đặt chốt ngăn chặn ở hai cổng phía Nam và phía Bắc. Chúng bắc loa chia vào bên trong căn cứ, phát thanh và kêu gọi tướng Võ ra hàng. Ông chỉ đáp lại: "Yêu cầu các anh đối xử nhân đạo với thuộc cấp của tôi."

Lúc đó, Tướng Võ triệu tập một phiên họp bất thường, thật ngắn ngủi, để giải thích cho mọi người rõ lệnh bàn giao là lệnh buông súng đầu hàng. Ông nói:

"Lệnh bất chúng ta buông súng bàn giao cho địch, nói thẳng ra là lệnh bất chúng ta buông súng đầu hàng..."

Ông phải nói thẳng vì sợ có người hiểu quanh co, mập mờ. Rồi ông tuyên bố:

"Vì tôi là một tướng chỉ huy mặt trận, tôi không thể thi hành được lệnh này. Tôi nghĩ thân làm tướng là phần nào đã hưởng vinh dự và ân huệ của quốc gia hơn các anh em nên tôi phải chọn lấy con đường đi riêng cho tôi". Đoạn ông bình tĩnh bước ra sân nghiêm trang đứng dưới cột cờ của Bộ Tư Lệnh, tự sát bằng chính khẩu súng chỉ huy của mình.

Tôi không được chứng kiến cảnh tướng Võ tự sát và những biến cố diễn biến ở Lai Khê, chỉ viết theo lời tường thuật của anh bạn lúc tôi làm việc tại TTHQ. Tình cờ tôi gặp lại anh ít lâu sau đó: Trung úy Khang, người sĩ quan trẻ tuổi, có nhiều nghị lực và rất giỏi môn võ Không Thủ Đạo. Anh được tuyển chọn là sĩ quan tùy viên kiêm cận vệ của Tướng Võ.

Con đường Tướng Võ chọn lựa ngày hôm nay đã có Hoàng Diệu, Nguyễn Tri Phương, Nguyễn Lâm và nhiều vị anh hùng khác lựa chọn ngày trước. Ông đã xin nổi gót. Ông không đi đơn độc một mình, vì vào giờ này, khắp nơi trên đất nước, đồng đội của ông, nhiều người cũng đang đi trên con đường đó như Trần Văn Hai, Lê Văn Hưng, Nguyễn Khoa Nam, Hồ Ngọc Cẩn v.v...

Được biết ngày nay, đồng bào và chiến sĩ trong nước đã suy tôn ông là Anh Hùng Dân Tộc. ■

Houston 6-3-88



VĂN CHIÊU HỒN 30 THÁNG TƯ

NGUYỄN PHÚ NINH

Trưởng ban Nghi lễ Hội Cao Niên Á Mỹ phụng soạn

Hồi linh hồn trận vong chiến sĩ
Đã hiển dạng cái chết tại sa trường
Nam nhi da ngựa bọc xương
Tinh nhà nghĩa nước một đường vẹn hai.

Tiếng súng nổ hình hài tan tác
Những linh hồn lìa xác bơ vơ
Quần quanh bám sát ngọn cờ
Hồn thiêng phiêu bạt chẳng bờ bến đâu.

Hồi uống tử trên đường ty nạn
Lướt phong sương trên biển trên rừng
Bỏ thân xô núi ven đường
Nằm trong bụng cá benth bóng nổi trôi.

Hơn hai mươi năm còn hồn quốc hận
Tháng tư đen oán giận bám gan
Chao ơi, nước mất nhà tan
Gia đình chia rẽ muôn vàn lệ tuôn.

Hình ảnh ấy gợi buồn tẻ tái
Cảnh biệt ly nhớ lại đau lòng
Người đi kẻ ở với trông
Hai bên giới tuyến vợ mong chồng chờ.

Hương trời đất bàn thờ tưởng niệm
Xin hồn linh chứng kiến lòng thành
Về đây cho trọn nghĩa tình
Quần dân cán chính kết tình đồng hương.

Làn khói trắng tỏa bay nghi ngút
Tạo phúc lành tác động muôn phương
Cùng nhau đoàn kết tình thương
Một ngày rực rỡ trên đường quê cha.

Lời ước nguyện thiết tha kêu gọi
Nhờ ánh trời chiếu rọi nơi đây
Hoa thơm quả lạ mâm đầy
Cầu xin chứng giám tử mây hồn về.
Cẩn Cáo



THÁI CUỒNG GIỖ THÁNG TƯ

Khấp nước đầy khăn trắng, áo sớ
Muôn dân cảm hận, oán ông Hồ
Mậu Thân, Tết ấy đầy tang tóc
Đình Mão, Xuân sau ngút hận thù
Hồn lảo chìm sâu nơi địa ngục
Xác y phơi mãi chốn thành đô
A Ti hình phạt khi vừa mãn
Bắt lão đầu thai vạ kiếp... bò.

NHẮN PHƯỜNG VÔ LẠI

Lộn giống Hồ tinh có kẻ lỳ
Treo cờ Việt cộng giữa Ca li
Nương thân đất khách không yên phận
Đồng mà ông cha mới sáng mê
Khiêu khích đồng bào, mua nhục chứa?
Tôn thờ ma quỷ, ném đồ chi?
Mấy lời nhắn nhủ phường vô lại:
Muốn sống thiêu ngay cầu tặc kỳ.

Mua Dài Hạn Nguyệt San Khởi Hành, Giá Hai Mỹ Kim Một Tháng, Mỗi Giữa Tháng Khởi Hành Cùng Bạn Mở Cửa Vào Sinh Hoạt Văn Nghệ Thế Giới, Trong và Ngoài Nước, Với Hình Ảnh Thông Tin, và Bài Vở Cô Động, Khác Biệt, Những Tài Liệu Quý Hiếm, Trên Những Trang Báo Trình Bày Dễ Đọc Nhất. Mặt Khác, Với Hai Mỹ Kim Một Tháng, Bạn Sẽ Có Khởi Hành Suốt Năm, Vì Đây Là Tờ Báo Bạn Có Thể Giữ Cho Đủ Bộ, Một Tờ Báo Đi Tìm Bạn, Người Đọc Chọn Lọc.

NHÀ TIÊN TRI CỦA VIỆT TỘC

LƯU VĂN VỊNH

Cuối thế kỷ XV đầu thế kỷ XVI, cách đây khoảng 500 năm, trên thế giới xuất hiện hai nhà tiên tri lừng danh là Trang Trình ở Việt Nam và Nostradamus bên Pháp. Thời đại này Tây phương nổi lên phong trào Tin Lành, bên Tàu nảy ra tân Nho thuyết của Vương Dương Minh, bên ta phát sinh Thánh mẫu Liễu Hạnh, bắt đầu thực sự Nam Tiến mở đầu khúc rẽ lịch sử văn hóa trọng đại nhất kể từ ngày lập quốc.

Nguyễn Bình Khiêm là một nhân vật lịch sử độc nhất trong sử Việt làm cố vấn một lúc cho ba bốn phe đối nghịch nhau: Mạc, Lê, Nguyễn, Trịnh. Ông vượt lên như một ông Tiên trên non cao mây trắng nhìn xuống bần cố người, thương tình chỉ cho nhân thế đua chen vùi nước cờ tiến thoái sinh tồn tạm thời, mặc dù trong đôi mắt tiên tri ông đã nhìn thấy rất xa lẽ được thua "ngũ bách niên tiền, ngũ bách niên hậu".

Ông sinh năm 1491, tại Cổ Am, Hải Dương (nay thuộc huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng), sau Nguyễn Trãi 111 năm, trước Nguyễn Du 274 năm, kém Mạc Đăng Dung 8 tuổi và cùng quê với ông vua xuất thân đánh cá này.

Tại Cổ Am, từ lúc sinh ra tới năm 13 tuổi (1481-1504), Nguyễn Bình Khiêm được sống yên ổn dưới triều thịnh trị Hồng Đức và Lê Hiến Tông. Từ lúc lớn lên trong 23 năm liên tiếp (1504-1527), nhà Lê mặt vận thay đổi tới 6 ông vua, toàn là vua Quý: giết bà nội (chính cung vua Lê Thánh Tông), giết cận thần, như Lê Uy Mục, hay vua Heo như Lê Tương Dực, hoang dâm bạo ngược, đến nỗi sứ thần nhà Minh phải gọi là Quý Vương và Trư Vương, lại còn than hộ nước Việt là "thiên ý như hà giáng quý vương"! (ý trời sao lại giáng vua quý).

Tương truyền ông thông minh từ nhỏ, lên một tuổi đã biết nói, lên bốn đã thuộc thơ và kinh sử do bà mẹ hay chữ và giỏi tướng số chỉ dạy. Bà mẹ đặc biệt này là con gái Thượng Thư Bộ Hộ Tiến Sĩ Nhữ Văn Lạn, kén chồng mãi tới năm 30 tuổi gặp ông Văn Định thấy có tướng sinh đại quý tử nên mới chịu kết duyên vợ chồng. Có thuyết nói rằng bà gặp anh đánh cá Mạc Đăng Dung ở bến đò và tiếc rẻ là không có duyên với con người có tướng cách đế vương này! Bà lấy chồng với hy vọng sau đẻ con đạt ngôi cửu trùng, ngay

từ đêm tân hôn bà đã dặn trước chồng là khi nào trăng lên đến đầu ngọn tre mới được động phòng, nào ngờ ông Văn Định động phòng hơi sớm nên bà thụ thai không đúng giờ tốt, vì thế tuy sinh quý tử nhưng không đạt được tốt đỉnh thiên tử!

Cũng có chuyện kể lại rằng từ thuở nhỏ Bình Khiêm trông rất khôi ngô tuấn tú, khi đang tắm với lũ trẻ ở sông Hàn, một người thầy tướng Tàu đi thuyền qua nói rằng "cậu này đáng lẽ tướng làm vua, nhưng vì nước da hơi thô nên chỉ làm tới Trang nguyên Tể tướng!"

Lúc còn bé ẵm, Bình Khiêm đã biết thốt lời "mặt trời mọc ở phương Đông" khiến mọi người đều kinh ngạc. Có lần Từ Thức phu nhân đi vắng, ông Văn Định chơi đùa với con, đọc: "Nguyệt treo cung, nguyệt treo cung", Bình Khiêm liền đọc tiếp: "vén tay tiên, hốt hốt rung". Khi trở về nghe chồng kể chuyện, Từ Thức phu nhân không vui, trách rằng: "mặt trăng là khí tượng bầy tôi, sao ông lại dạy con như thế!"

Rất có thể với biệt tài tướng số, biết trước vận số nhà Lê 40 năm sau sẽ suy tàn, phương Đông (Hải Dương) có khí tượng đế vương nên bà đã cố tạo ra một ông vua theo giờ giấc sinh đẻ chẳng?

Người mẹ có giấc mơ làm Mẫu hậu mất sớm, người con tên Khiêm, tự là Hanh Phủ, theo quê Dịch: Khiêm tổn thì hanh thông, sau này tuy không làm vua nhưng làm thầy mấy ông vua và là chiến lược gia chỉ đạo cho dân tộc: Bắc hòa, Nam tiến.

THIỆU THỜI

Thuở nhỏ học ở quê nhà, cha từng sung chức Thái học sinh, mẹ lâu thông kinh sử, lý số, chắc hẳn Nguyễn Bình Khiêm đã được rèn luyện kỹ lưỡng. Khi lớn lên, ông vào Thanh Hóa (cách Cổ Am độ 150 cây số) học Bảng nhãn Lương Đắc Bằng, nguyên Lại Bộ Thượng Thư. Trước khi chết ông thầy họ Lương truyền lại cho người môn sinh đầy năng khiếu lý số cuốn THÁI ẤT THẦN KINH là một cuốn sách lý giải KINH DỊCH của Dương Hùng đời Hán, cuốn sách hiếm này khi đi sứ Tàu, Lương Đắc Bằng đã tìm được.

Nguyễn Bình Khiêm tuy học giỏi nổi tiếng trong giới Nho lâm nhưng ông đã bỏ không dự khoa thi 1523 và 1526 vì vào

TÁM ĐỜI SAU TA KHỞI LỬA TRÙNG TRÙNG

THỜI XUẤT CHÍNH

Đỗ đầu thi hương, thi hội, thi đình, Tam nguyên Nguyễn Bình Khiêm được bổ nhiệm Đông Các hiệu thư (sửa chữa văn thư), sau thăng Tả Thị Lang Bộ Hình, Bộ Lại, kiêm Đông Các Đại Học Sĩ (Tam phẩm). Trong 8 năm tại triều (1535-1542) ông từng dâng sớ xin chém 18 lộng thần. Năm 51 tuổi đời vua Mạc Phúc Hải, ông cáo quan về quê. Ít năm sau triều đình lại vời ông ra làm Thượng Thư Bộ Lại, Thái Phó, phò giúp vua nhỏ Mạc Phúc Nguyên (1546-61), cùng với Mạc Kính Điển là chú vua và là cột trụ chống đỡ nhà Mạc.

Trong khoảng 55 tới 73 tuổi, Nguyễn Bình Khiêm tuy không ở hẳn kinh đô Thăng Long, nhưng vẫn cáng đáng nhiều việc triều đình, lúc bàn quốc sự, lúc đi đánh giặc, nhà Mạc tôn kính ông như quân sư, phong ông làm Trình Tuyền Hầu (vì thế dân gian mới gọi là Trang Trình). Mãi tới ngoài 70 tuổi ông mới hoàn toàn quy ẩn nơi quê nhà.

THỜI QUY ẨN

Ông về quê năm 1563, sống đời tiên thoát tục trong Am Bạch Vân, bắc cầu Trường Xuân, Nghênh Phong, làm nơi nhàn tản nhìn trăng hóng mát. Ông lại khuyên dân làng trồng cây bở đề để lấy bóng dâm, mở chợ làm nơi buôn bán, tu sửa đình chùa... Ông cùng học trò dựng quán Trung Tân nơi bến Tuyết giang, cho khắc văn khuyến Thiện trên bia đá, bài bia này nói lên triết lý tư tưởng cao siêu của Trang Trình: "... Toàn kỳ thiện giả vi trung, bất toàn kỳ thiện giả tắc phi trung dã... Tân giả tân dã, tri sở chỉ vi yếu tân, bất tri sở chỉ tắc mê tân dã... Trung chỉ sở tại, tức chí thiện chỉ sở tại..." nghĩa là: "vẹn toàn điều Thiện là Trung, không vẹn toàn điều Thiện thì không phải là Trung... Tân là cái mới, biết chỗ dừng lại là bền chính, không biết chỗ dừng lại là bền mê... Nghĩa chữ Trung chính là ở chỗ Chí Thiện..."

Có lẽ trong nghìn năm Nho học mới thấy một nhà Nho giải nghĩa chữ Trung Dung một cách giản dị, đầy đủ và sáng tạo như vậy. Cốt tủy của Trung phải là Thiện, không có lòng Thiện thì biết đâu là chỗ Trung, chỗ đúng tiết, chỗ "juste milieu" mà dừng lại! Tâm bất chính thì lạc vào bến mê, tâm giác ngộ thì biết bờ bến để neo thuyền, tư tưởng này phảng phất tư tưởng "Đáo bỉ ngạn" tức tới được bến của nhà Phật. Nguyễn Bình Khiêm đã nối Nho vào Phật Lão, mang lại cho nhà Mạc cái vinh dự tiếp tục tư tưởng Tam Giáo Đồng Tôn mà nhà Lê độc tôn Tống Nho đã đánh mất, và đánh mất nặng nề truyền thống dân bản khai phóng của Lạc Việt.

Ở tuổi thất thập cổ lai hy, Trạng Trình có phong thái của một Lã Vọng Khương Tử Nha ngồi câu bên bờ sông Vy, một Gia Cát Lượng nằm ngâm thơ chân núi Ngọa Long:

*Ngư ông bất ngộ Đào nguyên khách
khởi thức hưng vong thế cổ kim!*

Tương truyền cụ Trạng thường cùng các nhà sư già đi thăm các nơi danh lam thắng cảnh, nay Yên Tử, Đồ Sơn, mai Ngọa Vân, Kim Hải... học trò trước sau đông tới ba nghìn người. Cụ có ba phu nhân, 7 trai và 5 gái.

Năm 1585 tuổi già lâm bệnh, biết mình sẽ khó qua, cụ Trạng 95 tuổi còn dâng sớ xin vua "... thần tinh độ số thấy vận nước nhà đã suy, vận nhà Lê đến hồi tái tạo, ý trời đã định, sức người khó theo. Song nhân già có thể hồi thiên ý, xin nhà vua hết lòng tu nhân phát chính, lấy dân làm gốc, lấy nước làm trọng, trong sửa sang văn trị, ngoài chuyên cần võ công, may ra giữ được cơ nghiệp tổ tiên, thì thần chết cũng được thỏa lòng". Nhà Mạc cử cột trụ triều đình là hoàng thân Khiêm Vương Mạc Kính Điển cùng các quan về tế lễ, sai lập đền thờ, cấp ruộng tự điền trăm mẫu, vua Mạc Mậu Hợp lại đích thân viết chữ đề lên đền thờ: "Mạc Triều Trạng Nguyên Tế Tướng Tử". Bảy năm sau khi Trạng Trình mất, 1592, nhà Mạc cũng mất theo, tuy còn giữ đất Cao Bằng thêm được 4 đời nữa.

Xem thế Trạng Trình đã dốc lòng phò Mạc và nhà Mạc cũng hết mực cung kính cây cổ thụ che chở triều đại suốt 60



Tượng Thánh Đổng Đen, Đền Trấn Vũ, Hà Nội

năm.

Một thế kỷ rưỡi sau, năm 1741, Tiến sĩ Vũ Khâm Lân nhân đi đánh giặc và đắp đê tới thăm đền thờ Trạng Trình, viết tựa cho tập gia phả của họ Nguyễn Bình vào đời thứ tám (ngã bát thế chi hậu, bình qua khởi trùng trùng!) đã xúc động mô tả kiểu đất "Nghĩên trì thủy ảnh", tức mặt hồ nghiêng, ánh nước long lanh, là đất phát sinh bậc đại thần, đầm nước sâu hơn một trượng, bốn năm vụng đất trên khoảng vài trăm mẫu, chỗ thất chỗ phình, khi lặn bóng, khi nắng vàng tỏa ánh.

MÔN PHÁI BẠCH VÂN AM TAM PHẦN THIÊN HẠ

Từ cổ xưa, trước khi rơi vào cái học Tống Nho khoa cử độc tôn, tầm chương trích cú, người trí thức theo Đạo học, học để hành, hành tâng theo đạo. Đạo học là Đại học, quan đế quán, bao quát mà vẫn qui về một mối (University). Trạng Trình và các môn đệ của ông như Trạng Phùng

Khắc Khoan, Nguyễn Dữ (tác giả TRUYỀN KỶ MẠN LỤC), Nguyễn Quyện (danh tướng nhà Mạc), Trương Thời Cử, Trạng Giáp Hải, Lương Hữu Khánh... tập hợp thành một môn phái Đạo học, Đại học chi đạo, tiếp nối truyền thống Lý, Trần, học cả Nho lẫn Phật, Lão, cả Tứ Thư Ngũ Kinh lẫn các môn lý học, huyền học, binh thư, phong thủy địa lý...

Trạng Trình phân phối môn đệ thân hữu đi mọi hướng đất nước: Phùng Khắc Khoan, Lương Hữu Khánh... vào với nhà Lê trung hưng ở Thanh Hóa; Nguyễn Đình Thân, người cùng quê Hải Dương, đi với Nguyễn Hoàng vào Hoành Sơn; Trạng Giáp Hải, Nguyễn Quyện và chính mình phò Mạc tại quốc đô Thăng Long cho tới gần hết thế kỷ XVI.

Sở học của Trạng Trình có lẽ được chính bà mẹ nuôi dưỡng uốn nắn từ nhỏ: học để làm vua, không làm vua thì cũng làm thầy vua, đây là truyền thống "để vương chi học" cao siêu của bậc đại nhân:

Cao khiết thủy vi thiên hạ sĩ
du nhân ngã thị địa trung tiên

mà muốn vậy thì trên phải thông thiên văn, dưới phải rành địa lý, mưa gió nắng bão phải biết trước như Gia Cát, Trương Lương, chiến lược chiến thuật đều tinh thông nên có thể xếp đặt thiên hạ như bàn cờ, nhà Mạc một phần, Lê Trịnh một miếng, họ Nguyễn một phương... thế Tam quốc này chính Trang Trình và môn đệ phân định thi hành, mặc dầu Trang Trình cũng như Gia Cát, biết là mình đang cố lấy nhân lực để cưỡng mệnh trời, thế loạn mà muốn trị cũng giống như "con ngao to đội núi đỡ trời cao". Cho nên dù có than:

Cổ lai nhân nghĩa tri vô địch
hà tất khu khu sự chiến tranh
dịch:

nhân nghĩa xưa nay là vô địch

sao vẫn khu khu việc chiến tranh

vẫn phải cang đáng thiên mệnh, tận kỳ tính, lo toan chuyện dân chuyện nước.

Từ Bạch Vân Am Trang Trình dùng cái nhìn chiến lược và phong thủy để mở ra mặt trận Nam phương cho Nguyễn Hoàng: vừa thực hiện việc mở rộng bờ cõi, vừa lấy thế hiểm mà dung thân, ông thôi thúc Phùng Khắc Khoan vào Thanh Hóa với nhà Lê vì sau này, 1598, chính họ Phùng di sứ sang Tàu đã dàn xếp chấp nhận để yên cho họ Mạc ở đất Cao Bằng. Chính Trang Bùng là người theo chí thầy viết tập SẤM VĂN và tập CHƯ DỊCH QUỐC CẢM CA QUYẾT, việc ông hai lần gặp Liễu Hạnh Thánh Mẫu hiển linh, lần đầu ở Lạng Sơn, lần sau ở Tây Hồ, là một khúc mắc lớn. Có thể chính hai thầy trò, đều tinh thông lý số, đều viết Sấm, đã nhân chuyện linh thiêng mà dựng lên một tín ngưỡng bình dân, lấy hình ảnh một bà Mẹ dân tộc làm mái che bên cạnh Phật, Lão, đang bị Nho đè xuống.

Dù sao, không thể phủ nhận khả năng thần toán của Trang Trình mà sử nhà Thanh Chu Xán sau này phải nhận là "An Nam lý số hữu Trình Tuyên". Rõ ràng nhất là bài văn tế của Tiến sĩ Đinh Thời Trung khóc thầy và xác định tài lý số của thầy:

Một kinh Thái Ất thuộc lòng

Đốt lửa soi gan Dương Tử

... Một mình lý học tinh thông

Hai nước anh hùng không đối thủ...

Đạo thống Thánh nhân

tự tiên sinh mà truyền ra

Bờ cõi Thánh nhân

duy tiên sinh là thấu đáo

... Đuốc ngọc chưa tàn ba ngọn

Văn viết đã xong...

Như vậy quả có Thái Ất, Thái Huyền của Dương Hùng làm luận giải cho Kinh Dịch và quả có chuyện thầy trò từng người ngồi đoán số gieo quẻ với nhau. Bên cạnh những lời cổ văn như Hoàn sơn nhất dải, vạn đại dung thân cho Nguyễn Hoàng, Giữ chùa thờ Phật thì ăn oản và Năm nay mất mùa, thóc giống không tốt, nên tìm giống cũ mà gieo mạ, cho Trịnh Kiểm tiếp tục phò Lê, hay dẫn dò Cao Bằng tuy thiếu, khả diên số thế (đất Cao Bằng tuy nhỏ nhưng cũng ở được mấy đời) cho con cháu nhà Mạc, thơ văn Trang Trình cũng xác nhận lý số sấm ký là một khía cạnh trong Đạo học của

Trang Trình:

Thái cực nhất chu đàm luận liễu

Tri ngô thấu đắc Dịch chi thâm

Dịch:

Thái cực một vòng đàm luận suốt

Biết tôi Dịch lý thấu thâm sâu

Quẻ Phục "thiên địa chi tâm" trong kinh Dịch được nhắc tới nhiều lần:

Bác vãng tinh quan tri tất Phục

Nhất dương dĩ nghiệm Địa Lôi trung

Dịch:

Quẻ Bác qua, lạng yên xem Phục đến

Một Dương nghiệm thấy giữa Địa Lôi

(Quẻ Phục sau quẻ Bác, gồm Khôn trên và Chấn dưới, năm hào Âm đè ở trên, một hào Dương bắt đầu mọc ở dưới để Phục lên, vạn vật suy mãi cũng phải nảy ra thịnh, đen mãi cũng có hồi đỏ, ánh sáng ở cuối đường hầm, đó là tâm của trời đất không nở để cái gì suy mãi). Hay câu:



Tinh quan vạn vật sinh sinh ý

Ứng kiến vô cùng thiên hạ tâm

Dịch:

Lặng xem vạn vật sinh thông

Thấy lòng trời đất mệnh mông vô cùng

Khi ra làm quan, ông đã biết trước:

Quý thể khí tài tuy tạm xuất

Hưng vương lương tá dĩ tiền tri

Dịch:

Thế cuối tài hèn tuy tạm xuất

Vua lên tôi giỏi biết trước ra

Nhất là hai câu thơ sau đây:

Từ thuở hai dê sinh đặt ra

Than ôi tuổi tác kẻ bầy già

nói về năm Ất Mùi (Ất là can thứ hai, dê là năm Mùi) đầu Trang Nguyên khi đã 44 tuổi (1535 đời minh quân Mạc Đăng Doanh), rất giống ngôn từ dùng trong SẤM KÝ. Mãi tới cuối thế kỷ XVIII, đời Tây Sơn, La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiệp (1723-1804) còn lặn lội ra thăm đền thờ Trang Trình và viết trong Thi Cảo là cụ Trang đã "Phiến ngụ toàn tam tính" tức khuyên lời ngụ ý bóng gió để ba họ được an toàn.

Một vài chuyện sau đây có thể xác tín vì đã được ghi lại trong gia phả, trong CÔNG ĐƯ TIẾP KÝ, hoặc truyền khẩu từ xưa:

QUẺ THIẾT ĐOẢN MỘC TRƯỜNG / SẮT NGẮN GỖ DÀI

Một ngày cuối năm ba mươi Tết, cụ Trang và một người học trò từ xa đến lễ thầy, hai thầy trò đang ngồi đàm luận thì có người gõ cổng, xin vào. Cụ sai gia nhân ra nói hãy chờ một chút, trong lúc đó cụ và người học trò cùng bấm quẻ xem người gõ cổng đêm ba mươi Tết có chuyện gì.

Hai thầy trò cùng bấm được quẻ "Thiết đoản mộc trường", tức ứng vào vật sắt ngắn gỗ dài, cụ hỏi:

- Anh đoán xem là người gõ cổng có việc gì?

Người học trò trả lời:

- Thưa thầy, sắt ngắn gỗ dài thì chỉ có cái mai, chắc có người vào mượn cái mai đào đất.

Cụ nói:

- Tôi đoán khác anh một chút, người gõ cổng đến mượn búa chứ không phải mượn mai.

Khi mở cổng người hàng xóm vào thì đúng là vào mượn búa chứ không phải mượn mai mượn xẻng.

Cụ giải thích cho trò:

- Anh bấm quẻ đã đúng nhưng luận chưa cao. Đêm ba mươi Tết đến mượn búa để bẻ củi nấu bánh chưng chứ giờ này ai còn đến mượn mai đào đất!

VỚT XÁC ĐƯỢC PHÚ QUÍ

Bùi Sinh là người học trò nghèo trong làng. Trang Trình đoán sau này sẽ được phú quý. Mãi tới tuổi 70 Bùi Sinh vẫn không giàu không sang, bèn đến hỏi lại thầy mình. Cụ Trang Trình cười không nói gì, rồi bỗng nhiên một hôm cụ gọi Bùi Sinh lại bảo rằng: "Hãy mang thuyền đánh cá ra cửa bể Vạn Ninh, tới giờ ấy... hễ thấy gì trôi trên nước cũng vớt lên, sẽ được trọng thưởng".

Bùi Sinh nghe lời ra bến Hồng Đàm ngồi đợi, quả nhiên một hồi giông bão nổi lên rồi thấy một xác người dạt vào, nhìn kỹ là xác một người đàn bà ăn mặc quần áo Tàu gấm vóc sang trọng. Bùi Sinh vớt lên, sau này mới biết là xác mẹ Tổng Đốc Quảng Đông đi chơi ngoài biển bị bão dạt sang phương Nam. Viên Tổng Đốc Quảng Đông cho người tìm về hương Nam, khi tìm thấy liền trọng thưởng Bùi Sinh rất hậu, rồi Bùi Sinh lại được nhà Mạc phong quan tước vì hành vi ngoại giao tốt đẹp!

(Có chỗ thuật hơi khác là bà mẹ Tổng Đốc này còn sống, Bùi Sinh cứu lên và nuôi dưỡng cho tới khi người Tàu sang đón về, có chỗ lại nói là vớt lên xác một công chúa Tàu...)

Những giai thoại khác như "Minh Mệnh Thập Tứ, Thành Trữ phá đền" hoặc "Cha con thành Khả đánh ngã bia tao", hoặc lấy số Tử Vi cho cái quạt... có thể do người sau thêm dệt, không có giá trị tiên tri sấm ký. ■

Trích VIỆT SỬ SIÊU LINH

Kỳ sau: Bài Sấm

Đích Thực Của Trang Trình:

NGUYỄN SỸ TẾ

MỘ THẮNG TU

Một nắm mộ bia đã ố hoen
Bên rừng hiu quạnh chẳng nhang đèn.
Một bông hoa dại luồn khe đá
Thương tiếc ai sầu giấc lãng quên.

VÍ XƯA

Từng nắm mồ hoang rải rác nằm
Ngọn đồi bỏ phế đã nhiều năm.
Ví xưa không có quân lửa đảo
Nay đã từng bừng kẻ viếng thăm.

VIÊN LINH

LẦU CHUÔNG

Tháng Tư ứng thủy đầu mùa máu tuôn

*Tặng em tôi, Chơn Pháp Nguyễn Hữu Hiệu,
để nhớ những ngày Vạn Hạnh*

Nhận tin em một năm rồi
Thành xưa đã đổi con người đã thay
Cơn mơ chia biệt tháng ngày
Vẫn rơi tằm tã lòng này đêm đêm.

Mưa lấy con phố bồi tên
Em chôn tằm vóc thanh niên giữa đời
Nhớ em biển sách làm khơi
Thả thân trôi giạt với lời muôn phương.

Nhớ em đêm tựa lầu chuông
Rung con tim nhỏ
nghìn đường âm thanh

Em yêu lá ở trên cành
Yêu chim trong gió
yêu thành vắng quân.

Em yêu miếu mộ linh thần
Yêu đầu không mũ yêu chân lột giày
Yêu người không biết đi đây
Yêu nhà văn hóa đi Tây lại về.

Em yêu lòng trúc ý tre
Yêu kinh vô tự như bè yêu sông
Em yêu Camus lạnh lùng
Đạt Ma qua biển Ngộ Không giữa trời.

Yêu anh phóng đảng lắm nơi
Văn chương sai lúc thân dơi lộn chiều
Em yêu cuộc sống em yêu
Lầu chuông gác sách
mộng điều tuổi xanh.

Hôm nay túi vải bên mình
Em tôi bán dạo trong thành phố quen
Âm vang trong trí cơn điên
Ném thân anh giạt tới miền hư sinh.

Hơn ba mươi, mộng tan tành
Tay xương quét lệ hoen quanh mắt mờ
Thấy em lắm lùi hơn xưa
Loanh quanh ngõ dưới dật dờ lối trên

Em tôi không sách không đèn
Một đầu tư tưởng bồi lem nghĩa đời
Đêm nay tằm tã mưa rơi
Tĩnh ra tôi thấy mặt trời trắng tinh.

Thấy trăng mọc lúc bình minh
Thấy người lưu xứ lênh đênh Quê Nhà
Thấy tôi đập kính soi hoa
Trên cây nhân thế la đà trái đen.

Thấy tôi nguyên rửa thánh hiền
Cầm dao giết Phật giả diên đốt chùa
Nhớ mưa xưa nhớ mưa xưa
Thắng Tư ứng thủy đầu mùa máu tuôn.

Mưa đưa tôi lại Sài gòn
Trán căng nhiệt đới
hồn còn Đông Dương
Gặp em trở lại Lầu Chuông
Dang tay nện xuống Hư Không
một chày.

THƠ THẮNG TU

Chuông không tiếng đã bao ngày
Nghe quen, em tưởng chiều đây
âm thanh.

Washington, D.C., 1979

VƯƠNG ĐỨC LỆ

BÃI CHIẾN XƯA

Hỏi thăm: vạn cốt đã khô chưa?
Bãi chiến còn đây dấu bụi mờ!
Tĩnh giấc kinh hoàng đêm hội pháo
Ru hồn tử sĩ khóm lau thưa.

BÀI TẶNG SALMAN RUSHDIE

Ta, một con bướm nhỏ
Lưới nhện giăng điệp trùng
Muốn tìm nơi trú ẩn
Sợ tơ nào bao dung?

HOA ĐỘC

Thế kỷ hai mươi tuổi đã già
Hạt nhân kia đã trở ngàn hoa
Sao còn bốn mãi phân cân nào
Nhân loại mong gì thấy nẻo ra?

ĐÁ MẶT TRĂNG

Người đã mang về đá mặt trăng
Phi thuyền nào chở hết ăm năn
Riêng ta hốt hoảng mê trường dạ
Nguyệt diện đìu hiu bóng chị Hằng.

BÊN MỘ CHỊ

Kìa vũng biển xanh hóa bãi dâu
Bước chân ai đó sớm qua cầu
Đất xưa đã dọn mùa hưng phế
Mừng chị ra ngoài cuộc đã lâu.

SÂN KHẤU

Kìa tấm màn nhung khép lại rồi
Soi gương, người xóa mặt bôi vôi
Ngoài kia trăm họ ai cười khóc
Có xót riêng người nước mắt rơi?

ĐẦU TRƯỜNG LA MÃ

Tiếng khóc rền vang cả góc trời
Hiện trường giặc đầu, báo tin vui
Bầy người khát máu, say mùi máu
Lũ thú ra chuồng cũng lạ hơi!

QUA SÔNG GIANH

Bánh xe Lịch Sử hai chiều ngược
Mắt mẹ đôi giòng lệ chảy xuôi
Xác nọ! Người thua hay kẻ được?
Đỏ ngầu sông máu, núi thây phơi!

ĐẤT MẸ

Một chút tình riêng với Núi Sông
Nam nhi chí đoản, then tang bỗng
Chao ôi! Đất Mẹ vuông nghìn dặm
Một chỗ nằm con có cũng không.

Sài gòn

TRẦN ĐỨC UYÊN

BA ĐOẠN THƠ NGẮN

I
Ôi giữa biển bơ vơ
Núi nhô màu tóc trắng
Tôi là một nhà thơ
Nghe mãi lòng quạnh vắng

II
Có một bông hoa
Trượt chân xuống suối
Dòng nước xoáy sâu
Ôi nàng chết đuối

III
Lính đóng ven rừng
Giữa mùa nóng nực
Uống cạn hố nước
Thấy toàn đầu lâu
Thịt rửa đi đâu
Còn xương trắng nhon

MẸ VÀ EM *Kỳ Duyên*

TRẦN YÊN HOÀ

Sau ngày Quốc Gia tiếp thu, cha làm giấy *Dã Đến Hầu* để thay thế cho giấy khai sinh của Hoàng như sau: "Họ và Tên: Trần Hoàng, Nam hay Nữ: Nam. Tên Cha: Trần K. Tên Mẹ: Nguyễn Thị K. Nơi sinh: Kỳ Mỹ, Tam Kỳ, Quảng Nam". Đó coi như là lý lịch sơ khởi cho anh bước vào đời.

Anh không xác nhận được trí nhớ anh bắt đầu ghi lại ở tuổi nào, có thể sớm hơn ngày Quốc gia tiếp thu, hình như từ ngày anh còn nhỏ lắm, lúc còn ở trường đồng đồng chạy chơi trong nhà, ngoài vườn hay đến mấy nhà hàng xóm. Con nít quê anh từ một tuổi đến mười tuổi ở trường là chuyện thường tình, đến cả người lớn như cha anh, các chú các bác làng trên xóm dưới đi tắm là cứ ra giếng cời áo quần ra, mức nước xối ào ào, còn kỳ cọ lâu lắc, dù có các bà các cô đang làm việc giặt giũ gần đó, cũng tình bơ chứ có sao đâu. Đó là một thói quen từ xưa để lại (bây giờ có lẽ chắc hết rồi) hình như từ ngày anh bắt đầu đi học vỡ lòng mẹ mới cho anh bận quần áo hàng hoàng, nhưng đi học xong về anh lại cời quần áo ra, đánh áo, u mọi, bịt mắt bắt dê, con nít như anh đứa nào cũng ở trường đồng đồng như nhau vậy, có gì đâu mà mắc cỡ, thẹn thùng. Cha mẹ vẫn gọi anh là thằng cu em. Cu em có nghĩa là em cu anh, cu anh là anh Giảng.

Lúc còn nhỏ lắm, anh nhớ được người cha hay mặc bộ đồ bà ba trắng, tay xách cặp táp, đầu đội mũ phớt, hay đi về nhà bất thường. Sao hồi nhỏ anh ít để ý đến cha quá vậy, cha đi nửa tháng hay một tháng mới trở về với vẻ bí mật, nhưng đến ngày Quốc gia tiếp thu là anh được ở gần cha, cha không đi nữa. Sau này cha kể lại cha đi theo kháng chiến nhưng rồi cha nhận ra rằng kháng chiến là Việt Minh, Việt Minh là Cộng Sản, là không tốt, nên cha trở về làm việc cho Quốc Gia. Cha đã tham gia Hội Đồng hương chính xã Kỳ Thủy và lập trường Tiểu Học đầu tiên cho xã.

Đó là những ngày thơ ấu của anh lớn dần lên với nơi thôn dã ấy suốt quãng đời niên thiếu, một quãng đời vui buồn lẫn lộn nhưng chắc chắn đã làm hành trang cho anh đi vào đời.

Mẹ kể: Mẹ là cô hai Phúc, Nguyễn Thị Phúc, người thôn An Thành, cách nhà cha chừng ba cây số. Mẹ là cô thôn nữ quê mùa, ông ngoại có một thời làm lý trưởng nhưng thời đó đã qua đi rất xa, ở ngôi nhà ngói đỏ ba gian hai chái giữa khu vườn rộng trồng sum sê nào ổi, nào lê, nào hoa hồng

giấy, bông búp, khiến căn nhà trở nên sang trọng và nên thơ. Gái nhà quê cô nào chẳng phải làm việc đồng áng, cô hai Phúc biết chăn bò, hốt phân, cắt lá, làm cỏ ruộng, cấy gặt, đủ cả từ ngày tằm bé, mẹ chưa được ôm tập vở đi học như con trẻ bây giờ, nên mẹ thêm chữ lăm, mà hồi đó trường lớp đầu có, nên mẹ chỉ được học sau này (để mẹ viết được bức thư gửi anh trong trại cải tạo, nét chữ như cua bò, như gà quào, anh nhận được bức thư của mẹ đầu tiên trong tù và anh khóc ngất).

Mười sáu tuổi cô hai Phúc vẫn còn để tóc búi bèo. Tóc búi bèo là tóc của con nít, còn thiếu nữ thì đã biết kẹp đầu phồng rồi. Kẹp đầu phồng là đã ảnh hưởng văn minh thành thị, người nhà quê không thích nên có câu về *Tóc búi bèo* chê chông, *kẹp đầu phồng* chông chề.

Đời mẹ không có giai đoạn giai đoạn được kẹp đầu phồng. Mười sáu tuổi, một buổi trưa nắng chói chan, mẹ mới cho bò đi ăn về còn đang nóng ran người thì thằng Lẽ, đứa em trai, lăm chằm đi đến bên mẹ, nói tiếng được tiếng mất "Chị hai hái ổi cho em". Dù đang mệt nhưng nghe đứa em nói thế, mẹ liền te te chạy ra cây ổi và vịn theo cành leo lên, ổi mùa này trái ra nhiều quá, ổi xiêm trái nhỏ, hột nhiều nhưng ăn ngọt và thơm, mẹ hái thật nhiều không có chỗ đựng nên mẹ cời áo ngoài ra và bỏ tất cả ổi hái được vào áo rồi túm lại, nhảy xuống đất đánh phịch và ôm gói ổi chạy vào nhà.

Ông ngoại đang tiếp khách ở nhà trên mà mẹ về không để ý, đến khi ông ngoại từ nhà trên kêu vọng xuống "Con hai đầu, rót cho cha bình nước chè" mẹ da một tiếng to rồi chạy ù xuống bếp lo thổi lửa đun nước cho cha. Mẹ bưng bình nước lên đến nhà ngang thì mẹ đứng lại, hai người khách nào lạ hoắc mà mẹ chưa thấy bao giờ, một già một trẻ, người già bận áo dài đen, đội khăn đóng, còn người trẻ trông còn thiếu niên bận bộ bà ba trắng mặt trông ngờ ngác. Tự nhiên một nỗi e thẹn đến với mẹ bất chợt, mẹ dừng lại lưỡng lự ấp tai vào sát cửa để nghe ngóng. Ông ngoại và khách nói chuyện thật là tương đắc, có lúc mỗi câu nói có chêm vào một câu chữ nho mẹ nghe mà không hiểu nổi, hình như mẹ đã đứng lâu quá hay sao mà ông ngoại phải giục: "Con hai đầu, sao nấu nước lâu quá vậy". Lúc đó mẹ mới lên tiếng "Dạ có

dây".

Mẹ bưng ấm nước lên mà tay run quá, tim mẹ đập thình thịch, mẹ cúi đầu chào người khách mà không giám ngó mặt người con trai. Xong mẹ vội vàng bước xuống nhà dưới mà chân bước như muốn khụy xuống. Tiếng ông ngoại trên nhà vẫn oang oang "Con gái đầu tui đó, năm nay mười sáu tuổi, tuổi đậu".

Sau khi tiễn khách ra về, trong bữa cơm trưa, ông ngoại nói với bà ngoại: "Hồi này có ông Dịp ở xóm An Phú tới chơi, dẫn theo thằng con trai, có ý coi mắt con hai nhà mình đó". Mẹ ngồi nghe mà tự nhiên máu dồn lên mặt khiến mặt mẹ đỏ au, may mà trời nắng gắt mặt ai cũng hừng hừng nên không ai chú ý đến mẹ. Con út Kim nói "Chị hai sắp lấy chồng rồi hở chị hai?". Mẹ mắc cỡ quá phất vào dít nó một phát đau điếng "Mì nói bậy tau đánh tét dít bây giờ" nhưng lòng mẹ thì nghe sao "dị ồm rứa thế".

Tháng sau có người mai mối đến để dò ý ông ngoại, ông ngoại lại đem việc này ra bàn với bà ngoại, cuối cùng thì ông bà ngoại bằng lòng vì nghĩ rằng "thằng K. con ông Dịp là một học sinh xuất sắc ở xã này, nó đã đậu được bằng sơ học yếu lược". Ông bà chỉ báo cho mẹ hay thôi chứ không cho mẹ có ý kiến gì, mẹ không buồn vì cứ nghĩ "áo mặc sao qua khỏi đầu".

Mẹ là một người đàn bà chân quê, hiền như cục đất. Đúng năm mẹ mười sáu tuổi bước qua mười bảy tuổi, mẹ còn bận quần xà lỏn treo hái ổi ở vườn nhà ông ngoại, là mẹ đi lấy chồng bỏ lại đàn bò ngơ ngác không ai rút rơm cho ăn mỗi chiều, bỏ lại đàn gà mỗi sáng mẹ chiu chiu mấy tiếng thì chúng đang kiếm ăn ở đâu cũng chạy về; bỏ lại đàn lợn mới lớn lên kêu inh ỏi ở chuồng vì bị đói; bỏ lại những bờ ruộng ven cánh đồng đập Trà Thai; bỏ lại đàn em bà đưa còn leo neho lóc nhóc; bỏ lại ông bà ngoại già để về với cha, đúng như câu hát "yêu em từ thuở mẹ về là về với cha".

Đám cưới cha mẹ đi bộ từ nhà nội sang nhà ngoại rồi từ nhà ngoại rước dâu về nhà nội, trên con đường làng ướt sương, cha bận áo dài trắng, đội khăn đóng đen, mang dép, cha còn là học trò mà nhà thì đơn chiếc, cha là con một, nên ông nội biểu cha phải cưới vợ để nội mau có cháu mà bỗng, cha vắng lời. Bên đàn trai mặc toàn áo dài khăn đóng, đi dù đen, đường từ nhà nội sang đến

nhà ngoại phải qua khu Đồng Cát, rồi qua gò Ông Đốc, qua xóm An Thành rồi đi dọc theo con đường bờ ruộng ngoằn ngoèo mới đến nhà ngoại, làm lễ gia tiên ở tự đường họ Nguyễn, rồi cha rước mẹ về.

Cô dâu 16 tuổi sống ở nhà quê có biết gì chuyện vợ chồng, nên đêm tân hôn sợ quá khóc với bà nội và xin qua nhà bà cô ruột ở gần đó ngủ qua đêm, cha cũng còn quá trẻ và hiền lành nên coi chuyện đó không có gì quan trọng, có lẽ từ cái đêm tân hôn của sự lo sợ đó nên mãi mười ba năm sau, cha mẹ mới có đứa con gái đầu lòng là chị hai Khiêm.

Mẹ kể: Cha mẹ lấy nhau hơn mười năm rồi mà không có con, ai cũng bảo là chắc cha mẹ không có con với nhau được, ông bà nội muốn cưới vợ nhỏ cho cha mà cha phản đối, cha nói: "Con cái là cái số, lúc nào có là có thôi chứ muốn cũng không được" nhưng mẹ thì buồn lắm, mẹ muốn ông bà nội vui kể cả cha nữa vì mẹ thương cha nên mẹ muốn hy sinh hạnh phúc riêng mình, ban đêm mẹ ngỏ ý với cha chuyện muốn cưới vợ nhỏ cho cha. Cha cự lại, cha không muốn, cha nói nhiều lần và lời cuối là "qua thương em" nên mẹ phải im.

Cha kể: Có một thời gian cha đi dạy học ở "trên nguồn", nguồn là miền núi như những vùng Tiên Phước, Trà My, cha đã học chữ nho với ông nội và học quốc ngữ và chữ Tây nữa nên cha đi làm thầy dạy học. Thuở đó những vùng này chưa có trường học, nhất là các xã vùng núi nên các nhà giàu muốn cho con mình được "mở chữ" để mở mắt với đời thì thường phải rước những ông thầy từ vùng đồng bằng lên ở tại nhà, để dạy học cho con mình. Cha được mời đi dạy như thế những mấy năm, ở luôn lại nhà gia chủ, gia chủ phải đãi tho cơm nước rượu trà, chứ không có lương. Thường thì một số đông gia đình có con chung lại lo cho thầy, chung lại để nuôi thầy, đến những dịp mừng năm ngày tết cha mới về thăm nhà, những dịp này cha được các gia chủ "tết" rất nhiều, thường thì các thổ sản như gạo, nếp, quế, mật ong, chè và thêm một số tiền, những của được "tết" này cha coi như là tiền lương đem về cho mẹ.

Có một lần, có cô con gái một ông địa chủ ở trong vùng biết cha có vợ rồi không có con nên vẫn ửng, mẹ nghe tin muốn đi nói làm vợ nhỏ cho cha nhưng cha từ chối.

Sau lần đó cha không dạy học nữa, về ở luôn với mẹ vài năm sau thì mẹ có mang chị hai.

Cái nghiệp của cha là làm hội đồng xã, khi quốc gia mới tiếp thu cha ở trong các thân hào nhân sĩ trong xã, cha được bầu vào ban hội đồng và cái nghiệp hội đồng xã đeo đẳng theo cha suốt mấy chục năm trời, đến ngày cha mất cha vẫn còn chân trong Hội Đồng.

Hồi nhỏ, buổi tối ngủ anh thường ngủ chung với cha và anh Giảng, cha thường xoa lưng anh và nói nựng: "Chó con của cha, thằng cu em đầu rồi, hôm nay cu em học bài được mấy điểm, rồi cha dạy cho anh thuộc lòng bài Tam Tự kinh: "Gia là nhà, Quốc là Nước, tiền là trước, hậu là sau..." Anh miên man nghe cha đọc và đi vào giấc ngủ lúc nào không hay. Mẹ là người đàn bà xuất giá tòng phu, lấy chồng, theo chồng và coi nhà chồng như gia đình mình và cái giang san nhà chồng đó trong suốt sáu mươi sáu năm mẹ đã gánh vác hết cho cha, từ việc mổ mổ, cúng tế ông bà tổ tiên, đến việc đối xử phải không trong họ hàng đều một tay mẹ quán xuyến, hồi cha làm hội đồng, nhà vẫn thường xuyên có khách, khách xã, khách quận hay khách trung ương, mẹ biết vậy nên mẹ thường đặt mua mắm và cá khô của "nậu biển" đem lên bán, thường thì cá khô hổ, cá khô côm... cứ mỗi lần cha dẫn khách về thì mẹ chỉ nháy mắt hỏi cha mấy người, khoảng độ một tiếng đồng hồ sau là có ngay một mâm cơm đãi khách tươm tất, suốt đời anh chưa hề thấy mẹ phiền hà một lần nào.

Chỉ có Mẹ và chị hai đi thăm anh trong trại cải tạo Xuân Phước, lúc đó mẹ đã 75 tuổi rồi. Trong trại anh vẫn thao thức nhớ mẹ khôn cùng, anh nhớ mẹ hằng đêm và lo sức khỏe cho mẹ hằng đêm, anh sợ mẹ ở ngoài chết quá mà anh không có ở nhà, nhưng may mẹ vẫn khỏe mạnh dù có già hơn và ốm hơn, anh biết dưới chế độ CS thì anh là kẻ ở "tù trong" còn mẹ thì ở "tù ngoài" thôi, anh với mẹ cùng đối khát cả nhưng mẹ đã nhường miếng cơm củ khoai cho anh, quà mẹ đem cho anh toàn là thổ sản như khoai chà, khoai chín, cám rang, bánh dầu (bánh dầu là bánh đậu phụng đã ép lấy dầu ra, thường được dùng để làm phân bón hoa màu mà lúc đói quá ăn cũng ngon).

Mẹ lộm khộm ngồi ở bên kia bàn khu tiếp tân, anh bước ra khu thăm nuôi nhìn thấy mẹ là nước mắt anh chảy ra, kể cả chị hai nữa, mẹ và chị hai đều ốm như con cá hổ, cả hai nhìn anh cùng khóc, nhưng khi người cán bộ lên lớp "Đừng có khóc lóc gì cả, Cách mạng khoan hồng cho gia đình đến thăm là nhân đạo quá rồi, anh hãy đứng lên trước mặt mẹ anh, hãy hứa là cố gắng học tập tốt để mau được khoan hồng về đoàn tụ với gia đình đi. Anh phải nuốt nước mắt chờ chạy ngược vào trong để đứng lên lí nhí nói mấy lời. Ba mươi phút sau, hết giờ thăm nuôi mẹ cùng chị hai ra về, lúc chia tay mẹ khóc thật tình nhưng anh không khóc được, anh vác bao quà trên vai lưng thưng đi vào trong trại lúc đó nước mắt anh mới lại trào ra.

Anh hứa với lòng "Ngày ra tù sẽ về sống với mẹ để lo cho mẹ được chút nào hay chút đó, sống với mẹ và phụng dưỡng mẹ" nhưng khi cầm giấy ra trại trong tay, đứng trên ga La Hai một buổi tối tháng năm, anh trở nên do dự, anh không biết nên



Le My Ti

Ý YÊN

MÂY

con biết có một linh hồn trong xác khi xác con tàn, hồn vẫn phiêu diêu không hóa kiếp cũng là mây tản mát cùng đời đời ẩn ức nỗi thương yêu.

TÌM VỀ ĐỊA ĐÀNG

lang thang mãi ta đi hoài, không nhớ đường quên tên, vào ngõ tối, đi vòng ta chỉ thấy màn sương sa mờ phủ hời E-và, còn thức đó hay không?

THÁI ANH DUY

SÁ GÌ MỘT CUỘC CHIA PHÔI

Sớm hôm nay nghe bày chim cất cánh
Mùa thiên di kinh động rừng xôn xao
Cuộc tan hợp như lá ngàn đổ xuống
Bầy thú hoang tru mãi dưới trăng sao.

Này lũ thợ săn trên nẻo mồn sinh diệt
Viên đạn nào xuyên thấu trái tim son
Máu nhỏ xuống thêm thời gian ảm đạm
Ai tiền đưa tức tưởi những oan hồn?

Và chiều nay lòng cô đơn xa lánh
Mây cổ lai lơ lửng đợi bên sông
Mang hoài bão thuyền ra khơi vội vã
Thác nhân quần đồng nước lũ tan hoang

Bến có khi im lìm nghe nước ngủ
Bỗng nửa khuya ào vỡ sóng muôn hàng
Về đâu về đâu
những mảnh đời xuôi ngược
Ai tiền đưa ai non nước bàng hoàng?

Ai tiền đưa ai từng giờ trên cổ lựu
Đất mẹ mịt mù tan nát ngọn cuồng lưu
Từ Thức xưa đi ngàn sau nào trở lại
Bơ vơ thuyền bến gió có người ngoại.

Sân ga nào còi tàu như lưỡi hái
Hồn chiêm bao nghe đau nhói bờ vai
Ôi biển đời tan mau về trăm ngã
Sá gì đâu một cuộc chia phôi.

Little Saigon, 1998

đi vào trong Nam với vợ con hay đi trở ra Trung về với mẹ, anh nghĩ đến Nana, Tiểu Muội, Ô Mai, những đứa con gái của anh thất lạc nơi nào trong suốt gần bảy năm anh đi tù không biết tin tức, mấy đứa con anh con nhỏ dại quá và Kim thì yếu đuối không biết nuôi nấng các con không?

Dù đã bốn năm Kim không liên lạc với anh làm anh nhớ Kim và mấy đứa con quá, trong trại suốt mấy năm anh nằm mơ thấy các con đang leo neho lóc nhóc ở nhà, nhớ mùi nước tiểu của con, mùi mồ hôi, tiếng khóc, nụ cười, miếng ăn giấc ngủ của con, bây giờ ra sao? Cuối cùng anh nhảy lên chuyến tàu thống nhất Bắc Nam. Anh chun vào một chỗ kín nhất nằm xuống như một người bất chánh, anh không đủ tiền để mua vé nên phải lén lút như một con chó hoang, ẩn núp trong bóng tối để những kiểm soát viên trên tàu không thấy, để khỏi bị đuổi xuống ở một ga nào đó. Anh không trở về với Mẹ, Mẹ tha lỗi cho con. Nghe Mẹ.

Anh xách về cái bao cát gần rách, cái bao cát của những hầm hố Mỹ còn sót lại, những cái bao cát đó đã giúp đỡ biết bao nhiêu người cải tạo trong lúc cùng khổ, dùng bao cát để làm vải để may áo quần, bận thay thế những quần áo mang theo bị rách bươm, làm túi xách để mang ra ngoài nơi lao động, kiếm được củ khoai, mở rau thì bỏ vào đó mang về, nay anh bỏ trong bao cát hai bộ áo quần từ cải tạo, một bộ đồ rách hàng trăm lỗ, anh nghĩ anh sẽ giữ gìn bộ đồ rách bươm đó suốt đời, để nó nhắc nhở anh anh rằng có một thời gian anh đã cùng khổ như vậy, nhưng anh không giữ nó được, anh về bỏ hai bộ đồ tù trong rừng, Kim đã lấy quần áo mất, Kim nói giọng hằn học "Vứt đi chứ để dơ nhà".

Anh cứ nghĩ gặp lại Kim trong ngày trở về thật là hạnh phúc, anh vẫn mong tưởng cuộc tình anh như những cuộc tình lãng mạn nhất, Kim nghe tin anh về sẽ vứt bỏ tất cả hàng hoá đang bán ngoài chợ, sẽ bưng chạy về nhà dù trời tháng năm có những cơn mưa đông tằm tã, nàng sẽ phóng vào nhà và ôm chầm lấy anh và khóc, bảy năm, ơ bảy năm xa cách của vợ chồng, anh vào sĩ quan Đà Lạt hai năm, ra trường đánh giặc năm năm là đến ngày tan hàng, anh đi tù cũng đúng bảy năm, bảy năm với mấy ngàn đêm em nằm ngủ một mình, nằm ngủ một mình lạnh lẽo quá chừng phải không em? Bây giờ anh về ta sẽ hôn nhau ngấu nghiến, sẽ cắn nát nhau cho thịt xương máu huyết tan hòa trong nhau, sẽ bầu chặt lấy nhau không cách rời nhau nữa, nghe em, nghe em.

Nhưng Kim không chạy về hấp tấp, mà đến tối khi dọn hàng xong nàng mới về, đôi mắt nhìn sao la hoắc, đôi mắt lạnh, đôi mắt ngày xưa em đâu có thế, đôi mắt ngày xưa em ướt rượt nhìn anh đắm đuối, đôi mắt nín dờn anh dừng lại với em, dừng lại, anh đã dừng lại rồi, bây giờ qua chuyến thăng trầm sao em lại lơ đi.

Buổi tối, khi các con bắt đầu đi ngủ, anh mới thấy lạng quạng trong sự ứng xử, anh sẽ ngủ ở đâu? Nhưng Kim đã giải quyết cho anh khỏi lúng túng, Kim nói:

"Anh ngủ trên divan nghe, anh phải tắm rửa tẩy trần một thời gian, mấy người đi cải tạo về mang về rất nhiều bệnh tật và dơ nhớp lắm".

Anh nghe lặng người đi, Kim nói thêm: "Tối nay tôi về muộn. Phải gặp những người đàn ông vẫn giúp đỡ hồi anh vắng nhà". ■

Trong tuần lễ cuối tháng 2-99 vừa qua Sở Văn Khố Quốc Gia Hoa Kỳ cho công bố những cuốn băng bí mật thu âm những cuộc nói chuyện trong Tòa Bạch Ốc và trên điện thoại giữa Tổng Thống Mỹ Richard Nixon với các cộng sự viên của ông. Những cuốn băng được sắp xếp, ghi ra thành văn bản để phổ biến do sự tài trợ của một tổ chức tư nhân: Thư viện Tổng thống Nixon ở Yorba Linda, California. Lựa lọc từ những cuốn băng, người ta tách ra nhiều mẫu đối thoại ngắn được ghi âm trong khoảng từ năm 1971 đến năm 1973, nội dung cho biết ông Nixon cùng các phụ tá của ông đã cố tìm cách kết tội cố Tổng Thống John F. Kennedy là có những tay vào vụ thảm sát tổng thống Ngô Đình Diệm tháng 11 năm 1963.

Ông Nixon sau khi được bầu vào Tòa Bạch Ốc năm 1969, vẫn không quên được vụ thất bại của ông trong lần ứng cử Tổng Thống năm 1960, một sự việc mà ông vẫn thường xem là một cuộc tuyến cử thiếu sòng phẳng. Và ông muốn kết cái tội sát nhân vào kẻ đã đánh bại ông gần 10 năm trước. Nhưng ngay lúc còn là một Tổng thống đương nhiệm, ông Nixon vẫn không thể ép buộc hệ thống an ninh quốc gia giải mật một số tài liệu mà vào thời điểm đó các chuyên viên thấy chưa thuận lợi để đưa ra cho công chúng biết.

Bây giờ, hơn 35 năm qua, vợ chồng ông Nixon đã lìa trần. Những nhân vật Việt Nam và Mỹ trực tiếp, gián tiếp can dự vào cuộc đảo chính tháng 11.63, diệt trừ ông Ngô Đình Diệm, một số cũng đã mất, số còn lại thì già lão. Người ta nghĩ có thể dần dần bạch hóa những tài liệu lịch sử lâu nay vẫn nằm trong văn khố quốc gia, những tài liệu lịch sử của tham vọng, âm mưu, bạo động, giết chóc, vong tán... Gần đây là những cuốn băng đây những lời tố giác, buộc tội của ông Nixon nhằm vào cố Tổng Thống Kennedy.

NGÀY 1.7.1971, VĂN PHÒNG BẦU DỤC

Tổng Thống Nixon đọc trong ấn bản THE PENTAGONE PAPERS những dòng chữ đã khiến sự hỗ trợ cuộc chiến Việt Nam dần dần bị giảm đi.

Nixon: Vụ giết ông Diệm - Chính Kennedy đã quyết định tiến hành và lôi kéo chúng ta vào vòng luẩn, việc này còn chứng tỏ rằng Kennedy là người đã đưa chúng ta vào cuộc chiến tại hai hiện nay. Bây giờ chúng ta lại trông bọn gia đình Kennedy vào nội vụ.

NGÀY 8.10.1971, VĂN PHÒNG BẦU DỤC

John D. Ehrlichman, trưởng ban chính sách đối nội, đề nghị giao công việc tìm tòi lời mở hồ sơ gây rắc rối này ra cho Charles W. Colson, viên phụ tá của tổng thống Nixon.

Ehrlichman: Giả sử chúng ta có được mọi tài liệu về vụ ông Diệm và giả sử có chứng liệu nào đó khiến chúng ta thực sự có thể kết buộc cho Teddy Kennedy hoặc gia đình Kennedy thì tôi muốn giao hết vào tay Colson.

Nixon: Ừa (Yep)

Ehrlichman: Và ta sẽ chơi xả láng.

NGÀY 11.8.1971, VĂN PHÒNG BẦU DỤC

Tổng thống Nixon và phụ tá Colson bàn thảo về việc có thể đưa ra những cuộc điều trần tại Quốc Hội tiếp theo sau các văn bản được in trong THE PENTAGON PAPERS.

Colson: Tổng thống có thể tưởng ra việc buộc Averell Harriman (Đại Sứ Lưu Động dưới thời Kennedy) ra trước Ủy Ban Quốc Hội trình bày tại sao ông ta không cứu ông Diệm ra khỏi Việt Nam khi ông ta thừa khả năng làm việc đó không?

Nixon: Tôi muốn phơi bày sự việc đó. Tôi muốn ông ta ra trước ủy ban. Tôi đã từng nói ông Diệm bị ám sát, chúng nó giết ông... Tôi thừa biết mấy thằng ba bựa (bastards) đó đã sắp đặt, thực hiện những chuyện gì.

NGÀY 18.9.1971.

Nixon: Chúng ta đã nắm hết những kẻ nào từng dính dấp vào vụ này hết thấy bọn chúng, bằng cách này hay cách kia-, đã dính vào vụ giết ông Diệm... Vụ giết ông Diệm có lẽ là... (nghe không rõ), vì nó cáo buộc Harriman (cố vấn cho Thượng nghị sĩ Edmund M. Muskie trong cuộc tranh cử Tổng thống năm 1972), và cả Kennedy...

Ehrlichman: (Richard M.) Helms, (Giám đốc CIA) chắc phải tá hỏa.

Nixon: Điều này không làm tôi thất vọng chút nào. Mình chẳng nỡ nản gì Helms. Ông ta nỡ mình thì có, mình cho ông ta tiếp tục tại chức. Và mình cũng cần để cho bọn C.I.A. lãnh đạo về vụ này. Tôi không thất vọng chút nào, và tôi cũng không nghe lời biện giải nào của Henry Kissinger, (cố vấn an ninh quốc gia) hoặc của bất cứ ai. Phải đưa vụ ông Diệm ra. Nhất định phải đưa ra... Tôi muốn có đầy đủ câu chuyện về ông Diệm với mọi chi tiết. Tôi muốn có trước cuối tuần tới. Đó là một cái lệnh. Chúng phải đem đến cho tôi. Tôi sẽ đích thân trình bày toàn bộ câu chuyện. Tôi quyết phải có được mọi sự việc về vụ giết ông Diệm... Toàn bộ hồ sơ về vụ giết ông Diệm.

Ehrlichman: Theo tôi biết thì có một số chuyện về vụ Vịnh Con Heo do C.I.A. làm mà xem ra họ thả chết chứ không thổ lộ cho chúng ta biết. Cũng còn có những chuyện khác nữa, những chuyện bí ẩn bên trong nội bộ...

H.R. Haldeman, Trưởng ban tham mưu: Tôi cũng chắc thế.

Ehrlichman: Chúng ta biết là một chuyện, còn lấy cho được tài liệu thì vấp phải nhiều trở ngại quá lớn, anh thừa rõ. Giá như mình có tay bồ bịch nào có quyền thế bên đó cho mình xâm nhập vào...

Nixon: Việc tôi muốn có câu chuyện ông Diệm, tôi cho là điều tối ưu tiên. Cả những chuyện về Vịnh Con Heo nữa. Tôi muốn ra lệnh cho Helms và (phó giám đốc C.I.A. Robert) Cushman là tôi cần tài liệu vụ Vịnh Con Heo, để dùng cho tôi, chứ không phải đưa ra cho công chúng. Đó là

một cái lệnh. Tôi chờ trong một tuần số tài liệu đó, hoặc tôi muốn đơn từ chức của hắn gửi lên đây. Dứt khoát như vậy. Câu chuyện Vịnh Con Heo, đầu đuôi câu chuyện. Bảo với hắn là chính tôi cũng đã biết khá nhiều rồi. Nhưng tôi vẫn phải có tài liệu vì người ta sẽ chất vấn tôi về vụ này và tôi muốn biết rõ mình phải nói cái gì. Vụ Vịnh Con Heo và vụ ông Diệm-Toàn bộ sự việc - sự thể xảy ra làm sao, tôi cần phải biết... Tôi không cho phép bất cứ sự chống báng nào đối với việc này.

NGÀY 28.3.1973,

Dù có những lời nhắc đi nhắc lại của Tổng Thống Nixon, những hồ sơ mật của C.I.A. và Bộ Ngoại Giao về vụ ám sát ông Diệm và vụ đổ bộ tấn công vào Cuba ở Vịnh Con Heo vẫn không được công bố. Sự bức bối của Tổng Thống kéo dài nhiều tháng, nhiều năm.

MỘT GHI CHÚ VỀ LỊCH SỬ NIXON: KENNEDY GIẾT Ô DIỆM

NGUYỄN PHƯƠNG TUẤN

Nixon: Anh có đọc về việc có thể giải mật tất cả các tài liệu nào đã trên 10 năm rồi không? Phải làm nhanh lên chứ. Không những chỉ... (không nghe rõ) mà vụ kia cũng quan trọng - vụ Vịnh Con Heo. Anh lôi hết mọi chuyện ra nhé! Sẽ là một chuyện âm ỉ đó. Anh đồng ý không?

Haldeman: Vâng.

Nixon: Cũng để ý vào vụ giết ông Diệm, toàn thể nội vụ. Nay cuộc chiến đã chấm dứt và chúng ta đâu cứ phải chịu đựng những việc bê bối của Henry (Kissinger). Chính Henry cũng có phần nào dính líu vào. Do đó ông ta không muốn giải mật một số tài liệu.

NGÀY 13.5.1973,

Một cuộc nói chuyện trên điện thoại giữa Tổng Thống và ông cố vấn quân sự Alexander M. Haig. Tổng thống Nixon vẫn bám riết lấy chuyện ông Diệm và vụ Vịnh Con Heo, nói đến việc E. Howard Hunt, nhân viên mật vụ trong Tòa Bạch Cung đã soạn các thông điệp ngoại giao và tài liệu nhằm buộc tội cố tổng thống Kennedy.

Nixon: Tôi nghĩ chúng ta cần giải mật các tài liệu ngược trở về trước, những việc đã quá 10 năm, giải mật toàn bộ vụ Vịnh Con Heo, cộng thêm vụ ông Diệm. Mẹ, anh cũng thừa rõ, việc đó chỉ có lợi thôi. Anh bảo: "Nó sẽ khơi nhắc lại những chuyện ở Việt Nam". Kệ mẹ nó. Anh không thích hả?

Haig: Thưa tổng thống, tôi chưa dứt khoát. Tôi cho việc này cần phải được suy

xét kỹ lại...

Nixon: Ăn thua chó gì, tôi muốn mình cứ làm (Doggone it, I'd like to do it), bởi vì tôi chưa đọc, xem xét tài liệu về vụ Vịnh Con Heo, nhưng tôi biết có những điều trong vụ này có thể làm cho (Mc George) Bundy (cố vấn an ninh quốc gia của tổng thống Kennedy) xính vính - anh biết không, kinh khủng... Mẹ, anh phải biết sự việc xảy ra là tụi nó phát động một chuỗi biến cố để cuối cùng đưa đến việc ám sát ông Diệm.

Haig: Thưa vâng, chuyện ấy thì không còn thắc mắc gì nữa. Đúng vậy, lúc bấy giờ có mặt viên phụ tá Phó Tổng thống. Ông ta còn là phụ tá cho Lodge (thời gian Henry Cabot Lodge làm Đại Sứ tại Nam Việt Nam). Cách đây mấy năm tôi có nói chuyện với ông ta về biến cố đó.

Nixon: Ông ta bảo sao?

Haig: Ông ta kể... The poor guy (chỉ ông Diệm) gọi phone cho Lodge và nói: "Tụi nó sắp giết tôi, làm ơn phải một số

Thủy Quân Lục Chiến tới đây".

Nixon: Chuyện này đưa ra thì ngon lành quá... Hunt đã tìm tôi cho rõ những chuyện đó mà không đi đến đâu. Vấn đề là có cả đồng tài liệu nằm đó. Nay, nếu có ai anh có kiếm được người nào ta có thể tin cậy để đi xem xét vụ này- và ta giải mật hết ra. Đã quá mười năm rồi, phải không?

Haig: Thưa vâng, tôi có thể kiểm tra người làm việc này.

NGÀY 14.5.1973,

Nixon: Tôi muốn vụ ông Diệm và vụ Vịnh Con Heo phải được hoàn toàn giải mật và phải làm xong trong vòng 48 tiếng đồng hồ. Anh bảo với Haig như thế. Việc này cũng gây khó khăn cho ông ta. Nhưng tôi muốn làm cho xong. Anh hiểu không? Đã quá 10 năm rồi. Giải mật hết. Chúng ta cũng đã làm phần nào việc này. Ron, anh có thấy lý do gì mà ta không nên giải mật những tài liệu này không?

Ronald L. Ziegler, phụ trách về báo chí: Thưa không, tôi không thấy lý do nào cả.

Nixon: Vậy thì tôi muốn lôi ra hết - Haig có vẻ bối rối vì những điều tiếng, những tình huống bất lợi do từ vụ giết ông Diệm. Bấy giờ anh nghe tôi nói: Chính phủ này đã giết ông ta. Tôi biết rõ chuyện đó, và anh cũng biết.

Nhân các đoạn băng trên, chúng ta có thể tìm hiểu thêm qua các tài liệu khác - về, và quanh cái chết của một nhân vật lịch

sử Việt Nam.

Cố Tổng Thống Ngô Đình Diệm bị giết đã hơn ba mươi năm bằng một loạt đạn pistolet mitrailleur và bị đâm nhiều nhất dao găm, trong lòng chiếc thiết vận xa M-113 lúc bấy giờ đang chạy trên đường Hồng Thập Tự và ngừng lại ở cổng xe lửa chờ cho các toa xe lửa chạy qua. Sự việc xảy ra sáng ngày 2.11.1963.

Buổi chiều cùng ngày hai người đàn bà vào bệnh viện Saint Paul nhận xác ông. Một người là cháu ruột ông, bà Nguyễn Thị Anh, hay Hoàng Anh và người kia là bà Trần Thị Hiệp, quản gia lâu năm, thân tín trong gia đình bà Ngô Thị Hoàng, em ruột ông Diệm. Qua đêm 3.11.63 bà Hoàng Anh cùng chồng là ông Trần Trung Dung lo việc chôn cất ông Ngô Đình Diệm trong khuôn viên Bộ Tổng Tham Mưu.

Trong cuốn VIETNAM, A HISTORY nhà báo Stanley Karnon đã trích in lại những lời ghi được trong cuộc nói chuyện sau đây giữa ông Dương Văn Minh và ông Louis Conein (năm 1963 là Đại tá, thay mặt cho Đại sứ Mỹ Cabot Lodge trong mọi liên lạc với các tướng đảo chánh).

Minh: Ông ta đã tự sát.

Conein: Ở đâu?

Minh: Ông ta ở tại một nhà thờ Thiên Chúa Giáo và...

Conein: Ông nghe đây, đó là việc của ông, nhưng với tư cách là người Thiên Chúa Giáo, tôi cho ông biết một điều là nếu đêm nay một linh mục làm lễ cầu hồn cho ông ấy thì mọi người sẽ biết ngay, ông ấy không tự tử. Do lẽ đó, câu chuyện của ông nghe không ổn chút nào.

Minh: Ông có muốn thấy xác ông ta không? Chúng tôi còn giữ đây.

Conein: Không. Chỉ một phần triệu cơ may là người ta tin vào chuyện ông nói. Nhưng nếu sự thật được tiết lộ ra, tôi không muốn bị đổ cho là đã hở mồm về chuyện này. (VIETNAM, A HISTORY, p.311).

Theo đoạn băng vừa công bố tháng 2.1999, qua lời tường thuật, thì Tổng Thống Diệm có nhờ Tòa Đại Sứ Mỹ cho Thủy Quân Lục Chiến tới cứu, song lời yêu cầu không được đáp ứng, trái với lời hứa của Đại sứ Lodge vào lúc 4 giờ 30 chiều ngày hôm trước, 1.11.63.

Lodge: Bấy giờ tôi chỉ lo lắng cho sự an toàn của ngài. Tôi được báo cáo là những người chỉ huy cuộc động binh đang diễn tiến, có đề nghị đưa Ngài và em Ngài an toàn ra khỏi xứ nếu Ngài chịu từ nhiệm. Ngài có nghe vậy không?

Diem: Không. Ông có số điện thoại của tôi đó.

Lodge: Vâng. Nếu tôi có thể làm bất cứ việc gì lo an toàn cho Ngài, xin Ngài vui lòng gọi tôi.

Diem: Tôi đang cố gắng tái lập trật tự.

Diem: No... You have my telephone number.

Lodge: Yes. If I can do anything for your physical safety, please call me).

(Stanley Karnow, VIETNAM, A HISTORY, trang 307) ■

Dịch và bổ sung bài Word for Word / Presidential Tapes trên tờ The New York Times, 28.2.1999.

TẬP KIỀU, CŨ VÀ MỚI *truyện* VĂN HỌC

TRẦN NGỌC NINH

ĐOANTRƯỜNGTÂNTHANH của Tiên Điền Nguyễn Hân là thi ca dài cắc, còn TRUYỆN THUYẾT KIỀU là văn chương bình dân. Anh T. Việt Sơn tôi chắc là phải thích cả hai mặt của tác phẩm ấy từ lâu. Trong nhà lúc nào cũng có hai ba quyển Kiều, quyển thì cụt đầu, quyển thì mất hết. Quyển nào cũng long gáy và rách bươm, ít là thiếu đứt một câu. Mẹ tôi mua của bà hàng cháo trai hay bún ốc, các bà mua ở chính hiệu Hàng Gai hay của một bạn hàng khác để đọc đỡ khi ế khách, còn mẹ tôi thì cứ phải mua vì có quyển nào, cất dưới gối hay trong tủ nhà bếp, anh tôi cũng lấy đem về bàn học của anh; và tôi lại lấy để xem nhưng không hiểu nên sách bỏ đi, biến mất dạng ở đâu không biết. Tôi biết là anh tôi hiểu và thích Kiều lắm, vì có một hồi anh đang học thi, nghe tin có cụ Nghiêm Toàn giảng Truyện Kiều không mất tiền vào cửa, thế là Chủ Nhật nào anh cũng đạp xe đi nghe. Không bỏ một bài, mấy tháng mới trọn.

Tôi hỏi anh Truyện Kiều thì có cái gì mà dữ thế? Anh bảo rằng Ninh chưa hiểu được, Cụ Toàn giảng từng câu, từng chữ, câu nào cũng hay chữ nào cũng tuyệt. Tôi hỏi lại Thế chẳng lẽ không có câu nào dở a? Anh trả lời Có chứ. Cụ bảo có một câu kém, nhưng chỉ có một câu ấy thôi. Là:

*Vó câu khắp khểnh,
bánh xe gập ghềnh*

Tôi lại hỏi, tỏ lộ cái dốt của tôi ra: Ủ, câu thơ thì làm gì có vó, có vắn mới đúng chứ! Anh tôi mắng:

--"Câu là con ngựa chữ dùng riêng cho thơ, cho nên mới có vó, vó là cái chân ngựa cũng như trong thơ pháp-văn gọi con ngựa là *Pégase coursier* (1). Tôi định cãi thì anh tôi lại thêm: "Câu này kém là vì những chữ khắp khểnh, gập ghềnh. Nguyễn Du dùng những tiếng hài thanh để bắt chước tiếng ngựa tiếng xe chạy trên đường đất gồ ghề. Nhưng cái gì là vó ngựa mà khắp khểnh, ngựa què à; mà khắp khểnh là răng thì được, chân thì phải là khắp khiểng. Còn bánh xe cũng vậy, gập ghềnh là làm sao?" Tôi động lòng, tưởng là anh tỏ tôi như hồi còn nhỏ và không thêm nghe nữa.

Bối Kiều, lấy Kiều, kể Kiều, ngâm Kiều, đọc Kiều... Tôi không biết. Nhưng anh tôi thách tôi tập Kiều. Tất nhiên trong chuyện này cũng như nhiều chuyện

khác, tôi thua anh. Và thua cay. Tôi thì kém học mà lại dấn dện. Anh thì tài hoa, dí dỏm và học cao hơn. Anh ước hẹn với tôi rằng mỗi tối mỗi người phải có một câu tập Kiều. "Tập Kiều là thế này này", và anh giảng cho tôi thể lệ cách thức tập Kiều. Tôi lúc đó đã vỡ vế, nhận lời liền. Thế rồi một hôm...

Hai chúng tôi ngủ chung một giường ở phòng ngoài gọi là "nhà ngoài", có một giường nữa để sâu hơn, dành cho hai em gái và một em trai nhỏ của chúng tôi, vì ít tuổi, ít học, phải đi ngủ sớm. Anh tôi và tôi cùng chung một ngọn đèn chong, học đến khuya mới lên giường. Bàn thờ ông bà nội trên tường treo ảnh Đức Thánh Quan mặt đỏ với Lưu Bình và Chu Xương (2), có một ngọn đèn Hoa Kỳ, suốt ngày đêm được giữ cho có một đốm lửa leo lắt ẻo ọt để nhóm bếp khỏi tốn diêm.

Anh tôi giảng đèn Hoa Kỳ, gọi thế là vì ông vua dầu hỏa Rockefeller đã cho chế ra rồi tặng nước Tàu với nước Ta mấy trăm triệu cái, mỗi nhà một cái, có người tham thì lấy hai ba cái, cũng cho luôn. Lại cho cả dầu hỏa để thắp trong một tháng. Một tháng là đủ hết cái cảnh

Tuần trăng khuyết đĩa dầu hao

Mặt tơ tường mặt, lòng ngao ngán lòng

Các đĩa dầu lạc có cái bắc tròn như cái giải rút quần bị vứt đi hay dùng đựng xi dầu nước mắm. Qua một tháng cạn hết dầu hỏa, phải đi mua dầu. Dầu hỏa bên Mỹ tải sang không kịp, người ta đánh nhau để mua cho có dầu trong nhà. Dầu hỏa là cái dầu cạn, bên Mĩ không dùng, chạy ô tô không được, trước kia không biết đổ đi đâu cho khỏi làm hư ruộng đất, nay đổ sang bên Tàu bên Ta không kịp, tiền thu về nhiều quá, ông Rockefeller mua hết đất ở Nữ Ước, còn thừa bố thí một chút cho xây cái Đại học Bắc Kinh để khai hóa dân Tàu.

Nước Pháp cũng xin, viện lý do rằng bên Ta cũng có dùng đèn Hoa Kỳ, nên cũng được ông ấy búng cho cái Trường Thuốc ở tỉnh Lyon với một cái bệnh viện tối tân hai-mươi-lăm khu từ A đến Z, lại mở một đại lộ từ trung tâm thành phố ra đến bệnh viện ở ngoại ô (3). Nghe đâu cũng có xin cho Hà Nội cái chi đó, nhưng Rockefeller đá lăm, nó không cho vì An-nam ta chỉ là một đất bị-thuộc chứ không phải là một nước. Cái đèn Hoa Kỳ

chỉ như một lon sắt tây nhỏ đựng dầu với một sợi bắc tròn vắn lên vắn xuống được bằng một cái bánh xe răng cưa có một cái trục nối với một cái nút vặn giống cái khuy quần. Ngọn lửa được che quanh bởi một cái bóng thủy tinh hồng lơ ở trên, lấp vào cổ lon dầu và tháo ra được.

Dầu hỏa gọi là dầu vì thay thế cho dầu lạc. Sau này tôi biết là ở miền Nam, ta gọi là dầu hôi; thấy nó cũng có hôi thật. Còn dầu lạc từ đấy chỉ dùng ở bàn đèn thuốc phiện để các cụ vui chơi một chút khi nước đã mất.

Đèn học của chúng tôi là một cây đèn có chân. Cao ráo, to tát. Cái chân bằng đồng như chân hạc ở Đèn Hàng Trống. Trên chân là cái bầu thủy tinh xanh lam bằng thủy tinh của những chai rượu vang vỡ; mỗi buổi sáng có mấy người gánh thùng gánh hộp đi các đường phố và ngõ hẻm mua mảnh chai; mảnh lớn thì vừa nhón vừa sắc được chọn riêng ra bán cho nhà giàu cắm trên tường quanh nhà để chém đứt chân những kẻ gian manh muốn trèo vào ăn cắp gà; còn bao nhiêu mảnh nhỏ thì bán cho lò thủy tinh để nấu lại rồi thổi thành bầu, thành ống, thành lọ, thành chai, thành kính cửa, thành gương soi, đủ thứ. Cái bầu đèn của chúng tôi có nhiều múi, tuy không đều đặn lắm nhưng cũng đỡ trần truồng. Mực dầu ở trong luôn luôn lên đúng lưng bầu mỗi tối, vừa đủ để chúng tôi học đến nửa khuya, theo ý Mẹ chúng tôi. Cái bắc đèn đẹp và dầy như một cái bánh quế ỉu, được nâng lên hay chìm xuống bằng một cái nút đồng, có khóa chung quanh như đồng hào của quan tây làm ra để người ta không cạo được, lấy bạc bụi đem bán. Ở trên là một cái gọi là thông phong, đúng ra thì chỉ là cái ống khói làm bằng thủy tinh, trong lòng lúc nào cũng ám những bụi nâu nâu từ ngọn bắc cháy bốc lên.

Bữa ấy, dầu trong bầu đèn đã gần cạn cái đồng hồ to trên vách, niềm kiêu hãnh của Thầy tôi, đã sang sảng điểm bốn câu tứ tuyệt của nhà thơ Westminster ở Luân Đôn, rồi tiếp theo là mười hai tiếng đồng dục, boong... boong, tất cả hết bốn mươi lăm giây, anh tôi bảo "Thôi đi ngủ", tôi bảo "Chờ tí, em đang xem dở chỗ này". Anh tôi nói. Cứ xem đi. Lập đi bỏ màn trước, lúc nào vào nhớ bắt muỗi.

Một chốc, tôi tắt đèn học, lấy cái đèn Hoa Kỳ vặn bốc lên cho ngọn lửa đứng, rồi hé màn chui tót vào trong, theo một thế võ mà tôi đã luyện hằng đêm suốt một tuổi trẻ để tranh thủ với loài muỗi, tay vẫn cầm đèn, không chao động. Rồi tôi bắt đầu đi đốt muỗi ở bốn phía. Được hai con. Bây giờ mới đến bài toán nan giải, là phải luồn ra ngoài trả lại cây đèn Hoa Kỳ lên bàn thờ, vặn ngọn lửa cho nhỏ xuống như cũ, rồi tót vào lại trong giường qua bức màn có những lỗ nhỏ hình sáu cạnh. Đồ đồng, chuồn ra ngoài, lón vào trong, nhanh mấy cũng phải có bốn con muỗi mới trong màn.

Nhưng tôi không kịp làm hết bài toán này. Vừa rúc vào trong chăn đã thấy anh tôi ngậm nga:

Ở trong đường có hương bay ít nhiều

Thôi chết rồi, ông ấy chưa ngủ, ông ấy tập Kiều. Thực là họa vô đơn chí, việc khó chưa yên, việc phiền đã tới; không hiểu ông ấy định nói gì, và trả lời sao cho ổn bây giờ?

Đã thấy anh lên tiếng giục. Nói mau, không thì đừng có trách!

A, thì ra anh ấy dọa. Cái gì có hương mà phải sợ? mà lại ở trong giường?

Ở trong giường có hương bay...

Ở trong giường có

Tôi vut nghĩ ra, vội vùng dậy, miệng kêu Khiếp, cái anh này! Anh tôi kéo xuống, trấn an Lập đùa đẩy, không có cái gì đâu, đừng có làm ồn. Rồi anh hỏi tôi, Thế Ninh đoán là cái gì? - Anh bỏ bom chứ gì! Anh ác lắm, lên giường mà bỏ bom thì em còn chạy đâu được. Anh tôi bảo Nhưng không có. Mà Ninh đoán sai. Câu thơ là

Ở trong đường có hương bay ít nhiều, đường là hình như chữ không có thực. Nếu thực thì Nguyễn Du đã phải viết là

Ở trong thoáng có hương bay ít nhiều

Bây giờ tôi mới phục là Cụ Nghiêm Toàn giỏi. Về sau này tôi được làm việc một ít lâu với Cụ thấy rõ sự uyên bác của Cụ; ai đọc quyển LÃO TỬ ĐẠO ĐỨC KINH mà Cụ chú giải tất cũng đồng ý. Cụ đã mất ở Sài Gòn mấy năm trước, và chúng ta không còn vị học giả rất nghiêm túc và thận trọng ấy.

Tôi tập Kiều với anh tôi được ít lâu thì thôi, chắc vì anh chán. Nhưng tôi thì thấy, tuy luôn luôn thua, mà đã học được nhiều lắm. Trước hết là vì nhờ những



Rõ ràng của dẫn tay trao (minh họa Kiều, dịch bản Lỗ Ma Ni, Bucaresti, 1967)

buổi tối tập Kiều như tôi vừa kể, tôi đã phải đọc Kiều, đọc hết từ câu *Trăm năm trong cõi người ta* đến câu *Mua vui cũng được một vài trống canh*.

Không phải một lần mà không biết bao nhiêu lần; chủ ý là để khỏi bí rồi càng đọc càng thấy hay. mỗi lần đọc lại thấy được một con người Nguyễn Du mà trước kia mình chưa biết, thực là một áng văn thiên cổ không già mà chúng ta có thể kiêu hãnh đặt ngang hàng với Shakespeare của Anh văn, Goethe của Đức văn, Puskin của Nga văn, Dante của Ý văn.

Nhưng đối với tôi, Truyện Kiều của Tiên Điền Nguyễn Du còn hơn nữa vì tôi đã được tập Kiều với anh tôi. Với tất cả các tác giả thiên tài nói trên của ngoại ngữ, người ta có thể lấy ra một câu rất hay và rất thâm trầm để dẫn, nhưng tôi chưa thấy sự "tập Goethe hay tập Shakespeare hoặc là tập Faust, tập Hamlet bao giờ. Mà ta thì có tập Kiều.

Tập Kiều là bứt ra hai câu thơ của Truyện Kiều để áp dụng vào một hoàn cảnh thực, đang xảy ra cho mình, có khi để nguyên văn, có khi đổi đi một vài chữ mà phải cũng hay chữ không được dở, với một ngụ ý đặc biệt, khi khen, khi sỏ, khi trách móc, khi chữa then, trăm biến vạn hóa không biết đâu mà lường được. Người tập Kiều đã giỏi, người nghe tập Kiều cũng phải đủ nhanh trí, có thể nói là thông minh, để hiểu câu tập Kiều, vì trong mỗi câu tập Kiều phải có một chơi chữ, nhiều khi tế nhị và có ẩn ý. Đối lại một tập Kiều bằng một tập Kiều là một tuyệt kĩ rất khó mà ít ai thực hiện được nếu không vừa giỏi vừa may, vì câu đáp cũng phải có một ngụ ý để đối lại cho xứng.

Tôi tập Kiều còn kém, thua anh tôi hoài. Thực ra, tôi chỉ mới tập tập Kiều. Nhưng nhờ thế mà tôi học được một điều, là tôi kính phục Nguyễn Du của Truyện Kiều, mà tôi không sợ nữa.

Hồi cuối thế kỷ thứ mười bảy, trong học giới và văn-dân Pháp có một cuộc tranh luận lớn mà lịch sử văn học gọi là *La Querelle des Anciens et des Modernes*, Cuộc Đấu lý giữa Cổ và Kim. Trước đó, trong thời Phục Hưng, Âu Châu miền Tây phát hiện lại được những tác phẩm cổ của La Mã (Roma) và nhất là của Hi Lạp (Hellen) qua tay a-rap. Trí thức bừng tỉnh sau giấc ngủ dài sáu trăm năm trong đêm tối của thời Trung Cổ. Plato, Aristote, Euclid, Archimeda, Galen, Cicero tràn vào Ý, Pháp, Anh, Đức, được dịch ra và được học, rồi được dạy, được bàn. Các Đại học mọc lên, Bologna, Paris, Oxford, Cambridge, Heisenberg là những nơi sớm nhất, lớn nhất, sáng lạn nhất. Chủ nghĩa Nhân bản *Humanism* thành hình để nâng cao tinh thần của con người qua sự học các sách sử cổ được gọi gồm là *Humanités*, *Nhân học*. Dưới cái dù ấy, văn chương, nghệ thuật đã thoát xác và làm thành một Thời Cổ điển (*Classicisme*).

Sự thần phục các tác giả cổ rất chóng đã biến thành sự thần phục. Thơ văn cổ được bắt chước. Các nhà viết kịch, Corneille, Racine cố gắng theo các qui luật gọi là "ba cái một", (*les Trois Unités*) của Aristote, trong các kịch mà họ trích dịch từ các tác giả Hellen và Roma Eschyl, Seneca, Euripid..., cũng hay lắm, nhưng nệ cổ quá thì mất hồn nhiên, tâm tình khô cạn, không còn biết rung động trước cảnh đẹp của trời đất, nhạt nhẽo cả với tình người, vì điển tích, cổ ảnh, hồi ức của cổ thi, cổ văn kìm giữ không cho có sự bộc phát; sự tưởng tượng bị chặt cánh, ý muốn làm mới bị trói chặt, cá tính đặc thù bị chìm sâu...

Một thế kỷ cổ điển của văn chương Pháp, có những đại văn hào viết văn vần, mà không có lấy một nhà thơ, nếu không may mắn còn được một vị thanh tra kiểm lâm là Jean de la Fontaine, tính nét hơi ngông cuồng, ít học, ham chơi, yêu cây cối súc vật hơn chốn triều đình và nơi đô hội. Nhưng ngay cả với La Fontaine, hồn thơ cũng bị rịn với những chuyện ngụ ngôn nho nhỏ mượn của sách cổ Hi Lạp và An Độ, nên chỉ trở ra những bông hoa đại ẩn trong cỏ, thưa thớt đó đây mà không khi nào nở rộ lên thành chùm, thành đàn và không thể tung những hương sắc ra ngợp trời đất như chúng ta mong muốn.

Người cầm đầu nhóm cổ điển là Nicolas Boileau-Despréaux, thường chỉ gọi tắt là Boileau, với cái tiếng là "người làm luật cho thơ cổ điển". Tác phẩm đưa ông lên đài danh vọng là cuốn NGHỆ THUẬT LÀM THƠ, *L'ART POÉTIQUE* (1675) trong đó, với những câu khô khan, cần cỗi, phản văn thơ, ông trình bày phép làm thơ, phép viết kịch, theo cổ nhân tức là, quan trọng nhất theo Aristote. Được bầu vào Hàn lâm Viện Pháp (*Académie Française*) năm 1684, Boileau đã tưởng có thể dùng cái uy tín của mình để cai trị cộng hòa văn thơ.

Đùng một cái, phái Mới phản pháo. Người cầm cờ là Charles Perrault, tác giả những chuyện tiên hiệp nhanh ở thôn quê, sửa sang phần sắp lại để đưa

vào triều đình cho các Đức Ông và Lệnh Bà thưởng thức. Với thành tích ấy, Perrault đã vào Hàn lâm Viện từ năm 1671 mười ba năm trước Boileau. Perrault lên diễn đàn của Viện Hàn Lâm đọc một bài thơ đầu đề là *Thế kỷ của Đại Vương Louis, Le Siècle de Louis le Grand*.

Đại vương Louis là vua Lô-y thứ mười bốn (Louis XIV) đã được đám nịnh thần bốc lên là Đức Vua Mặt Trời, *Le Roy-Soleil* vì những xa hoa của Nhà Vua đã tỏa ra như ánh dương quang đến tất cả các triều đình dưới trời ở Âu Châu. Bài thơ của Perrault cũng là để nịnh bợ, nhưng đã đặt vấn đề Cũ Mới một cách gay gắt, mặc dầu cũng chỉ hay hơn bài dịch văn vần của tôi một chút:

Đời Thái Cổ đáng được ta kính trọng
Đồng ý rồi, nhưng quyết không thờ phụng
Chẳng khi nào quì gối trước người xưa



Dầu có lớn, họ cũng người như ta
Thời Louis, nhất định ta có thể
Đặt ngang hàng Augustus Hoàng Đế

(Thời Hoàng đế Augustus là thời kỳ lẫy lừng nhất về văn học và uy vũ Đế quốc La Mã, đại khái cũng như ta nói rằng "đức sánh Nghiêu Thuấn". Thi sĩ Virgil viết đại hùng ca *Aeneid* để tán dương Hoàng đế Augustus).

Bài thơ khá dài mở đầu cho một quyển bốn bộ "Đối thoại song song giữa các tác giả Cổ và Kim trong lãnh vực nghệ thuật và khoa học". Perrault không đứng một mình lẻ loi. Trước đã có J. du Bellay viết một cuốn sách đề cao tiếng Pháp, so với Latin và cổ Hi. Lại có nhà đại triết R. Descartes với phương pháp của ông, mở đầu bằng nguyên tắc "Hãy quét sạch mặt bàn" (*Faire table rase*) cho hết quá khứ". Sự hoài nghi có phương pháp của Descartes, đã làm cho uy tín của sách cổ bị nứt rạn nặng, nhưng những lời nói chơi hay nói chường của ông với môn đồ cũng có ảnh hưởng rộng, chẳng hạn như lời tuyên bố rằng "Biết tiếng

Latin hay Cổ Hi Lạp, hoặc biết tiếng Thụy Sĩ (Đức) và tiếng Ý cũng có giá trị như nhau".

Sau Perrault cũng còn có nhiều người khác nữa, từ nhiều mặt, chỉ trích sự nệ cổ khinh kim. Phe Kim (*Moderne*) thắng lúc đầu, khá nhiều tác giả chứng minh và tuyên bố rằng Kim không thua Cổ về bất cứ phương tiện nào, tư tưởng, thi ca, văn chương, khoa học, hay nghệ thuật. Tuy không phải là những người có tư tưởng hay văn tài xuất chúng, các cây bút Kim thời đã mở được cái cửa của Tự do bằng sự xác tín của họ: thế hệ sau đó trong Thế kỷ thứ mười tám, đã tiến lên mãnh liệt với những thiên tài Montesquieu, Voltaire, Diderot, Rousseau...

Những người này không những là cha tinh thần của Cuộc Cách Mệnh Pháp 1789 đã lật đổ Chế Độ Cũ và Nền Quân Chủ Chuyên Chế. Phong trào Lãng mạn trong văn chương và nghệ thuật tràn ngập khắp Âu Châu, nâng cá nhân và tự do tình cảm lên ngôi chủ tể, còn phải được hiểu là kết quả biện chứng của Thế kỷ đã được lèo lái bởi một mẫu người mới, các "triết gia" (*les philosophes*) của một thời được gọi là "Quang Minh" (*Enlightenment, Siècle des Lumières*) với một giai đoạn người Đức gọi là *Sturm und Drang* (*Giông tố và Sầu hận*).

Kịch sĩ Marivaux để vào miệng một vai trò trong hài kịch một câu nói mà dân Việt Nam nếu đọc đến không khỏi giật mình: "mang trên vai bốn nghìn năm lịch sử không còn là một là một sự vinh quang mà trở thành một gánh nặng không thể nào kham nổi".

Đến thế kỷ này của chúng ta, Paul Valéry, một nhà thơ, nhà văn và tư tưởng gia lớn của Pháp, còn phải viết để ghi ơn những người đã đưa được cái Mới vào trong đời sống trí thức. Ông viết, và tôi phải cố gắng lắm mới dịch được những lời hàm súc của một người đã được giới văn học gọi là một bậc thầy về văn xuôi: "Cái mới, tuy là cái trong tình túy phải chết, đối với chúng ta đã thành một tính chất cao quý đến độ rằng vắng nó thì tất cả các tính chất khác bị hủ bại và có nó thì có đủ hết. Dầu có thể bị coi là dốt nát, bị khinh bỉ, và chính mình thấy chán ngán, chúng ta vẫn tự bắt buộc phải luôn luôn và mãi mãi tiến bộ hơn trong nghệ thuật, trong cách sống, trong chính trị và tư tưởng, và (nay) chúng ta đã được tôi luyện để chỉ coi là đáng giá có sự ngạc nhiên và cái tác động nhất thời của sự lạ lùng..." (4)

Cũng may là, trong lâu dài lịch sử, sự thắng của phe Mới không phải là toàn thắng, cái Cổ bị dẹp đi chứ không bị tiêu diệt. Vì cái giá trị thực của nó, nhất là sau khi ánh sáng của lịch sử đã rọi rõ thời thế của các cổ vật, sau khi người ta đã hiểu được sự tương đối của tất cả những xây dựng và sáng tác của con người trong lịch sử, thì cái Cổ lại trở về, và con người đời nay lại bắt rễ lại trong thời cổ và không còn mặc cảm là thua kém, là sa sút, là hủ bại. Nói như Blaise Pascal, chúng ta cười lên cổ tiền nhân.

Ở Việt Nam, cuộc tranh biện giữa Cổ và Kim tuy cũng có dưới hình thức thơ mới, thơ cũ và tân nhạc với cổ nhạc,

nhưng không sôi nổi và không đem lại những hậu quả lớn lao như ở Âu Châu, đặc biệt là ở Pháp. Lý do là vì những điều kiện chính trị ở nước ta trong những năm ba mươi của thế kỷ này không giống ở Pháp hồi cuối thế kỷ XVII sang thế kỷ XVIII. Trong nước ta, phe Cổ đã bị thua không phải vì sự trỗi dậy của một phe Kim, mà vì nạn ngoại xâm bởi người Pháp trên hai chiến tuyến, quân sự và tôn giáo.

Sau khi đảng Cần Vương thất bại thì Phe Cổ coi như tan rã hẳn; may lắm ra thì chỉ còn một vài cá nhân rời rạc, kháng kháng muốn giữ một cái đuôi cũng đang giãy chết. Những người có cổ học và còn suy xét cũng đều mong muốn có sự duy tân, và người Pháp cũng muốn như thế vì họ nghĩ rằng nếu chữ Nho cũng được trọng thì giới trí thức lãnh đạo ở Việt Nam sẽ vẫn không theo họ.

Sự duy tân mà các nhà cách mệnh lớp Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh và Đông Kinh Nghĩa Thục chủ trương có ba mục tiêu: thứ nhất là khởi động lòng yêu nước mới, bỏ đối tượng nhà vua đi và thay thế bằng quốc dân và quốc gia; thứ hai là học những tư tưởng chính trị mới; còn rất mơ hồ vì tuy có nói đến Mạnh Đức tư cứu, Phức-lộc-đặc và Lư Thoa, nhưng không ai đủ sức đọc được, dầu là qua những sách Hán văn, một tác phẩm chính nào của Montesquieu, Voltaire và Rousseau; ba là học khoa học và kỹ thuật của Tây phương để tự lực tự cường. Cả ba điều đều không thể thành được, vì người Pháp quan niệm sự bỏ-cũ-theo-mới khác. Với người Pháp, bỏ cũ theo mới chỉ có một nghĩa là bỏ sự phục tùng văn học và văn hóa Hán văn để theo và thờ Nhà nước Đại Pháp.

Phong trào thơ mới, nhạc mới hoàn toàn phi chính trị, và sự đá phá cổ thi, cổ nhạc chỉ ở phương diện hình thức, không động gì đến nội dung. Nội dung của văn chương và nghệ thuật trong sự đổi mới này cũng có thay đổi, nhưng không phải do chủ trương của các thi sĩ và nhạc sĩ, mà là do thời cuộc và do sự bất chước. Bài thơ Con Nai Vàng của Lưu Trọng Lư được gọi là thơ mới, nhưng thực ra là dịch gần như nguyên văn một bài cổ thi Nhật Bản. Những bài tân nhạc đầu tiên nói chuyện Lưu Nguyễn Nhập Thiên Thai, hay chuyện Trương Chi Mị Nương, những đề tài không ai cho là của thời đại này cả.

Tôi tập Kiều với anh tôi vài tháng trước khi thơ mới ra đời ở Hà Nội, tức là lúc Báo Phong Hóa của các ông Nhất Linh, Khái Hưng, Thế Lữ được tung ra. Với tôi tập Kiều là con đường để khắc phục được Cổ văn và tiến vào văn chương, tư tưởng của thời hiện đại như một người Mới. Nhưng tôi không đoạn tuyệt với cái Cổ; đoạn tuyệt là một hành động cực đoan quyết liệt mà tôi đã không phải làm vì con đường đặc thù tôi đã nhờ anh tôi đi vào để giải quyết sự mâu thuẫn giữa cái Mới và cái Cổ là một con đường đùa rờn, nghịch ngợm đầy cảo thơm với dấu hương.

Người xưa ngâm Kiều dưới ánh trăng trong hay bên chén trà đậm, li rượu nồng, để thưởng thức một nét họa thanh đạm mà có thần, thích thú với những tiếng vàng, tiếng sắt trong thơ, hay để trầm trồ

khen ngón đàn thanh lịch của một cô cầm, khuyên son một giọng oanh biết nhấn một từ hay, một lời đẹp, một hình ảnh tươi sáng, một điển cố li kì uyên bác hoặc một vần thơ ném xuống một cách kì ảo, điêu luyện và thanh nhã. Ngâm vịnh là cái thú tao nhã của nơi quyền quý, nảy nở ra trong cái không khí thanh bình giả tạo của thời Lê mạt nhưng rồi nhanh chóng suy tàn, các ca nhi thành những đào nương, những dạ tiệc có đàn sáo ca hát quanh hồ trong Quốc Tử Giám mất hẳn đi để nhường chỗ cho những khu phố qui tụ những nhà treo màn ở đó khách làng chơi có thể nghe ngâm mấy câu TÌ-BÀ-HÀNH và một bài hát nói, nhấm nháp một chén rượu trắng với dăm củ lạc, khề khà gỏi lên đùi một cô đầu thịt, hít vài hơi thuốc của cái dục tẩu mầu gụ đen, sự bệ rạc thực là náo lòng.

Ở trong nhà thì ngoài sự kể Kiều, người ta bói Kiều và tập Kiều.

Bói Kiều là sùng bái, sùng tín. Người ta không cần phải đã đọc Kiều, không cần phải biết rằng Truyện Thúy Kiều là Đoạn Trường Tân Thanh. Quyển Truyện Kiều thành một thứ KINH DỊCH của giới bình dân Việt Nam. Trong lòng có một việc lo ngại về đường tình duyên hay chuyện miệng tiếng, người ta đi lục trong xó một cái ngăn kéo quần áo, lấy ra một quyển Kim Vân Kiều đã tang thương nhàu nát, thấp một nén hương cắm với quyển sách nâng lên ngang mày, thì thầm khấn khứa "lạy ông Từ Hải, lạy vãi Giác Duyên, lạy Tiên Thúy Kiều" rồi mở sách; đời mình là định trong câu ấy, câu nọ mà mình đã xin, rồi buồn rầu, chán nản hay phấn khởi, vui tươi. Dầu có ai dè mồi hơn một trăm năm mà tuyệt bút của Tố-Như-tử đã xuống thấp đến thế!

Anh tôi với tôi chỉ có tập Kiều. Cả hai chúng tôi đều phục văn tài của



Trương-Phi

▣ Bàn thảo:

"Một cái gì được giao nộp một cách hối hả và bị trả lại một cách nhẩn nha."

Oliver Herford

▣ In thơ:

"In một tập thơ cũng giống như thả một cánh hồng xuống rặng Grand Canyon và chờ đợi một tiếng vang."

Don Marquis

Nguyễn Du và cùng nghĩ rằng tinh hoa của văn chương Việt Nam hun đúc bởi thiên tài của Nguyễn Du, đã được vận dụng đến cực độ để nói lên tâm tư và tình cảm của Tố Như trong Đoạn Trường Tân Thanh. Cổ văn Việt Nam nay đã cáo chung. Nhưng trước khi mất đi đã hoàn thành được ở Truyện Kiều của Nguyễn Du (và ở những thơ Việt ngữ của Hồ Xuân Hương mà bóng hình phảng phất trong khắp Đoạn Trường Tân Thanh) hai tuyệt tác bất tử mà dân tộc Việt Nam có thể lấy làm hãnh diện.

Nhưng sự thần phục của anh tôi và tôi đối với tác phẩm của Nguyễn Du một phần nào đã được vơi đi vì một lúc vui đùa trong sự tập Kiều. Tập Kiều không phải là kinh thường văn Kiều, cũng không phải là không trọng những đau thương và rung cảm của tác giả là một người cổ, đã cách xa ta mấy lần đầu biển. Nhưng trong sự tập Kiều, có tiềm ẩn một sự hỗn hào, một sự sắc sục, một sự bất kính mà tiếng Pháp gọi là *irrévérence*, một từ không có tương đương trong các ngôn ngữ Âu tây nào mà tôi biết, vì chỉ có văn chương Pháp là đã có La Fontaine và có Voltaire, và tôi đã nổi sự sắc sục, bao gồm cái sắc và cái sục mà chỉ có người Việt Nam sau Hồ Xuân Hương và có lẽ trong tinh thần tiểu lâm tục ngữ mới hiểu được.

Anh tôi bốn chọc tôi, gọi cái hơi mà tục ngữ đã định nghĩa là chỉ vừa mũi có một người, là mùi hương, trùng với tên của người tình tuổi trẻ của Thanh Hiên, và là cái dấu tiên-cách đặc thù của Đạm Tiên, người chị trong cảnh Đoạn Trường của Thúy Kiều:

Một lời nói chưa kịp thưa,

Phút đầu trận gió cuốn cờ đến ngay

ào ào đổ lộc rung cây

ở trong đường có hương bay ít nhiều

Đề chùng ngọn gió lần theo

dấu giấy từng bước in rêu rành rành

Gió đầu sịch bức màn màn

Tình ra mới biết là mình chiêm bao,

Trông theo nào thấy dấu nào

Hương thừa đường hãy ra vào nơi đây...

hỏi rằng không phải là sắc và sục với Tiên Diễm Nguyễn Du là gì? Nhờ có chút sắc sục của sự tập Kiều trên giường ngủ mà riêng tôi cũng đã dám học đòi viết một câu văn trong đời.

Câu chuyện nhỏ nhoi của anh em tôi dĩ nhiên không thể ví được với cuộc Tranh luận giữa Cũ và Mới ở cuối Thế Kỷ XVII, bên Pháp, mà tôi đã phác họa ở trên. Về bất cứ phương diện nào và mọi phương diện. Cuộc tranh luận là một cái mốc trong lịch sử. Nếu chưa phải là Cách Mệnh thì là Tiền Cách Mệnh. Nó là cửa ngõ đi vào Thời Quang Minh. Nó là dấu hiệu đầu tiên của sự chuyển mình lớn gọi là Cách mệnh Pháp, hay đúng hơn nữa, Thời đại Cách mệnh của Âu châu. Nhưng sự lớn lao của nó đã mang theo biết bao đổ vỡ và đau khổ. Rút cuộc lại, sự quân bình và toàn mỹ đã chỉ có sau khi có sự hòa hợp, người Mới hiểu được rằng nếu không có Cũ thì chính mình nghèo nàn hơn, giảm thiểu nhiều, và nhiều khi thấy mình chơi với lơ lửng như ở trong một tầng không gian không-có-trọng-lực. Sang đến thế kỷ này, Paul Valéry lại trở

TẠO

THÁI LUÂN

NỬA HỒN XUÂN LỘC

Buổi chiều nhận lệnh rời Xuân Lộc
Ta muốn tìm em nói ít lời
Nhưng sợ em buồn, không nói được
Nên đành lặng lẽ mà đi thôi.

Ngại phút chia xa, em sẽ khóc
Bảo người vợ lính sẽ buồn theo
Yếu đuối tìm ta người chiến sĩ
Loạn rừng, tội nghiệp tiếng chim kêu.

Rút quân, bỏ lại đời ta đó
Bảo Chánh, Gia Rai lửa ngút trời
Lửa ngút, trái tim ta lửa ngút
Trái tim người lính đã yêu người.

Bí mật hành quân ta đành phụ
Mối tình Long Khánh tội trời ơi
Mất thêm Xuân Lộc tay thêm ngắn
Nứt ruột miền Trung càng xa với.

Sáng mai chắc chắn em buồn lắm
Sẽ trách ta sao lại phụ người
Lòng ta như trái sầu riêng rụng
Trong vườn em đó vỡ làm đôi.

Cao nguyên bài học đầy cay đắng
Lớp lớp người rơi, mỗi bước đời
Ta chẳng muốn làm người bại trận
Thành tên tình phụ cũng đành thôi.

Đêm nay quân rút, hồn ta ở,
Nhìn nước La Ngà pha máu sôi,
Thương chiếc cầu chờ cơn thác lũ
Trần qua Xuân Lộc khóc cùng người.

Ta đi áo nhuộm màu đất đỏ
Cao su vương tóc mãi còn mùi
Tội nghiệp nắng vàng chờ áo trận
Khi tàn chinh chiến sẽ đem phơi.

Em hỡi em thương bấy thỏ trắng,
Đàn gà mất mẹ sống mồ côi,
Em hỡi em yêu người lính chiến
Người lính đêm nay đã phụ rồi.

Bao năm, ta trọn tình đất đỏ
Một phút này thôi, thẹn với đời!
Sốt rét đêm run, ngày không ngủ
Bao lần máu đổ dừng dừng cười
Một phút này thôi, hử lại ngã
Bỏ thành, bỏ đất nhọc nào với.

Nếu được đưa quân lên Định Quán
Cuối cùng một trận cũng là vui
Sáng mai chân bước qua Bình Giả
Cầm Mỹ nhìn lui luống ngậm ngùi.

Lửa cháy cả lòng ta lửa cháy
Một trời Gia Kiệm nhớ khôn nguôi
Muôn năm em hỡi trời Xuân Lộc
Giữ nửa hồn ta mãi với người.

Giữ nửa hồn ta trên chiếc võng
Dưới giàn thiên lý bóng trăng soi...
Đêm nay quân rút, sầu riêng rụng
Trong vườn em đó vỡ làm đôi.

Ta sợ một ngày mai bại trận
Để lại mình em giữa cõi đời
Nếu phải một ngày mai bại trận
Đêm nay sao ta lại bỏ người!

Em hỡi, dưới hầm em đang khóc
Thét gào pháo địch mãi không thôi!
Xuân Lộc trời ơi Xuân Lộc cháy
Nhà em bên kia núi Gia Rai.



Ruuten & Loening
Berlin 1964

BÙI NGỌC TUẤN

HỜI MƯA THÊM NHỚ

ngồi đây giữa gió mưa chiều
tường vắng trắng cũ còn treo
cuối đường
ngọt ngào thoảng phất vương hương
lời Em mộng biếc
miền trường họa chẳng

gió bay mưa thoảng thưa rằng
yêu Em từ buổi trắng vàng quán xưa

ân cần hỏi gió xin thưa
một lời trang trọng vẫn chờ thiết tha

thưa rằng gió nhạt mưa nhòa
yêu là thế nọ - nhớ là thế kia

thưa rằng trăng vẫn chưa về
biết làm chi để chờ che nỗi sầu

về với Leonard de Vinci, André Gide quay lại tìm Thê-sê và Promê-thê, Pierre Louys giả dạng là Sappho, và Jean-Paul Sartre cũng phải núp bóng Eschyl, ông tổ của bi kịch cổ hi để khơi lại cái bi hùng trong sự thất thủ Paris, kinh đô của văn minh nhân bản trước sự tấn công của man di tàn bạo.

Trong đời sống văn chương Việt Nam, tập Kiều chỉ là một trò chơi. Mỗi tập Kiều là một lần chớp, là một ngọn gió, một thoáng qua, một lóe lửa, hiện rồi lại tan, đến rồi mất. Nhưng với những người đang ở một lúc đặc biệt thì không biết cái gì sẽ xảy ra. Một luồng gió ở nơi đông không mong quạnh, có một khe nước nhỏ và một nắm đất bên đường thì có gì lạ mà Thúy Kiều lại thấy cái hồn của Đạm Tiên đã vừa lướt qua, và cái hồn ấy chưa thoát khỏi cõi trần, vì nó còn nặng, dấu giày của nó in rành rành từng bước trên rêu? Vì cô gái mười lăm tuổi, cái tuổi đa-cảm-đa-sầu ấy, không những là một tâm hồn rất dễ rung cảm; nàng còn bị ám ảnh bởi lời đoán bạc mệnh của "người tương sĩ" (một trong ba cái sức mạnh vô hình vô danh đã hiện ra trước để đẩy Kiều vào kiếp đoạn trường). Với Thúy Kiều trong cái tuổi ấy, ở cái lúc ấy, Đạm Tiên không phải là tên của một người không quen biết đã chết, một "người đời xưa" như Thúy Vân nói, mà là một cái gì thực hơn cái hồn người ta thường nghĩ là có thể có, một cái nửa vô-hình nửa hiện hữu. Đạm Tiên trở thành một hiển linh.

Với những người tin ở linh thiêng thì một hiển linh thực hơn cái thực mắt-thấy-tai-nghe-sờ-mó được. Người ta quì xuống rạp đầu lạy, miệng khấn, người run, chân tay lạnh toát, và rời khỏi chỗ ấy như người mất hướng. Một trận gió (có thực) làm rớt những lá cây cuối cùng của mùa đông (cũng có thực) làm Thúy Kiều thấy một sự hiển linh, nó sẽ định đoạt và dẫn dắt tất cả cuộc đời của nàng cho đến khi con người ấy của nàng tự vẫn trong những làn sóng cả của sông Tiền Đường.

Tập Kiều đôi khi cũng có tác dụng của một trận gió đổ lốc rung cây trong một tâm hồn non trẻ đang khắc khoải với những khó khăn thách thức của sự sống giữa một thời-thế-mập-mờ hoang-vu.

May mà trận gió tập Kiều đi qua trong đời tôi mà không để lại một chút hương-thừa-dưỡng-có-ra-vào-dầu-dây nào cả. Một phần nào tôi đã giải quyết được vấn đề Cũ-Mới trong tôi không lớn tiếng, không phát cỡ, không hát Marseillaise. Không chặt đầu ai hết, kẻ thù cũng như đồng chí. Giải quyết với một nụ cười. Hôm đó, tôi còn cười thầm một lúc rồi mới ngủ, một giấc ngủ ngon lành bên cạnh anh tôi. ■

(1) Tiếng Anh là *steed*. Thơ mới của Ta, của Tây và của Anh Mỹ bỏ hết rồi.

(2) Nhân vật Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa, đã thành thánh bên Tàu và bên Ta.

(3) Bệnh viện mang tên ông tổng thống E-Herriot, người đã xin được sự viện trợ lớn này. Tôi học giải phẫu tiểu nhi và giải phẫu chỉnh trực ở đây năm 1950-51 tại Pavillon T. Tên Rockefeller triệt tử ra có nghĩa là người đá hay người đổ đá.

(4) Paul Valéry, *Regards sur le monde actuel*, Nhìn vào thế giới ngày nay, 1931.

CÁI CHẾT CỦA MỘT CỰU THỦ TƯỚNG

NGUYỄN TÚ

Ký giả Nguyễn Tú, nguyên đặc phái viên chiến trường Nhật báo Chính Luận tại Việt Nam trước 1975, cũng như của nhiều báo ngoại quốc, đã bị giam hơn mười năm trong lao tù Cộng sản. Ông vượt biên tới Hong Kong năm 1990 và sau đó tới Hoa Kỳ. Hiện ông cư ngụ tại vùng Hoa Thịnh Đốn.

Bác sĩ Phan Huy Quát sinh năm 1908 tại Nghệ Tĩnh, tham chính nhiều lần, từng làm Tổng Trưởng Giáo Dục, Tổng Trưởng Quốc Phòng, Ngoại Giao, lần cuối cùng giữ chức vụ Thủ Tướng Việt Nam Cộng Hòa, vào năm 1965. Ông cũng là Chủ tịch Liên Minh Á Châu Chống Cộng, phân bộ Việt Nam, và là Chủ nhiệm tuần báo Diễn Đàn, Saigon, 1972. Do nội phản, ông bị Công an Cộng sản đón đường bắt trên đường vượt biên, ngày 16.8.1975. Trong thời gian bị cầm tù tại khám Chí Hoà, Bác sĩ Quát bị bệnh gan rất nặng song Việt Cộng không cho chữa chạy; thuốc men gia đình tiếp tế không được nhận. Người con trai út bị giam ở phòng bên, có thuốc cho bố, cũng không làm sao mang sang. Khi biết ông không thể nào qua khỏi, chúng mới đem ông lên bệnh xá. Ông chết ở đó vào ngày hôm sau, 27.4.1979.

Tang gia đã được phép để mang thi hài ra quán tại chùa Xá Lợi và phát tang ở đây vào ngày hôm sau, song phút chót, Hà Nội ra lệnh phải an táng ngay, vì ngày đó, 28.4.79, Tổng thư ký Liên Hiệp Quốc tới Sài Gòn; họ sợ dư luận quốc tế - nếu biết đến cái chết bị bỏ mặc của một cựu Thủ tướng Miền Nam - có thể ngó tới tình trạng giam cầm của hàng trăm ngàn người khác.

Cũng bởi thế, rất ít người nghe biết đến sự dày dụa tù nhân Phan Huy Quát cũng như cái chết trong tù của ông - bên cạnh những trường hợp tương tự của các trí thức văn nghệ sĩ khác - của nhà cầm quyền Hà Nội.

Nhân ngày giỗ thứ 20 của ông, Khởi Hành đăng tải bài viết quý giá này của ký giả Nguyễn Tú, người đã sống bên cạnh Bác sĩ Quát trong những ngày tháng và giờ phút cuối cùng, như một nền hương Chiêu Niệm Chung. (*)

Chí Hoà, Saigon.

Một ngày cuối tháng 4-1979

Hôm nay đến lượt bốn phòng 5-6-7-8-, gác 1, khu ED được đi tắm, giặt. Mọi người đều rộn rã, hối hả chuẩn bị, cười hô hô. Cứ ba ngày rưỡi mới được sôi nước trên thân thể hôi hám, ngứa ngáy và vò vùi quần áo đã tích trữ kha khá mồ hôi, đất ghét, thì trước cái hạnh phúc nhỏ nhoi chỉ được phép hưởng hai lần mỗi tuần, ai mà không "vui

về, hồ hởi, phấn khởi" dù, trên lý thuyết, thời gian tắm được quy định 30 phút cứ bị cán bộ ăn bớt, chỉ còn vồn vện 15 phút.

Cả bốn phòng đã lần lượt ra hành lang ngồi xồm sập hàng đợi cán bộ gác đến điểm số. Lần đó, viện cố bị cầm, tôi xin phép ở lại trong buồng. Tôi có mục đích riêng.

Kiểm tra xong số người ở lại mỗi buồng, cán bộ ra hiệu cho mọi người đứng dậy, tiến về phía cầu thang. Tiếng guốc, tiếng dép khua trên cầu thang, tiếng nói lao xao của đoàn người xa dần rồi lắng hẳn. Từ dưới sân đã bắt đầu vọng lên tiếng sôi nước ào ào, tiếng nói oang oang, tiếng cười khanh khách thỉnh thoảng xen tiếng chửi thề thân mật, tiếng sặc nước, tiếng rú khoái trá của các bạn tù được làn nước mát như nước lũ chảy dồn dập trên da. Hạnh phúc thật!

Buồng 5 chúng tôi ở đầu dãy, sát với đầu cầu thang, nơi đây đặt một cái bàn và một cái ghế cho cán bộ gác. Chỗ tôi nằm sát hàng song sắt. Tôi đứng dậy, nhìn về phía đầu cầu thang chỉ cách chừng ba thước rồi quay người, đảo mắt suốt dọc hành lang. Không có bóng cán bộ. Căn phòng với đi 58 người như rộng ra. Hơi nóng của 60 mạng tù tích tụ từ suốt mấy ngày và đêm trước tự giải phóng dần dần đem lại một cảm giác thoáng khí hơn.

Căn phòng chỉ còn lại hai người không đi tắm là tôi và một người nữa đang nằm ở hàng giữa, sát tường, trên diện tích vồn vện có 60 phần tấc 2/3 của một chiếc chiếu hẹp. Đó là khoảng không gian đã được chia rất đều cho 60 tù nhân mà Việt Cộng đã cải cho cái danh từ mỹ miều là "trại viên". Người đồng phòng này nằm, hai chân duỗi thẳng, hai cánh tay gập lại trên bụng, hai bàn chân chắp vào nhau, mắt nhắm, vẻ mặt bình thản. Ông bị bệnh đã hơn một tuần, không thuốc men. Nước da mặt đã chuyển sang màu tái tái càng nổi bật với màu trắng của chòm râu và mái tóc. Bệnh nhân nằm im, không cựa quậy, thân hình như đã quen đóng khung trong không gian 60 phần của chiếc chiếu. Ông là bác sĩ Phan Huy Quát đã từng là Tổng trưởng nhiều lần, chức vụ cuối cùng và cao nhất trong hoạt động chính quyền của ông là chức Thủ tướng Việt Nam Cộng Hòa vào mùa Xuân 1965. Năm 1979 ông đã trên 70 tuổi.

Tôi đảo mắt một lần nữa suốt dọc hành lang, đồng tai nghe ngóng. Vẫn không một bóng người, không một tiếng động khả nghi nào trên tầng gác vắng lặng. Tôi bước vội tới chiếu của bác sĩ Quát rồi ngồi sát bên. Bệnh nhân vẫn nằm im, mắt nhắm, không một phản ứng nào chứng tỏ ông cảm giác thấy có người bên cạnh. Hơi thở yếu. Bộ đồ ngủ cũ ông bận có cũ nhiều nhưng không bị xô lệch. Đôi ống quần được kéo thẳng tới cổ chân. Đôi tà áo được khép gọn, ôm kín thân trên. Cánh tay áo trùm tới tận cổ tay. Chẳng phải vì cuộc sống tạm bợ trong tù rất nhiều hạn chế khắc nghiệt cộng thêm lâm bệnh nặng đã hơn một tuần, - một trường hợp bất cứ ai cũng có thể buông thả, mặc cho thân phận nổi trôi và có thể kém đi nhiều, ít cảnh giác về cách phục sức và tư thế, - mà bác sĩ Quát thiếu chừng chặc. Và từ cái chừng chặc này như toát lên một cái gì có vẻ nghịch lý đến độ vừa đau đớn vừa dửng mẫn giữa thân phận con người và hoàn cảnh.

Tôi khẽ lên tiếng: "Anh Quát! Anh Quát!" Không một phản ứng của bệnh nhân. Tôi lắc nhẹ cánh tay bệnh nhân, hơi cao giọng: "Anh Quát! Anh Quát!" Vẫn không một phản ứng. Tôi đưa ngón tay trở qua mũi bệnh nhân. Hơi thở quá yếu.

Dưới sân, tiếng sôi nước bắt đầu thưa dần. Thời gian tắm giặt sắp hết. Tôi không muốn mục đích khai bệnh giả của tôi bị lộ là cố ý ở lại buồng để đích thân nói ít điều cho là cần thiết với bác sĩ Quát và cả với tôi nữa.

Buồng 5 chúng tôi vẫn được Việt Cộng coi là một buồng "phản động" nhất trong số bốn buồng của lầu 1, khu ED vì chứa một cựu Thủ tướng, 3 cựu Tổng trưởng, nhiều sĩ quan cấp tá, một số ít dân sự "đầu chai đá, khó cải tạo, phần tử rất xấu, mất dạy". Một buồng "nguy nặng" nên được Việt Cộng tận tình "chiếu cố" trong sinh hoạt hàng ngày. Ngoài ra, còn phải kể tới một vài tên "ăng ten" tức chỉ điểm được cài trong buồng. Tóm lại, chúng tôi đều bị theo dõi rất sát, rất chặt. Tôi phải làm gấp. Tôi lắc mạnh hơn cánh tay bệnh nhân, cao giọng thêm: "Anh Quát! Anh Quát!"

Bệnh nhân vẫn lặng im. Phải làm thật gấp. Tôi xoay nghiêng mình, tỳ tay xuống chiếu, ghé miệng sát tai bác sĩ Quát, cố nói thật rành rề: "Anh Quát! Anh Quát! Nhận ra tôi không?"



NG. THANH CHÂU

BÔNG QUỲNH MỘT ĐÊM TRĂNG

trắng bạc đầu đêm góa
thao thức uống trà suông
đợi bông quỳnh rực đỏ
xốn xang lòng như cuồng

TÂM SỰ VỚI MÙA XUÂN

muốn nói cùng mùa xuân
sao lòng chưa nể ấm
bởi nhớ quê bội phần
rót lừng tách trà đậm

Ở MỘT NƠI NÀO ĐÓ

ở đây sông chẳng có
phù sa đỏ lênh bênh
buổi chiều nào đứng ngó
hồn trôi xa sông Tiền

ở đây mưa cũng ít
cho nỗi nhớ đông đầy
từng ly bia sủi bọt
cạn tình sầu theo mây

ở đây ngày bấm thẻ
đêm liệm giấc quan hoài
tập tành tiếng nói lạ
đồng dao còn những ai

ở đây dành trộm sống
giữ làm sao nụ cười
xế đời trôi thoáng
rong rêu ký ức người...

ĐỂ NHỚ LÚC EM XA

để nhớ lúc em xa
đọc hết chồng thư cũ
màu xanh chôn quê nhà
có người sầu cô lữ

để nhớ lúc em xa
lang thang chiều mất ủa
gió se sắt rừng già
biết tìm đâu bếp lửa

để nhớ lúc em xa
viết đôi dòng lục bát
ngồi đêm đối nguyệt tà
tưởng đóa quỳnh hương ngát

để nhớ lúc em xa
dầm dẫm hoài vốc hạc
lòng ới thấu tình ta
đợi nhau dù tóc bạc...

Lần này đôi mi bệnh nhân hơi động dậy rồi dương lên, hé mở. Tôi thoáng thấy lòng trắng mắt vàng khè. Chẳng cần phải học ngành y mới biết bệnh gan của bác sĩ Quát coi mỗi nặng. Bệnh nhân vẫn tất thẩn thào: "Anh Tú!"

Tôi hơi yên tâm. Miệng lại sát tai bác sĩ Quát, tôi hỏi: "Anh mệt lắm phải không?". Đầu bệnh nhân hơi gật gật. Không hiểu lúc đó linh cảm nào xui khiến, tôi cố rút vào tai bác sĩ Quát, giọng hơi nghẹn: "Anh có nhắn gì về gia đình không?" Bệnh nhân cố gắng lắc đầu, mắt vẫn nhắm.

Dưới sân không còn tiếng sỏi nước nữa. Có tiếng các buồng trưởng giục anh em tập hợp để điểm số lại trước khi lên buồng. Chỉ còn độ hơn một phút. May lắm thì hai phút. Tôi dồn dập bên tai bác sĩ Quát: "Ai đặt bẫy, lừa bắt anh? Ai phản anh? Thành Liên phải không? Nói đi! Nói đi!" Đôi môi bệnh nhân như mấp máy.

Tôi vội nhồm lên, ghé sát tai tôi vào miệng bệnh nhân. Một hơi thở khô khè, theo sau là vài tiếng khô khốc, nặng nhọc như cố trút ra từ một chiếc bong bóng đã dẹp hơi đến chín phần mười: "Thôi! Anh Tú à". Tiếng guốc, dép, tiếng cười, nói ồn ào đã bắt đầu từ chân cầu thang. Tôi chưa chịu buông: "Nói đi! Anh Quát! Nói đi!". Một hơi thở một chút gấp hơn, như làn hơi hắt vội ra lần chót! "Thôi! Thôi! Bỏ đi!"

Tiếng guốc, dép, tiếng cười, nói ồn ào đã tới quá nửa cầu thang. Tôi vội nhồm dậy, bước nhanh về chiếu mình, nằm thẳng cẳng, vắt tay lên trán.

Ngoài hành lang, các bạn tù hồi hả, xôn xao phơi quần áo mới giặt. Vài tiếng kỳ kèo nhau về chỗ dây phơi. Rồi như một đội quân đã chọc được phòng tuyến địch, họ ồa vào phòng, đứng lố nhố nghệt lối đi quá nhỏ giữa ba hàng chiếu. Căn phòng như bị co hẹp lại. Tiếng cười đùa thưa dần khi tất cả đã về được chiếu mình. Khói thuốc lá bắt đầu tỏa. Dây đó tiếng rít của vài bình thuốc lều nổi lên sòng sọc. Bây giờ thì mọi người, sau trận tắm thỏa thuê, đã ngã lưng trên chiếu. Căn phòng lặng tiếng.

Tôi ngồi dậy, hồi vọng qua hàng chiếu giữa, phía sát tường: "Anh Châm! Anh coi lại xem anh Quát bệnh tình hôm nay ra sao?"

Bác sĩ Hồ Văn Châm, cựu Tổng trưởng Thông tin, Chiêu hồi và Cựu chiến sĩ, có phần chiếu liền bên bác sĩ Quát. Ông Châm quay về phía bác sĩ Quát, tư thế nằm vẫn y như trước. Cảnh lộn xộn, ồn ào, âm ỉ vừa qua của căn phòng không làm bác sĩ Quát động dậy chút nào. Cái gì đã như làm tê liệt bộ phận giây thần kinh khiến nguồn năng ý chí con người đến nỗi bác sĩ Quát không phản ứng gì, hay không còn muốn phản ứng gì, dù chỉ là một phác họa trước cảnh huống bên ngoài? Một hình ảnh buồn thảm lóe lên trong tưởng tượng; nếu không phải là mùa oi bức thì một tấm nền mỏng đắp lên người dong dỏng và gầy guộc của bác sĩ Quát thừa đủ để đóng vai trò một tấm khăn liệm.

Bác sĩ Châm hướng về phía tôi, lắc đầu. Tôi lên tiếng với buồng trưởng: "Anh Phương! Báo cáo cán bộ xin đưa bác sĩ Quát đi bệnh xá chứ!"

Phương là hạ sĩ quan binh chủng nhảy dù, tuổi khoảng 30. Tuy còn trẻ, tóc Phương đã trắng xóa, có lẽ vì "xấu máu". Anh em

bền dấn cho cái nhãn hiệu "Phương đầu bạc". Phương lặng thinh, coi bộ ngẩn ngại. Nói cho ngay suốt hơn một tuần lễ bác sĩ Quát lâm bệnh Phương đã mấy lần báo cáo xin đưa bác sĩ Quát đi bệnh xá, nhưng đều bị từ chối. Tôi quay về phía bác sĩ Châm: "Anh Châm! Nói cho Phương biết bệnh trạng của bác sĩ Quát đi!"

Ông Châm bèn bảo: "Anh Phương! Báo cáo cán bộ ngay đi!" Phương không đáp, lộ rõ vẻ ngẩn ngại. Trong phòng bỗng nhao nhao nhiều giọng thúc giục, gay gắt: "Báo cáo đi! Chờ gì nữa? Bệnh như vậy mà không đi báo cáo, còn chờ gì nữa? Chờ người ta chết à?" Căn phòng đang im ắng, bỗng động hẳn lên.

Nhiều bạn đang nằm, nhóm người nhìn về phía Phương. Đang cời trăn, Phương uể oải đứng dậy, bận áo, ra khỏi phòng, đi về phía đầu cầu thang. Một lát khá lâu, cán bộ gác tới, có Phương theo sau. Anh chàng cán bộ, mặt hơi khinh khỉnh, từ bên ngoài song sắt cọc lóc hỏi vọng: "Đâu?" Bác sĩ Châm nhích người qua một bên, chỉ vào bác sĩ Quát: "Đây, cán bộ!"

Nhìn một lát, cán bộ quay lưng, Phương lặng lẽ về chiếu mình. Những anh em khác lại đặt mình nằm. Căn phòng chìm trong im lặng hoàn toàn như thể hồi hộp chờ đợi một phán quyết sinh tử của trại.

Chỉ 20 hay 30 phút sau, có tiếng lao xao ở đầu cầu thang. Hai bạn tù được làm ở bệnh xá, đem một băng ca tới cùng với cán bộ gác và một cán bộ khác, chắc là ở bệnh xá. Căn phòng lại náo động. Mọi người đều ngồi dậy hoặc đứng lên phần chiếu của mình.

Phương "đầu bạc" dẫn hai anh mang băng ca đến chỗ bác sĩ Quát. Bệnh nhân như mê man, tự mình không ngồi dậy được. Bốn anh em khỏe mạnh trong phòng xúm nhau nâng bệnh nhân đặt trên băng ca. Trong lúc đó bác sĩ Châm vội nhét vào một túi nhỏ vài đồ cần thiết cho bác sĩ Quát: Kem và bàn chải đánh răng, vài đồ lót, thêm một bộ đồ ngủ, dưa, chuối, chén... Băng ca được khiêng đi. Bệnh nhân vẫn nằm, mắt nhắm, không một phản ứng. Dưới sân, một tiếng kêu lớn! "Lấy cơm!" Căn phòng trở lại cuộc sống đơn điệu hàng ngày của một trại tù. Lúc đó khoảng 10 giờ rưỡi.

Trưa hôm sau, khi lấy cơm trở về, anh em thì thầm rỉ tai nhau: "Bác sĩ Quát chết rồi!" Cả phòng nhao nhao: "Hồi nào? Hồi nào? Chết mau quá vậy?" Một anh đáp: "Nghe nói, hồi trưa hôm qua thì phải."

Chỉ một lát cáo phó miệng của các bạn tù đi lấy cơm đã lan truyền khắp khu ED. Bữa cơm trưa hôm đó ít ồn ào hơn thường lệ. Có ai trong phòng thốt một câu: "Bệnh như vậy, suốt hơn một tuần xin đi bệnh xá, không cho. Đợi gần chết mới cho thì còn gì!" Một điệu văn ngắn, gọn, hàm súc cho một bạn tù đã nằm xuống. Một lời ngắn, gọn, hàm súc lên án chế độ bất nhân, ác nghiệt của Cộng sản. Căn phòng gần như lặng đi.

Không bao lâu sau bữa cơm, cán bộ gác tới, bảo buồng trưởng thu dọn đồ của bác sĩ Quát. Trước khi quay lưng, hẳn còn nói với: "Nhớ làm bản kê khai, nghe không!" Đối với tù nhân, đó là lời công nhận chính thức cái chết của bất cứ "trại viên" nào. Lần này, là cái chết của một vị cựu thủ tướng.

Manh chiếu của bác sĩ Quát đã được gỡ đi theo giỏ đồ còn lại của ông xuống văn phòng khu. Chỗ nằm cũ của ông trở ra phần sân xi măng đã xỉn đen thời gian, mồ hôi, đau khổ và uất ức dồn nén của hàng hàng lớp lớp thế hệ tù chính trị mà ông đã là một trong biết bao người kế tiếp bất tận. Trí tưởng tượng của ta có mặc sức tung hoành sáng tác biết bao nhiêu chuyện về trại tù và thân phận tù nhân dưới chế độ cộng sản, thì mảnh không gian xi măng đen kìa thăm lặng mà hùng hồn nói lên còn hơn thế nữa.

Những ngày kế tiếp, cái chết tức tưởi mang nhiều vẻ không rõ ràng của bác sĩ Quát còn là đề tài bàn tán của nhiều người trong phòng được tóm gọn trong hai chữ "nghĩ vấn". Nhiều người cho rằng nếu được đi bệnh viện sớm hơn, hoặc nếu không, mà được phép biên thư về nhà để thân nhân kịp thời gửi thuốc thì có thể bác sĩ Quát đâu ra đến nông nỗi đó.

Năm 1979 vẫn còn nằm trong thời kỳ mà Việt cộng gọi là "rất căng". Cuộc cưỡng chiếm miền Nam Việt Nam, nếu xuôi xê về mặt quân sự, thì về mặt dân tình và chính trị lại chẳng xuôi xê chút nào. Nhiều nơi đã nổi lên những phong trào chống đối vũ trang làm cho Việt cộng vô cùng lo lắng trong việc ước lượng tầm cỡ của mỗi phong trào để liệu cơ đối phó. Ngay tại Saigon, năm 1976, vụ Vinh Sơn xảy ra chưa đầy một năm sau "đại thắng mùa Xuân" của Việt cộng đã làm chứng thất điên bát đảo và mặc dù những người chủ trương và lãnh đạo vụ Vinh Sơn cùng với một số chiến hữu đã bị Việt Cộng thẳng tay đàn áp và thanh toán, dư âm và ảnh hưởng của vụ ấy vẫn còn kéo dài mãi tới 1979 và sau nữa.

Lại thêm cuộc chiến với Trung cộng mùa xuân 1979 ở miền Bắc và cuộc chiến với Campuchia ở miền Nam khởi sự từ 1978. Do đó Việt cộng càng siết chặt kỷ luật đối với tù chính trị. Tuy không có bằng chứng rõ ràng, nhiều người trong phòng có cảm giác "ăng ten", tức chỉ điểm viên, đã được tăng cường.

Cuộc sống tiếp tục trong bầu không khí càng ngày càng ngột ngạt. Việt cộng "dư" lý lẽ để đối xử với tù nhân tàn nhẫn hơn, bất nhân hơn. Bác sĩ Quát đã lâm bệnh trong hoàn cảnh khắc nghiệt đó. Con trai út của ông là Phan Huy Anh bị bắt cùng với ông ngày 16-8-75 không được ở chung cùng buồng, mà bị giam ở buồng 6 sát bên. Hai cha con chỉ trông thấy nhau những lần đi tắm, tức hai lần một tuần. Khi tắm cũng không được liên hệ với nhau. Huy Anh dù có muốn giúp bố giặt quần áo hay một vài việc vặt vãnh cũng không bao giờ được phép. Còn nói chuyện với nhau thì tuyệt đối cấm. Nếu bị bắt quả tang hay có người tố cáo, hai cha con sẽ bị cúp viết thư về nhà với hậu quả kèm theo là bị cúp thăm nuôi. Ấy là chưa kể có thể bị kỷ luật đưa đi biệt giam. Việc thăm nuôi của gia đình cũng tách rời, riêng biệt: không bao giờ hai cha con được thăm nuôi, gặp gỡ thân nhân cùng một lúc, cùng một ngày. Hai cha con sống sát buồng nhau mà còn hơn hai kẻ lạ. Hai kẻ lạ còn có thể xin phép trao đổi với nhau chút quà, nói với nhau dăm ba câu. Bác sĩ Quát và Huy Anh luôn luôn bị từ chối và bị theo dõi kỹ.



MỘT HÌNH THỨC GIẾT NGƯỜI CÔNG KHAI CỦA CỘNG SẢN: ĐẤU TỔ

Tòa Án Nhân Dân, biểu ngữ trên cao, một hình thức gây lòng căm thù từ một đám đông bị kích động và bị đe dọa, đối với một lương dân mà Cộng Sản e ngại, thù ghét, muốn triệt hạ. Hình thức này, nôm na là đấu tố, (Đấu tố Địa chủ ở ngoài Bắc sau 1954 và Đánh Tư Sản Mại Bần ở trong Nam sau 1975) còn giúp cán bộ có nhà ở, tiền bạc tiêu dùng, tịch thu từ tài sản của nạn nhân. Hình trên: Một cảnh đấu tố ở Miền Bắc, khoảng một triệu người bị giết.

Khi được tin bố lâm bệnh, Huy Anh nhiều lần xin phép qua thăm và đem thuốc cũng không được. Chỉ tới phiên đi lãnh cơm, Huy Anh mới được bước ra khỏi buồng. Những lúc đó tôi thoáng bắt gặp ánh mắt buồn bã của Huy Anh kín đáo nhìn qua song sắt tới chỗ bố đang nằm lịm. Tôi còn nhớ hai ngày trước khi bác sĩ Quát được đưa đi bệnh xá, cán bộ gác mới cho phép Huy Anh đem thuốc cho bố, sau không biết bao nhiêu lần năn nỉ. Huy Anh chỉ được phép đứng ngoài cửa nhìn vọng vào. Thuốc thì do buồng trưởng nhận đưa cho bác sĩ Quát. Thuốc đến quá muộn, dù chỉ là thứ thuốc thông thường trị bệnh gan. Lần "nhìn thăm" thăm lặng được phép công khai đó dài không quá hai phút. Và đó cũng là lần chót Huy Anh được chính thức nhìn bố qua chiếu dài gần 8 thước của căn buồng dưới đôi mắt cú vọ của cán bộ gác ngồi phía đầu cầu thang giám sát.

Hôm bác sĩ Quát được khênh đi bệnh xá, Huy Anh cũng không được phép ra khỏi buồng dù chỉ để nói ít câu thăm hỏi và nhìn bố nằm thoi thóp trên chiếc băng ca. Một ngày sau khi bác sĩ Quát chết, Huy Anh được trại cho phép về thọ tang bố. Nhiều người trong chúng tôi hi vọng sẽ có tin thêm về tang lễ và nhất là về cái chết quá đột ngột của bác sĩ Quát khi Huy Anh trở lại trại.

Thời quen giấu diếm, bùng bít đã trở thành một thứ siêu vi trùng trong máu của Việt cộng, thế nên khi Huy Anh trở về, chúng tôi chẳng biết tin gì thêm ngoài việc tang lễ đã xong xuôi. Sau này có tin là Huy Anh sẽ được thả nếu "thật tâm cải tạo tốt".

Có nghĩa là không được tiết lộ bất cứ điều gì liên quan đến cái chết, đến tang lễ của bố, đến bất cứ những gì Huy Anh đã nhìn được, nghe được ở xã hội Saigon bên ngoài trong thời gian được về nhà. Phải thừa nhận Việt cộng rất "siêu" về thủ đoạn dọa nạt, nhất là đối với những ai đang bị gọng kìm của chúng siết chặt. Dù bác sĩ Quát đã chết,

không còn là một mối lo chính trị đối với Việt cộng, do vậy không còn cần thiết giữ Huy Anh làm con tin để đe dọa, dọa dẫm tinh thần ông bố nữa, cũng phải đợi đến cuối năm 1979, Huy Anh mới được thả.

Trong thập niên 1940, bác sĩ Phan Huy Quát đã được nhiều người ở Hà Nội biết tiếng là một lương y. Bệnh nhân của ông, cả Việt lẫn Pháp, rất tín nhiệm ông vì tư cách đứng đắn và lương tâm nghề nghiệp rất cao của ông. Ngay cả một số người Pháp đã chọn ông làm bác sĩ gia đình của họ, một trường hợp rất hiếm trong y giới người Việt thời ấy. Một đề tài nghiên cứu y học của ông có liên quan đến bệnh đau mắt của Hoàng đế Bảo Đại thời đó đã được tặng giải thưởng đặc biệt của Hoàng Đế. Cuộc đời chính trị của ông chỉ thực sự bắt đầu sau khi Cựu Hoàng Bảo Đại đã ký hiệp ước Vịnh Hạ Long với Cố-ủy Bollaert của Pháp ngày 8-3-1949. Trong chính phủ đầu tiên của quốc gia Việt Nam do Cựu Hoàng Bảo Đại lãnh đạo, bác sĩ Quát tham chính với tư cách Tổng trưởng Bộ Quốc Gia Giáo Dục. Sau đó ông được bổ nhiệm vào chức vụ Tổng trưởng Quốc Phòng.

Từ giữa năm 1953 trở đi, tình hình cuộc chiến với Việt Minh ở miền Bắc Việt Nam ngày càng tối tệ. Thất trận của Pháp ngày 07-5-1954 ở Điện Biên Phủ mở màn cho Hội nghị Genève về Đông Dương với hậu quả là Việt Nam bị chia đôi ở vĩ tuyến 17 do Hiệp định Genève được ký kết giữa Pháp và Việt Minh ngày 20-7-54.

Ở Pháp, Quốc trưởng Bảo Đại phong ông Ngô Đình Diệm làm Thủ tướng. Ngày 7-7-54, ông Diệm về nước. Được ủy toàn quyền lãnh đạo Việt Nam, ông Diệm thành lập nội các mới và kiêm nhiệm luôn Bộ Quốc Phòng.

Bác sĩ Quát trở lại nghề cũ, mở một phòng mạch ở Dakao gần đầu cầu Phan Thanh Giản. Suốt chín năm ông Diệm cầm

CAO TIÊU

CHÍNH KHÍ

Ban nhắc ta một thời oanh liệt
Mà khi không đột ngột tan hàng
Ôi mất nước Thơ quên sao được
Giọng Đỗ Quyên buồn lại thở than.

Ta đã hết lòng ta ngày trước
Súng cùng Thơ dốc tận cuộc chơi
Hồi đồng ngũ vai chen chân bước
Cùng dân thân đập Đất đội Trời.

Này nước mất nhỏ người còn ở
Này nụ cười thương kẻ ra đi
Cũng héo hắt như tình cách trở
Nỗi đau thương, ôi biết nói gì.

Những uất hận hỗn oanh ngục đỏ
Những xót xa thân khuất lưu vong
Máu tim bỏng hờn căm sôi lửa
Mảnh thuyền đắm, sóng giập mệnh mông.

Bỏ địa ngục sau lưng thẳng thốt
Núi thiên đường trước mặt bấp bênh
Buông tay súng một ngày hận nuốt
Sài gòn ơi, mưa máu gió tanh.

Thơ đã từng khích quân xông trận
Đuổi giặc thù mặt vỡ, hồn kinh
Nổi sấm chớp xua yên kinh ngạc
Giữa điệu tân tở nụ cười xinh.

Mơ ước cũ cùng nhau tiếp nối
Đá nghìn non hy vọng cao mây
Lời chính khí hát rền sông núi
Soi đêm đen bằng đuốc muôn tay.

Thơ lại chép trang hùng sử Việt
Bóng cờ lên vẫy gió vui bay
Lòng hứa quốc rạng ngời nhật nguyệt
Ta cùng nhau ca khúc xuân này.

người hà nội

LÊ ĐỨC VI

LADY LIBERTY

Tôi đã vượt đại dương
tôi đã bay vạn dặm
đã đợi hai mươi năm
để về đây... chiêm ngưỡng Nàng
Li-ber-ty, thần Tự Do sừng sững, hiên ngang
Là Nàng Tiên của Nhân Loại Lắm Than
Tôi mơ Nàng như mơ đám mây trôi
tôi dậy sớm chờ Bình Minh tỏa sáng
trên tay Nàng, trên vương miện cao sang
Sáng nay chìm trong sóng biển yêu thương
tôi đã cùng ngư ông thả câu chờ đợi

Để đón Bình Minh,
tôi tới đây sớm hơn chim biển
Công viên Battery
Là người vào sớm nhất
Ước nhìn người rực chói hào quang
Gió thu về lành lạnh



từng cơn từng cơn vuốt mặt tôi
Thần gió như cùng tôi chia sẻ
cái từng bừng thắm lặng của bình minh
Tôi đang say khi dòng thơ nghiêng ngã
như chiếc thuyền nhẹ lướt dưới chân người

Hãy về đây
Những tâm hồn phiêu bạt
Những kiếp sống long đong
Những bước chân chại cứng
Những ai chưa tìm ra lẽ sống...

Thần Nữ Tự Do
Tôi đang tựa dưới chân người
giơ tay lên cùng ngọn lửa thần vô địch

Hãy đồng ca cho lớn
vì tự do
vì hòa bình
hãy đập tan xích xiềng nô lệ
hãy thẳng tay trừng trị bọn bất nhân
Đưa nhân loại lên thiên đường hạ giới

Các bạn khắp năm châu
cùng chúng tôi
chung sức chung vai...
Nhất định chúng ta
sẽ thành người!

Trần Trọng Mối Đọc
Và Tham Dự Thực Hiện
Chủ Đề Các Số Tới
Của Khởi Hành::

Cuộc Đời, Văn Nghiệp

- TUỆ SỸ
- NGUYỄN ĐỨC SƠN
- VŨ KHẮC KHOAN
- VŨ HOÀNG CHƯƠNG

quyền, bác sĩ Quát không tham chính: ông khó có thể thuận với Tổng thống Diệm về lẽ lối làm việc quá quan liêu, hống hách và độc đoán của gia đình họ Ngô. Thêm nữa ông là một thành viên trong nhóm Caravelle đã công khai đưa ra bản tuyên bố chỉ trích chế độ và đòi chính quyền Diệm thực hiện tự do, dân chủ.

Cuộc đảo chính ngày 01-11-63 do một số tướng lãnh Việt Nam Cộng Hòa lãnh đạo chấm dứt chế độ Ngô Đình Diệm theo liên cái chết bi thảm của vị Tổng thống và hai em ông là Ngô Đình Nhu và Ngô Đình Cẩn. Đại tướng Dương Văn Minh và Thủ tướng Nguyễn Ngọc Thơ cầm quyền mới được ba tháng thì bị tướng Nguyễn Khánh, tư lệnh vùng II chiến thuật, chính lý ngày 30-1-64. Bác sĩ Quát được mời làm Tổng trưởng Ngoại Giao. Ông ở chức vụ này tới khoảng tháng Chín, 1964 rồi lại trở về phòng mạch.

Cuộc đời chính trị của ông đạt tuyệt đỉnh danh vọng khi, vào giữa tháng Hai năm 1965, ông được tướng Nguyễn Khánh triệu mời thành lập nội các mới. Giữ chức Thủ tướng được khoảng ba tháng thì ông trao quyền lại cho Hội Đồng Quân Lực vì những mâu thuẫn khó bề giải quyết giữa ông và Quốc Trưởng Phan Khắc Sửu. Ông lui về, trực tiếp điều khiển phòng thí nghiệm y khoa của ông ở đường Hai Bà Trưng. Hoạt động chính trị của ông thu hẹp lại trong khuôn khổ của Liên Minh Á Châu Chống Cộng mà ông là chủ tịch phân hội Việt Nam cho tới ngày Saigon thất thủ 30 tháng Tư 1975.

Nhưng ngày kết liễu nền Đệ Nhị Cộng Hòa chưa phải là ngày chấm dứt hoạt động của bác sĩ Phan Huy Quát. Nó đưa hoạt động ấy sang một hướng khác, hoàn toàn xa lạ với con người vốn dĩ trong bao năm đã quen và chỉ quen hoạt động chính trị theo lối "chính quy", trong "đường lối chính quy". Và con người thận trọng trong ông đã lao vào một trận địa mà trước kia ông chưa từng một lần lưu tâm và nghiên cứu địa hình phức tạp, hết sức bất thường do vậy cũng hết sức bất ngờ: địa hình của trận địa hoạt động bí mật, mà vì tính chất của riêng nó, đòi hỏi một cách suy nghĩ khác, một thứ thông minh khác, một loại bén nhạy khác, thậm chí đến cái can đảm trong hoạt động bí mật cũng phải là cái can đảm khác.

Vị cựu thủ thủ tướng, tự thân, chưa được chuẩn bị kỹ càng cho hình thái hoạt động bí mật nó có những điều luật, những nguyên tắc đặc thù của riêng nó. Điều này cũng dễ hiểu: ông chưa từng thấy có nhu cầu đó. Hoạt động chính trị của ông từ trước không cần đòi hỏi ông có những nhu cầu đó. Vậy mà trước hoàn cảnh đất nước rối bời đang diễn tiến trước mắt, ông đã chọn dần thân vào con đường mới mẻ này. Một quyết định đứng cam của một con người ngày ấy đã gần 70 tuổi, và chắc chắn không phải là một quyết định dễ dàng.

Sau ngày Saigon thất thủ 30-4-75, bác sĩ Phan Huy Quát không đáp "lời mời" ra trình diện của Việt cộng được phổ biến trên đài phát thanh, truyền hình và báo chí của chúng cho tất cả "ngụy quân, ngụy quyền". Liền sau khi cộng quân ào ạt tuồn vào Saigon từ hai hướng Bắc và Nam ngày 30-4-75, bác sĩ Quát đã dời tư thất ở đường Hiền Vương và bắt đầu cuộc đời "du mục"

trong Saigon, quyết không để cho Việt cộng bắt. Cứ đôi ba ngày các con ông thay phiên nhau dẫn ông đi thay đổi chỗ trú ngụ.

Sau gần ba tháng trốn tránh như thế, ông có dấu hiệu mệt mỏi. Các con ông khuyên ông trốn "trụ" hẳn một nơi. Ông nhượng bộ, về nhà trường nữ trong một hẻm khuất ở quận Phú Nhuận.

Những ai đã sống ở Saigon sau ngày 30-4-75 chắc khó quên cái không khí ồn ào, nhộn nhạo, hỗn tạp bao trùm khắp nơi, khắp chốn của cái thành phố hơn ba triệu người này hầu như ngày nào cũng hối hả tuôn ra đầy nghẹt đường phố. Về mừng rỡ bề ngoài vì chiến tranh đã chấm dứt không che giấu nổi nỗi lo âu âm ỉ bên trong: Kẻ chiến thắng sẽ định đoạt số phận của Saigon như thế nào? Thái độ nào tốt nhất để đối phó với kẻ chiến thắng đang huênh hoang, ngạo mạn? Tuỳ hoàn cảnh và cương vị riêng của mỗi cá nhân, người thì chọn lối âm thầm sống ẩn, người thì mặc, muốn ra sao thì ra, cứ sống "tự nhiên" cái đã. Nhưng đại đa số thì tính chuyện trốn khỏi Việt Nam bằng đường biển sau khi Mỹ đã vĩnh viễn phải tay. Một số khác thì tính chuyện tiếp tục tranh đấu chống Cộng. Đã mạnh mẽ những sự thăm dò, móc nối nhau, tìm ngõ ngách trong hai lãnh vực chính yếu: thứ nhất vượt biên, thứ nhì chống Cộng.

Hai lãnh vực này tưởng là hoàn toàn riêng biệt, trái lại, thường xoắn vào nhau khá chặt, bởi lẽ nhiều khi tìm đường vượt biển lại dẫn đến mối chống Cộng, tìm đường chống Cộng lại dẫn tới mối vượt biên. Bất cứ ai chọn dẫn thân vào một trong hai lãnh vực này đều bị lôi cuốn vào cái vòng luẩn quẩn lưỡng nguyên bị hài kịch đó. Bác sĩ Quát không ngờ sẽ rơi vào chính cảnh huống ấy.

Trong thâm tâm, ông không muốn bỏ chạy: ông vốn nặng tình quê hương. Nhưng gia đình ông 14 người, mặc nhiên là một áp lực tinh thần, thăm lặng đầy, nhưng đáng kể, buộc ông không thể không nghĩ đến sự an toàn cho vợ, con, dâu, rể và các cháu nội ngoại, nghĩa là phải nghĩ đến chuyện vượt biên. Ngoài tình quê hương ông cũng nặng tình gia đình không kém.

Thực ra, khoảng một tuần trước ngày 30-4-75 lịch sử, chính phủ Trung Hoa Dân Quốc đã ra lệnh cho ông Đại sứ của mình ở Saigon nhân danh chính phủ mời bác sĩ Quát qua Đài Bắc trú ngụ nếu như phía Mỹ chưa lo liệu cho bác sĩ. Lúc đó bác sĩ Quát chưa quyết tâm ra đi nên chỉ cảm ơn và nói sẽ liên lạc sau. Về phía Mỹ, khi hay tin bác sĩ Quát còn ở Saigon, ngày 28-4-75 đã liên lạc với ông, hứa đưa hai ông bà qua Mỹ. Bác sĩ Quát trả lời không thể nhận sự giúp đỡ quý hóa ấy nếu tất cả gia đình ông gồm 14 người không được cùng đi. Phía Mỹ ngần ngại, nhưng rồi cũng thuận ý muốn của bác sĩ Quát và cho ông một điểm hẹn.

Điểm hẹn này sau bị lộ. Thêm nữa ngày 29-4-75, tình hình căng thẳng tới độ, chính phủ Dương Văn Minh ra tối hậu thư buộc Mỹ phải triệt thoái toàn bộ nhân viên D.A.O. tức bộ phận tùy viên Quốc Phòng của Mỹ trong thời hạn 24 tiếng đồng hồ. Liên lạc giữa phía Mỹ và bác sĩ Quát bị tắc nghẽn. Chuyển trục thẳng cuối cùng chờ người Việt tị nạn không có bác sĩ Quát và gia đình.

Như đã nói, ông nặng tình gia đình, không muốn gia đình bị khổ trong vòng kìm kẹp của cộng sản và muốn gia đình sống một nơi an toàn. Đồng thời ông cũng không muốn làm "kẻ bỏ chạy" vì ông cũng rất nặng tình quê hương, đất nước. Ông muốn,

nếu đi thì cả nhà cùng đi. Nếu ở lại thì cả nhà cùng ở lại. Nhưng sau hai lần lỡ dịp đi tản gia đình, bác sĩ Quát ý thức rất rõ hai mối tình song hành kia, tình gia đình và tình quê hương, đất nước, khó mà dung được với nhau và chỉ có thể chọn một.

Và ông đã chọn.

Ông bằng lòng cho con trai út Phan Huy Anh đi thăm dò đường lối. Do một người bạn của Huy Anh giới thiệu, bác sĩ Quát thuận gặp một người tên Nguyễn Ngọc Liên. Liên tự xưng là một thành viên quan trọng của một tổ chức chống Cộng nhận nhiệm vụ bắt liên lạc với bác sĩ Quát, mời ông gia nhập tổ chức và nơi tổ chức có thể giúp gia đình ông vượt biên. Bác sĩ Quát đồng ý về đề nghị thứ hai của Liên. Còn về đề nghị gia nhập tổ chức, ông nói sẽ có quyết định sau khi gặp người đại diện có thẩm quyền của tổ chức. Đôi bên đồng thuận. Gia đình bác sĩ Quát gồm bà Quát, các con, cháu hơn mười người được dẫn đi trước xuống Cần Thơ, ở lại đó hai ngày.

Hôm sau lên xe đi tiếp, dọc đường bị chặn lại, đưa về khám Cần Thơ. Cả nhà biết là đã bị mắc lừa. Một tuần sau bị giải về trại giam Chí Hòa, Saigon. Bà Quát, tuy tuổi đã cao và mắc bệnh đau tim, vẫn bị biệt giam, điều kiện sinh hoạt rất khắc nghiệt. Do con, cháu bà năn nỉ mãi, Việt cộng cho phép một cháu ngoại gái của bà mới 12 tuổi qua ở biệt giam để chăm sóc bà. Được mấy tháng, vì tình trạng sức khỏe ngày càng xấu đi, bà Quát được đưa ra ở phòng tập thể với các con cháu. Được hơn một năm, có lẽ vì xét thấy gia đình bà Quát đại đa số là giới nữ và khai thác cũng không thêm được gì, Việt cộng bèn thả hết. Riêng người con rể còn bị giữ lại, đưa đi

Dựa trên chìa khoá chân truyền của một danh nho,
Sau 30 năm (1968) khai mở quốc bảo Việt

VIỆT SỬ SIÊU LINH

biên khảo của
hạ long LƯU VĂN VINH

Khởi Hành **tổng phát hành**

Những tài liệu chưa từng tiết lộ về Sấm Trạng Trình:

Nhân thập, Bạch sử, Phá điển

Sấm Văn Hanh và Cơ Bút Liễu Hanh đã nói gì?

Thiên phái Mật Tông ảnh hưởng thế nào trên

Sấm ký Tiên tri Phong thủy Tử Vi Việt Nam?

Nostradamus, Cayce, Malachy, Fatima, Dixon

Maya đoán gì về Đại Biến 1999-2000?

chi phiếu \$12 mỹ kim để Khởi Hành và gửi về

Khởi Hành: P.O. Box 670, Midway City, CA. 92655



200 trang
giá
\$ 9.75

+ \$ 2.25

bưu phí

gửi tới

nhà bạn

trại cải tạo Hàm Tân, gần mười năm sau mới được thả.

Về phần bác sĩ Quát và con trai út của ông là Huy Anh thì được tên Liên đưa đi tạm trú tại một căn nhà kín đáo ở Chợ Lớn. Hai ngày sau, theo kế hoạch, tên Liên đưa bác sĩ Quát và Huy Anh ra khỏi Saigon. Khi xe ô-tô tới một điểm hẹn vắng vẻ thuộc tỉnh Biên Hòa thì đã có một xe ô-tô khác đậu bên đường, nắp ca pô mở sẵn theo mật hiệu đã quy định. Xe chở bác sĩ Quát và Huy Anh dừng lại.

Một toán người đi tới, vây quanh xe, rút súng hăm dọa. Bác sĩ Quát biết mình bị lừa. Ông và Huy Anh được giải về Bộ Tư lệnh Cảnh sát, đường Võ Tánh, Saigon. Hôm đó là ngày 16-8-75, khởi đầu cuộc thử thách chót trong đời vị cựu Thủ tướng. Một cuộc thử thách không giống bất cứ một thử thách nào ông đã đương đầu trước kia. Một cuộc thử thách mà chủ đích của Việt cộng nhằm hạ nhục con người chỉ chấm dứt sau khi vị cựu Thủ tướng đã vận tất cả năng lượng vật chất và tinh thần ném hết vào cuộc đấu tranh cuối cùng của ông, lần này mới thực là mặt đối mặt với quân thù với không biết bao nhiêu căng thẳng, gay go về nhiều mặt. Cuộc đấu tranh riêng lẻ mà ông chưa từng có một ý niệm và không bao giờ ngờ có ngày phải tiến hành trong đơn độc, đã kết thúc vào trưa ngày 27-4-79, đúng ba hôm trước ngày Kỷ niệm Saigon thất thủ.

Cựu Thủ tướng Phan Huy Quát đã vĩnh viễn nằm xuống sau ba năm, tám tháng đấu tranh không nhượng bộ trong gọng kìm Việt Cộng.

Ngày 30 Tết, năm Mậu Ngọ
(Dương lịch: 1978)

Gần một tháng trước Tết Mậu Ngọ tôi bị chuyển về phòng 1, gác 1, khu BC. Ba phòng 2, 3, 4 bỏ trống. Chỉ riêng phòng 1 có "khách hàng". Bác sĩ Quát và tôi gặp lại nhau ở đó.

Trong mấy ngày Tết, kỷ luật nổi lỏng, mọi người được đi lại thăm bạn bè ở các phòng khác, gác khác trong cùng một khu. Bác sĩ Quát và tôi không ra khỏi gác 1. Chúng tôi thường đi bộ dọc hành lang trống

vắng vẻ, bác sĩ Quát bắt nhịp đi theo tiếng chống nạng của tôi lúc đó chân bị tê liệt. Mấy ngày Tết quả là một dịp hiếm có để có thể nói với nhau nhiều chuyện, khỏi sợ bị để ý hay soi mói quá đáng. "Àng ten" cũng phải ăn Tết chứ!

Bác sĩ Quát đã tóm lược cho tôi nghe cuộc "phiêu lưu" của ông và gia đình. Tôi có hỏi ông về thời gian ông bị giữ tại Bộ Tư lệnh Cảnh sát, đường Võ Tánh.

Ông kể:

"Chúng bắt tôi viết bản tự khai tất cả những gì tôi đã làm khi tôi giữ chức Thủ tướng. Bản viết của tôi không dài quá một trang. Tôi viết vắn tắt là trong thời gian tôi ở cương vị Thủ tướng, tôi lãnh đạo việc nước, tôi chỉ đạo cuộc chiến chống Cộng. Tất cả mọi cấp, từ cấp thấp nhất, đến cao nhất gần gũi với Thủ tướng ở mọi ngành quân, dân, chính đều làm việc theo chỉ thị và mệnh lệnh của tôi. Một mình tôi trách nhiệm."

"Chúng không bằng lòng, bắt tôi viết lại. Tôi viết y như trước. Cù cưa như vậy đến hơn một tháng, gần hai tháng. Chúng bèn chuyển sang thăm vấn. Hỏi câu nào tôi trả lời vắn tắt: Tôi trách nhiệm. Chúng đủ trò áp lực như anh biết đấy. Sau đó, để bớt căng thẳng, tôi nhận viết. Và lại, thủ thực lúc đó nhịp tim đập của tôi loạn xạ đã nhiều ngày, và tôi không có thuốc trợ tim. Tôi cảm thấy chóng mặt."

"Tôi cứ từ từ từ viết được hơn 70 trang, trong đó tôi nêu một số nhận định về thời cuộc, đưa ra một số đề nghị kiến thiết quốc gia. Trên trang nhất, tôi để tên người nhận văn bản của tôi là Nguyễn Hữu Thọ, Chủ tịch Mặt trận Giải phóng Miền Nam. Chúng bắt tôi xóa, chỉ được viết là bản tự khai. Tôi không chịu. Sau cùng chúng cũng nhận tập viết của tôi."

Tôi hỏi bác sĩ Quát: "Anh có tin là chúng chuyển tập viết của anh tới Nguyễn Hữu Thọ không?"

"Tôi ngờ lắm. Ông đáp. Nhưng không sao. Tôi mượn cơ để tên Nguyễn Hữu Thọ để ngấm bảo chúng rằng tôi không biết tới Hà Nội trong khi tất cả chúng ta đều rõ là Nguyễn Hữu Thọ và Mặt trận Giải phóng Miền Nam chỉ là công cụ của Hà Nội và Hà

Nội thừa biết điều đó hơn ai hết."

Tôi bật cười, bác sĩ Quát cũng cười theo. Chúng tôi hiểu nhau.

Trong buồng có một vài bạn tù đứng đần, chúng tôi có thể nói chuyện thẳng thắn, cởi mở, không nghi ngại. Tôi nhớ một lần, vẫn trong dịp Tết Mậu Ngọ, chúng tôi năm người đứng nói chuyện gẫu ở một góc hành lang, câu chuyện loanh quanh thế nào mà dẫn đến việc một bạn tù hỏi bác sĩ Quát về một vài cộng sự viên thân cận nhất của ông mà ông thật tâm tác thành cho:

"Có thật hay không, tiếng đồn có người đá ngấm anh khi có dấu hiệu anh trên đà xuống dốc?"

Bác sĩ Quát mỉm cười, trả lời, giọng bình thản:

"Tôi đã có nhiều dịp gần cụ Trần Trọng Kim khi sinh thời cụ. Tôi nhớ mãi một lời cụ dạy: sống ở đời phải cho nó chứng. Tôi thường kể lại cho các con, cháu trong nhà nghe lời của cụ Trần, kẻ uổng."

Câu nói của bác sĩ Quát không trả lời thẳng vào câu hỏi của anh bạn. Nhưng có vẻ như mấy bạn biết thưởng thức câu trả lời đó vì họ cười ha hả.

Sau Tết, chúng tôi bị chuyển sang phòng 5, gác 1, khu ED. Được vài hôm, phòng nhận thêm một tù nhân từ biệt giam qua. Người này, khi nhìn thấy bác sĩ Quát thì tỏ vẻ lúng túng, ngượng ngập. Có chi lạ đâu? Hẳn là Nguyễn Ngọc Liên, người mời chào bác sĩ Quát vào khu để rồi rơi vào bẫy sập ở Biên Hòa. Trong phòng ngoài bác sĩ Quát và tôi, không một ai khác biết mối liên hệ giữa bác sĩ Quát và hắn.

Bác sĩ Quát cư xử rất tự nhiên, không tỏ vẻ gì khó chịu bức tức, nóng nảy. Riêng tôi cũng không để lộ cho tên Liên rõ là tôi biết chuyện của hắn. Cuộc sống ở Chí Hòa đơn điệu, buồn tẻ, ngột ngạt.

Ngày này sang ngày khác, mỗi người như chết đi trên 2/3 mạnh mẽ của mình. Không bao giờ tôi nghe thấy bác sĩ Quát thốt lên dù chỉ nửa lời than van về số phận của mình hay của gia đình về sự mất mát

PHIẾU ĐẶT MUA DÀI HẠN tạp chí **Khởi Hành**

(để được tặng một cuốn sách trị giá tới 12 mk, vui lòng đặt mua tối thiểu 2 năm)

Tôi tên: Điện thoại: (.....)

Địa chỉ:

Tôi muốn (mua) / (gia hạn) **MỘT** năm 12 số, từ số đến số
hoặc **HAI** năm 24 số, từ số đến số

Kèm theo đây là ngân phiếu \$ 24.00 mỹ kim cho một năm
hay \$ 45.00 mỹ kim cho hai năm.

.....ngày.....tháng.....năm 99

Ký tên.....

Ngoài Hoa Kỳ thêm \$2.00 MK một số cho cước phí bưu điện. (Gia Nã Đại thêm \$1.00 mỹ kim cho một số). Giá dài hạn chỉ áp dụng cho bạn đọc mua từ **MỘT** năm trở lên. Mua một số hay vài ba số tính theo giá ngoài bla, cộng thêm bưu phí. (Bưu phí Hoa Kỳ, Gia Nã Đại: 1 MK; Âu châu: 2 MK). ■ Bưu phí cao hơn trước vì Khởi Hành đã tăng thêm 8 trang so với lúc đầu. Còn báo vẫn giữ giá cũ.)

■ Phiếu mua báo và ngân phiếu để tên Khởi Hành và gửi về:
Khởi Hành P.O. BOX 670, MIDWAY CITY, CA. 92655



KHÚC LAN
MAKEUP ARTIST

NHẬN TRANG ĐIỂM
CÓ DẤU NGƯỜI MẪU, DA TIẾT

Tel. 714-373-4107 / 925-4679
Pager: 825-4370

CẦN CÓ CĂN BẢN TIẾNG ANH TIÊU CHUẨN

TĂNG LƯƠNG TIẾN CHỨC THÊM NHIỀU KHÁCH HÀNG

TRAU GIỎI NHANH NHẤT BẰNG PHƯƠNG PHÁP
MODERN ENGLISH

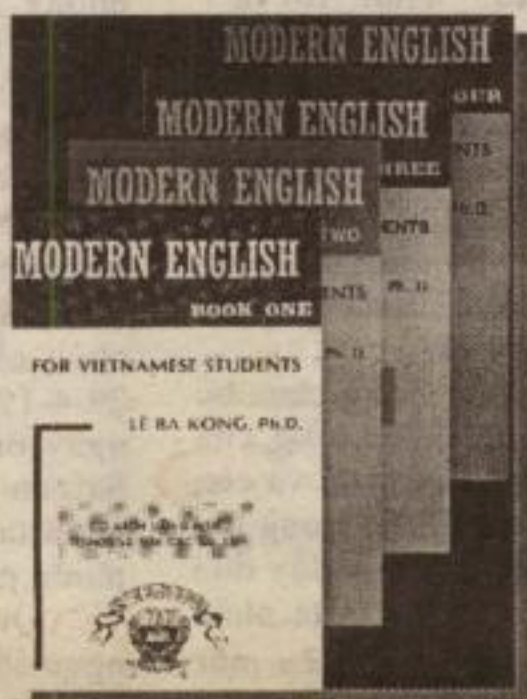
Bộ sách **Modern English** sẽ giúp quý vị có một căn bản vững chắc về phát âm (*pronunciation and word drills*), ngữ vựng và thành ngữ (*vocabulary and idioms*), văn phạm và cú pháp (*grammar and syntax*) và rất nhiều điểm thiết yếu mà chỉ có cố giáo sư **Lê Bá Kông** với 40 năm kinh nghiệm trong việc dạy Anh văn cho người Việt mới hiểu tường tận các khía cạnh tỉ mỉ và cần thiết.

THÍCH HỢP NHẤT CHO NGƯỜI VIỆT

Những phương pháp thính thị (*audio-visual*), tranh ảnh (*flash cards*), video, ... chỉ loanh quanh vài trăm ngữ vựng với một số rất hạn chế về cách đặt câu. Như thế chỉ có thể dậm chân tại chỗ với trình độ tiếng Anh sơ đẳng (*elementary English*). Học Anh văn để mỗi ngày tiến bộ lên trình độ cao hơn để đọc, nói và viết ngôn ngữ này chuẩn xác, chứ không phải nói liến thoắng, nhưng sai bét, là mãn nguyện. Quý vị sẽ phải dùng tiếng Anh suốt đời, vậy phải trau dồi Anh văn, cần biết tường tận ngôn ngữ này, không nên tự mãn với vài câu nói thường đàm.

KẾT QUẢ NHANH CHÓNG

Sau 30 ngày dùng phương pháp **Modern English** quý vị sẽ thấy tiến bộ ngay.



Bộ sách và băng cassettes **Modern English** gồm:

- 4 cuốn sách giáo khoa, trình độ Sơ cấp tới Hoàn bị (có thể đọc sách, báo chí, đơn từ).
- 4 cuốn sách hướng dẫn, dịch ra Việt ngữ toàn bộ 160 bài học trong bộ sách, phần hướng dẫn sửa hơn 1,000 bài tập, giúp người học trả lời các câu hỏi sau mỗi bài học.
- 8 cuộn băng cassettes C-90 với giọng cô Ruth Ascher, xướng ngôn viên New York.

CÔNG PHU MỸ THUẬT



CĂN BẢN ANH NGỮ VỮNG CHẮC

Đặc điểm của bộ sách:

- Bài học vui, ý nghĩa, thích hợp, thực tế.
- Đặc biệt chú ý phát âm tỉ mỉ, chi tiết, phân biệt âm dài ngắn, nhấn mạnh (*stress*), lên xuống giọng (*intonation*).
- Phần vấn đáp nhằm luyện đàm thoại.
- Phần văn phạm và cách đặt câu (*grammar and syntax*) được dẫn giải kỹ lưỡng, giúp người Việt học dễ hiểu và thực hành nhanh.
- Mỗi bài học gia tăng số ngữ vựng và thành ngữ để người học dễ diễn đạt ý tưởng.



Giá cho toàn bộ **Modern English** là US\$99.

Giá đặc biệt cho chung bộ **Modern English** và bộ **TỰ ĐIỂN ANH-VIỆT VIỆT-ANH**, loại mới, hơn 900 trang, chữ lớn, đặc biệt có 2 lối phiên âm Quốc Tế và Viên Hồng, bìa bọc plastic, là US\$120.



Ý nguyện của cố Giáo sư
LÊ BÁ KÔNG
là tiếp tục phụng vụ
đồng bào đồng hương

Zieleks Company Inc.
(Ban Tu Thư Viên Hồng)
2109 Kilkenny Dr. - Dept. KH4
Pearland, TX 77581, USA
(281) 481-3783

Xin gửi về:
Zieleks Company Inc.
2109 Kilkenny Drive
Dept. KH4
Pearland, Texas 77581, USA
(281) 481-3783

Xin quý hãng gửi cho chúng tôi
☐ Bộ **Modern English**-US\$99.
☐ Bộ **Modern English** và bộ **TỰ ĐIỂN ANH-VIỆT VIỆT-ANH**-US\$120.

(Canada xin thêm 10%, các nước khác xin thêm 20% cho cước phí)

Kèm theo đây là:
☐ check ☐ money order
☐ chi tiết cho credit card

Tên _____

Địa chỉ _____

Tỉnh _____

Tiểu bang _____ Zip _____

Credit Card # _____

Hết hạn _____

Chữ ký _____

Điện thoại _____

Cuốn Sách Viết Trong Nhiều Năm:

CHIÊU NIỆM VĂN CHƯƠNG của VIÊN LINH

xuất bản trong năm 1999, gồm những bài viết về các Trí Thức Văn Nghệ Sĩ thiệt mạng vì tù đầy Cộng sản, hoặc trên đường vượt biên tìm Tự Do:

- VŨ HOÀNG CHƯƠNG, nhà thơ
- DƯƠNG HÙNG CƯỜNG, nhà văn
- HOÀNG VINH LỘC, đạo diễn
- Anh Tuấn NG. TUẤN PHÁT, bác sĩ, họa sĩ ■ KHÁNH VÂN, cư sĩ, chủ nhiệm ■ TRẦN ĐẠI, ký giả
- THỰC VŨ, nhạc sĩ ■ PHẠM V SƠN, đại tá, sử gia ■ KHẢ NĂNG, kịch sĩ
- CHU TỬ, nhà văn ■ HIẾU CHẤN, nhà văn ■ NGUYỄN MANH CÔN, nhà văn ■ HỒ HỮU TƯỜNG, học giả, dân biểu ■ HỒ ĐIỆP, nữ nghệ sĩ ■ TRẦN VIỆT SƠN, nhà báo
- TRẦN VĂN TUYÊN, luật sư, nhà văn
- Bs PHAN HUY QUÁT, chủ nhiệm, Thủ Tướng...

Ngoài bài viết, còn tiểu sử đầy đủ với hình ảnh quý và phần trích văn chọn lọc.

ĐỌC CHIÊU NIỆM VĂN CHƯƠNG của VIÊN LINH BẠN SẼ THẤY: "SAU 40 NĂM CẨM QUYỀN, KẾ TỬ 1954, CỘNG SẢN V.N. GIẾT HẠI TRÍ THỨC VĂN NGHỆ SĨ NHIỀU HƠN TRONG 100 NĂM THỜI THỰC DÂN PHÁP VÀ PHÁT XÍT NHẬT" (Lời Tựa).

Khởi Hành

P.O. Box 670 MIDWAY CITY, CA. 92655
Đ/Th: (714) 554-1886

xuất bản và tổng phát hành
chỉ bán qua đường bưu điện
để bán trực tiếp với giá rẻ

Đọc Sách Báo Khởi Hành Là Cộng Tác
Xây Dựng Một Diễn Đàn Văn Hoá
Trọng Sự Thật, Điều Thiện, Cái Đẹp.

(*) Loạt bài Chiêu Niệm Các Trí Thức Văn Nghệ Sĩ Chết Vì Tù Đày Cộng Sản, hay Chết Trên Đường Vượt Biên, đã được đăng trên Khởi Hành, gồm có:

- TƯỜNG NIỆM NHÀ VĂN NHÀ BÁO CHU TỬ
Khởi Hành số 6, tháng 4.1997
- CHIÊU NIỆM NHÀ VĂN HIẾU CHẤN NGUYỄN HOAT
Khởi Hành 18, Tháng 4.1998
- CHIÊU NIỆM NỮ NGHỆ SĨ HỒ ĐIỆP
Khởi Hành số 19, tháng 5.1998
- CHIÊU NIỆM NHÀ VĂN NGUYỄN MANH CÔN
Khởi Hành số 20, tháng 6.1998
- CHIÊU NIỆM HỌC GIẢ HỒ HỮU TƯỜNG
Khởi Hành số 21, tháng 7.1998
- CHIÊU NIỆM LUẬT SƯ TRẦN VĂN TUYÊN
Khởi Hành 24, tháng 10.1998

tài sản mà Việt cộng đã tịch thu toàn bộ chỉ để lại cho ông hai bàn tay trắng.

Ông sống lặng lẽ, trầm ngâm, kín đáo. Nhiều lần, cán bộ Việt cộng cố ý công khai làm nhục ông trước mặt mọi người. Ông giữ im lặng, cái im lặng kẻ cả. Không ai nhận thấy ở ông một vẻ gì kiêu kỳ, của một người đã từng giữ những chức vụ cao sang trong chính quyền cũ. Ông biết hòa mình một cách đúng mức. Với anh em cùng cảnh ngộ và cái đúng mức không gượng ép ấy tự nhiên bảo vệ tư thế riêng của ông bằng một khoảng cách mà chẳng ai dám nghĩ muốn vượt qua. Ngay đối với tên Liên mà nhiều yếu tố trong vụ Biên Hòa đủ để được xưng đáng nhận hiệu "tên phản bội, tên lừa bịp", ông vẫn giữ được cái lịch sự bao dung buộc kẻ kia tự mình phải có thái độ ăn năn, kính cẩn đối với ông. Thế nên tôi rất hiểu tâm địa ông khi ông thều thào: "Thôi! Bỏ đi!" để trả lời câu hỏi dồn ông về tên Liên bên chiếu bệnh.

Ông biết vì ông mà vợ, con, cháu ông đang đứng cảm chịu khổ, chịu nhục, chịu thiếu thốn ở khu phụ nữ. Ông biết một cháu nội gái của ông, con gái đầu lòng của Huy Anh, mới ba tháng đã "được" Việt cộng bỏ tù với bố mẹ và đang thiếu sữa.

Ông biết chừng nào Việt Cộng chưa bẻ gãy được ý chí đối kháng thâm lặng của ông thì gia đình ông, đa số là phụ nữ và con nít vẫn là những con tin hữu hiệu trong tay Việt cộng dùng làm lợi khí đe dọa, đầy dọa tinh thần ông, nghiền nát những gì là nhân tính trong ông, buộc ông phải thốt lên một lời quy lụy quy hàng. Nhưng ông đã đứng được đầu gió.

Vì ông đã cứng.

Tôi thường nghĩ, trong suốt cuộc đời tham chính, thành tựu của bác sĩ Phan Huy Quát có ý nghĩa lớn lao nhất, có ích cho quốc dân nhất, do đó quan trọng vào bậc nhất vì trực tiếp liên quan sâu sắc nhất đến tiền đồ tổ quốc, là ông đã giành được chủ quyền cho ngành giáo dục Việt Nam, khi ông được Quốc trưởng Bảo Đại phong làm Tổng trưởng Bộ Giáo Dục trong chính phủ đầu tiên của Quốc gia Việt Nam mới được Pháp thừa nhận nền độc lập.

Do lòng trí kiên nhẫn, thái độ khéo léo, mềm dẻo nhưng không thiếu cương quyết trong thương thảo rất khó khăn, nhiều khi đến độ rất căng thẳng với phái đoàn Pháp mà một số thành viên lại là thầy học cũ của ông ở Đại học Y khoa Hà nội. Ông đã thuyết phục được phía Pháp trao trả Việt Nam trọn quyền của ngành giáo dục. Ông đã đặt nền móng vững chắc cho việc dùng Việt ngữ là ngôn ngữ chính trong mọi giáo trình, mở đầu kỷ nguyên cải cách giáo dục toàn diện từ tiểu học, qua trung học, lên tới đại học và trên đại học mang tính chất hoàn toàn quốc gia mà dấu ấn căn bản và nguyên tắc đó không một ai, sau ông, có thể thay đổi được. Pháp ngữ đã lui xuống thứ hạng như bất cứ sinh ngữ nào khác được giảng dạy trong mọi cấp học trình.

Thành quả tranh đấu gay go trong thâm lặng nhưng thật rực rỡ của ông với Phái đoàn Pháp và công cuộc tiến hành cải cách giáo dục của ông đã được báo chí thời đó xưng tụng và mệnh danh một cách rất xứng đáng là "Kế hoạch giáo dục Phan Huy Quát." Tên tuổi ông đã gắn liền với tương lai của biết bao thế hệ nam, nữ, thanh, thiếu niên trong lãnh vực giáo dục, nó là

chìa khóa của tiến bộ văn minh và phát triển văn hóa cho đất nước, cho dân tộc.

Thành công nào có thể đẹp hơn, lâu bền hơn thành công của ông trong sự nghiệp giáo dục đào tạo con người?

Một phòng lẻ loi dành cho lính gác ở ngoài vòng rào trại giam Chí Hòa đã được quét dọn khá tươm tất. Giữa phòng, một tấm ván gỗ khổ hẹp đặt trên đôi mề. Trên tấm ván một hình người nằm ngửa, chân duỗi thẳng, hằn rõ dưới tấm mền mỏng phủ kín từ đầu xuống chân.

Thi thể bác sĩ Phan Huy Quát, cựu Thủ tướng Việt Nam Cộng Hòa nằm đó, cô đơn, lạnh lẽo giữa một buổi trưa hè nắng gắt, oi nồng. Cùng với tấm ván và đôi mề, thi thể ông là tỉnh vật trang trí độc nhất của căn phòng lính gác quanh hiu. Chung quanh không một bóng người. Cái tịch mịch của căn phòng như muốn thét lên mà bị nghẹn.

Tang gia được chính quyền Việt cộng hứa cho phép quản thi hài bác sĩ Quát tại chùa Xá Lợi. Đến phút chót Việt cộng bội hứa như chúng vẫn có thói quen đó đã trở thành quán tính. Chúng buộc tang gia phải chôn cất ngay ngày hôm sau tức là ngày 28-4-1979. Tìm hiểu ra mới biết ngày 28 là ngày ông Tổng thư ký Liên hiệp quốc tới Saigon: cho đem thi hài bác sĩ Quát về quản tại Chùa Xá Lợi có thể gây ra nhiều phiền phức, rồi ren không lường được.

Quái thật! Một chế độ luôn luôn tự vỗ ngực lớn tiếng huênh hoang ta đây "Anh hùng nhất mực" và "ra ngô là gặp anh hùng" lại sợ đủ thứ!

Sợ từ đứa bé sơ sinh sợ đi nên phải bắt nó vào tù với mẹ nó cho chắc! Sợ từ cái xác chết sợ đi, nên bắt chôn ngay sợ xác chết "thần giao cách cảm" với Tổng thư ký Liên Hiệp Quốc thì rầy ra to.

Đám tang bị hối thúc rồi cũng chu toàn nhờ sự tận tình giúp đỡ của thân bằng, quyến thuộc.

Sau tang lễ đơn sơ, còn sót lại là nghi vấn về cái chết của vị Cựu Thủ tướng. Hồ sơ bệnh lý do Việt cộng chính thức đưa ra là "nhồi máu cơ tim, tai biến mạch máu não cùng viêm gan siêu vi trùng".

Hồ sơ vẫn nguyên vẹn là một nghi vấn.

Nếu tôi biết hát, tôi sẽ cất giọng ca vừa đủ nghe từ khúc:

Anh nằm đây,

Bạn bè anh cũng nằm đây...

Gọi là một chút để ám lòng người đã khuất. ■
16-4-91

ký giả NGUYỄN TU



LEV TOLSTOI VÀ ĐẠO PHẬT

thiện xuân inna MALKHANOVA

Nếu nghiên cứu tiểu sử của nhà đại văn hào Nga Lev Tolstoi, người đã sáng tác nên những bộ tiểu thuyết tuyệt mỹ nổi tiếng khắp thế giới như CHIẾN TRANH VÀ HÒA BÌNH, ANNA KARENINA, PHỤC SINH, v.v... thì ta có thể phát hiện ra nhiều điều lý thú thật bất ngờ. Chẳng hạn, những năm gần đây, nhiều người Nga chúng tôi vừa vui mừng vừa ngạc nhiên được biết là suốt đời nhà văn, nhà tư tưởng và người tìm tòi chân lý đó, từ thuở ấu thơ cho đến lúc già cả đã gắn bó chặt chẽ với phương Đông; còn khi tuổi hạc đã cao thì ông đặc biệt quan tâm nghiên cứu giáo lý đạo Phật và cuộc đời của chính đức Phật.

Những điều vừa nói trên đã được những sự kiện tiểu sử, những cuốn nhật ký, thư từ và các tác phẩm của nhà đại văn hào Nga minh chứng rõ ràng. Tolstoi đã sống một cuộc đời sáng tạo với những tìm tòi không ngừng về mặt tâm linh. Ông thuộc dòng dõi bá tước, sinh năm 1828 và qua đời năm 1910, hưởng thọ 82 tuổi. Khi chàng niên thiếu Tolstoi mới 16 tuổi, hồi năm 1844, chàng đã vào học ở trường đại học tổng hợp ở Kazan tại khoa ngôn ngữ A-rập - Thổ Nhĩ Kỳ, nhưng chỉ học được một năm thôi và không tỏ ra xuất sắc lắm về ngôn ngữ đó. Đến 23 tuổi tức là vào năm 1851, chàng thanh niên Tolstoi bắt đầu quan tâm đến Ấn Độ: trong các thư tín của ông, lần đầu tiên thấy nói đến Ấn Độ vào năm đó.

Đối với nước Nga, Tolstoi là một trong những người đầu tiên viết về cuộc đời đức Phật. Chính nhờ Tolstoi hồi năm 1905, khi ông 77 tuổi, đã viết và cho xuất bản tiểu luận nhan đề PHẬT-ĐÀ (còn đầu năm 1910, lúc ông 82 tuổi, đã viết lời nói đầu cho tác phẩm của P.Bulanje TẮT-ĐẠT-ĐA (Siddhartha), còn gọi là Phật-đà (Buddha) có nghĩa là bậc Thánh Giác Ngộ. Cuộc đời và giáo lý của Ngài, mà người Nga hồi đó đã biết được về cuộc đời của Thái Tử Tắt-đạt-đa từ khi ra đời đến khi thành đạo, về lời khuyên làm việc thiện, giữ tâm ý trong sạch và năm giới cấm của đạo Phật: không được sát sinh, không được trộm cắp, không được tà dâm, không được nói dối và vu khống, không được uống rượu.



LEV TOLSTOI

Inna Malkhanova là một người Nga, có Pháp danh Thiện Xuân, là một nhà Việt học lâu năm, có cảm tình thâm thiết đặc biệt với nhân dân, văn hóa Việt Nam. Bà cũng là một Phật tử thuần thành theo truyền thống Phật giáo Việt Nam, vào năm 1989 đã đi lễ Chùa Hương tại Miền Bắc; là sáng lập viên và Hội trưởng Hội Phật Giáo Thảo Đường tại Nga. Vào đầu năm 1999, nhà xuất bản Văn Nghệ của Anh chị Võ Thắng Tiết đã cho xuất bản cuốn Tiểu luận DƯỚI BÓNG TỪ BI, gồm 8 bài viết và bài nói của Malkhanova, cho thấy bà là một nhà nghiên cứu tường tận, một tác giả có văn phong trực tiếp, trong sáng, cho độc giả Việt Nam thấy rất nhiều điều bất ngờ: như bốn, năm tác giả Nga đã viết về Việt Nam từ năm 1876; hay như bài dưới đây, Lev Tolstoi Và Đạo Phật, cho thấy một Tolstoi khác hẳn Tolstoi mà chúng ta biết qua CHIẾN TRANH VÀ HÒA BÌNH, hay ANNA KARENINA. DƯỚI BÓNG TỪ BI dày 180 trang, giá 11 mỹ kim.

Nhưng thật là đáng buồn, những người Xô Viết chỉ có thể được đọc tác phẩm PHẬT-ĐÀ 82 năm sau (!) mà thôi, khi nó được in lại hồi năm 1987 dưới thời perestroika, tức là 4 năm trước khi Liên Xô bị sập đổ, trong một tuyển tập với số lượng không lớn.

Chắc bạn đọc sẽ hỏi tại sao lại có thể như vậy? Xin thưa: vì từ sau cuộc đảo chính của những người bolshevik hồi tháng 10 năm 1917, đất nước Nga chúng tôi, nói chung là toàn Liên Xô, phải sống dưới một chế độ cực quyền rất khắc nghiệt, nó chống lại mọi tôn giáo, chống lại triết lý của Tolstoi, nhất là thuyết bất bạo lực của ông. Điều rất rõ ràng là thuyết bất bạo lực của Tolstoi chịu ảnh hưởng trực tiếp vừa của đạo Chúa, vừa của đạo Phật và có quan hệ mật thiết với tư tưởng của M.Gandhi (1869-1948), người mà ông đã từng trao đổi thư từ.

Lenin đã đả kích kịch liệt tư tưởng của Tolstoi, coi thuyết bất bạo lực của ông là chống lại đấu tranh giai cấp và bạo lực cách mạng. Còn M.Gandhi, người cổ võ thuyết bất bạo lực, người đứng đầu cuộc tranh đấu cho nền tự do và độc lập của Ấn Độ, được người dân Ấn Độ sùng kính như bậc Thánh thì bị những người cộng sản Liên Xô coi là "phản động", bị vu khống là "ủng hộ chủ nghĩa đế quốc Anh", thậm chí bị buộc tội là "Gandhi đã phản bội nhân dân và giúp bọn đế quốc đàn áp cuộc khởi nghĩa"! Những điều này tôi không nói vu vơ, mà chúng đã được ghi trên giấy trắng mực đen rõ ràng: xin xem ở tr.203, tập 10, xuất bản năm 1952 dưới thời Stalin, trong bộ ĐẠI BÁCH KHOA TOÀN THƯ XÔ-VIỆT, gồm 55 tập; những chữ trong ngoặc là trích đúng nguyên bản.

Ảnh hưởng của đạo Phật đối với Tolstoi còn thể hiện rõ trong việc nhà đại văn hào Nga đã say sưa thuật lại bằng một lối văn giản dị, ngắn gọn, dễ hiểu những chuyện ngụ ngôn Phật Giáo rất thâm thúy và hồn nhiên như "Đầu và đuôi rắn", "Chia gia tài", "Con khỉ và những hạt đậu", "Con bò sữa", "Hai thương nhân", "Con vịt và mặt trăng", "Con cò, đàn cá và con tôm càng", "Người mù và sữa", v.v...

Nhưng ông cảm thấy như thế vẫn còn chưa đủ, ông còn có một dự định to lớn hơn: viết một cuốn sách về đức Phật Thích Ca dài đến 22 chương. Trong tập 27 bộ TOÀN TẬP CÁC TÁC PHẨM CỦA LEV TOLSTOI (có tất cả 90 tập), đã in lại dàn bài của cuốn sách định viết đó, như "Nỗi buồn về những đau khổ của con người", "Hãy tìm ra Chân lý", "Giảng pháp về sự bình đẳng của mọi người", "Từ bi đối với thú vật", "Sự ăn chay" v.v... Chỉ xem qua cái dàn bài ấy, ta cũng thấy được sự gần gũi của tư tưởng Tolstoi với giáo lý của đạo Phật. Tiếc thay, ước mơ viết một cuốn sách về đức Phật, nhà văn đã không kịp thực hiện được. Nhưng trước khi qua đời, ông đã hướng dẫn P.Bulanje viết cuốn sách về đức Phật. Đáng tiếc là khi cuốn sách của P.Bulanje ra mắt bạn đọc hồi năm 1911, thì nhà đại văn hào Lev Tolstoi đã từ trần rồi.

Nghiên cứu tiểu sử của Tolstoi, chúng tôi đã được biết thêm rằng ngoài M.Gandhi ra, ông còn trao đổi thư từ với nhà đại thi hào Ấn Độ Rabindranath Tagore (1861-1941) (Tác giả viết là Rabindranat Tagor, bỏ chữ h và chữ e). Nhà văn đã đặt mua sách báo Ấn Độ và đã chăm chú nghiên cứu những tác phẩm của các nhà tư tưởng Ấn Độ. Vào cuối đời, hồi năm 1910, ông còn ước mơ viết "Cuốn Sách Phổ Thông Về Ấn Độ và Trung Hoa", nhưng cả ước mơ này nữa cũng không thực hiện được.

Thật đáng buồn là những người Nga chúng tôi, trong nhiều thập niên chỉ biết và yêu mến những bộ tiểu thuyết tuyệt trần của Tolstoi, mà không có điều kiện hiểu biết về triết lý đầy lòng nhân ái và những tìm tòi về mặt tâm linh của con người vĩ đại đó, vì nhiều tác phẩm của ông đã bị cấm dưới chính quyền Xô Viết của những người cộng sản và thế hệ lớn tuổi ở đất nước chúng tôi còn nhớ rõ vụ án xử những môn đồ của Tolstoi.

Bây giờ đây, khi tiếp xúc được với di sản tinh thần và tâm linh của Tolstoi, chúng tôi vô cùng kinh ngạc về sự cao thượng, độ thâm thúy, đạo lý vĩnh hằng và tính chất cấp thời kỳ lạ của những tư tưởng Tolstoi đối với thời đại hiện nay. Và bây giờ thì không còn ai nghi ngờ gì nữa là nhiều tư tưởng, nhất là thuyết bất bạo lực của ông được hình thành nên nhờ ảnh hưởng của đạo Phật.

Để kết thúc bài viết ngắn này, tôi xin trích dẫn vài câu ngắn gọn của Tolstoi để bạn đọc thấy được sự suy tư của ông về mặt tâm linh: "Tôi cảm thấy rằng việc nghiên cứu và quan sát cuộc sống, nhất là cuộc sống tâm linh, của tất cả các dân tộc trên trái đất, có tác động rất tốt đẹp đến tâm hồn". (trích NHẬT KÝ ngày 18.5.1910).

"Cuộc đời chúng ta thật ngắn mà sức mạnh trí tuệ trong chúng ta thì thật lớn, vì thế không nên sống và hành động một cách không đúng đắn" (trích thư của Lev Tolstoi gửi Rabindranath Tagore).

Sau đây, tôi xin dịch vài chuyện ngụ ngôn của Tolstoi:

CHIM HỌA MI

Cô bé Varya có con chim họa mi. Họa mi ở trong lồng, không hót bao giờ cả. Varya đến bên lồng nói: "Họa mi ơi! Lớn rồi, đã đến lúc mày hãy hót đi!" Họa mi đáp: "Cứ thả ta ra! Ngoài tự do, ta sẽ hót suốt ngày"

CÁI MÁNG GỖ

Một gia đình nọ có hai vợ chồng, cậu con trai nhỏ và ông bố già. Cụ già lắm rồi, tay run nên khi ăn thường làm vương vãi thức ăn trên khăn bàn, thỉnh thoảng lại làm rơi bát đĩa. Hai vợ chồng không bằng lòng, không để cùng ngồi chung bàn với cả nhà nữa mà dọn cho ông cụ ăn ở góc bếp. Để khỏi vỡ bát đĩa, họ cho ông cụ ăn trong cái máng gỗ. Ông cụ buồn lòng, nhưng chẳng nói năng gì.

Có một bận hai vợ chồng đi làm đồng về, thấy thằng con nhỏ đang loay hoay, bào, gọt một tấm gỗ. Ông bố hỏi con:

- Làm gì thế, con?
- Con đang làm cái máng gỗ.
- Để làm gì?
- Để khi bố mẹ già thì cho bố mẹ ăn trong máng gỗ này.

Hai vợ chồng lặng người, nhìn nhau, xấu hổ.



Ngày hôm đó, họ lại mời ông bố già vào ngồi cùng bàn ăn và đưa bát đĩa cho ông cụ dùng. Chẳng những thế, hai vợ chồng đối xử tử tế và kính trọng ông bố già cho đến tận ngày cụ qua đời.

Và đây là mấy chuyện ngụ ngôn Phật giáo mà Tolstoi đã thuật lại chắc bạn đọc sẽ hình dung được nhà văn tư duy và cảm nhận chân lý như thế nào qua những chuyện thật giản đơn, hồn nhiên mà sâu sắc.

ĐẦU VÀ ĐUÔI RẮN (*)

Đuôi rắn cãi nhau với đầu rắn xem nó hay đầu phải đi trước. Đầu rắn bảo:

--"Mày chẳng đi trước được đâu, vì mày không có mắt, không có tai!"

Đuôi rắn cãi:

--"Nhưng tao lại có sức, chính tao đẩy mày đi đấy chứ, còn nếu tao muốn thì tao quấn quanh thân cây, thế là mày chẳng tài nào nhích lên được".

Đầu rắn bảo:

--"Thế thì chúng ta 'chia tay' nhau

vậy!"

Thế là đuôi rắn rời khỏi đầu và bò đi. Nhưng chỉ bò đi được một đoạn ngắn thì gặp một khe nứt và rơi lọt thỏm vào đó.

CHIA GIA TÀI

Ông bố có hai cậu con trai. Có một bận, ông dặn hai con:

--"Bố mà chết đi, thì các con cứ chia đôi gia tài bố để lại".

Khi ông bố chết, hai cậu con trai chia gia tài mà không thể không tranh cãi nhau. Hai chàng mới đến nhờ người hàng xóm phân xử. Người hàng xóm hỏi:

--"Thế cụ nhà đã dặn các cậu chia như thế nào?"

Họ nói:

--"Bố cháu dặn chia đôi tất cả".

Người hàng xóm bèn nói:

--"Thế thì các cậu cứ xé đôi quần áo, đập vỡ đôi tất cả bát đĩa và mổ thịt chia đồng đều cả đàn gia súc".

Hai anh em nghe lời người hàng xóm, thế là gia tài tan hoang cả.

CON KHỈ VÀ

NHỮNG HẠT ĐẬU (*)

Con khỉ bốc được hai nắm đậu đầy tay. Bỗng một hạt rơi ra. Con khỉ muốn nhặt, thì hai mươi hạt đậu rơi xuống. Nó chạy lại cố nhặt, thế là tất cả các hạt trong tay đều rơi xuống cả. Nó giận quá, đá tung tóe các hạt đậu khắp nơi, rồi bỏ chạy.

CON BÒ SỮA (*)

Một người có con bò sữa. Mỗi ngày, anh ta vắt được một bình sữa. Có một bận, anh định mời khách đến nhà. Để có được nhiều sữa đãi khách, mười ngày liền anh không vắt sữa, nghĩ bụng là mười ngày nữa thì con bò sẽ cho anh được mười bình sữa.

Nhưng bò bị kiệt sữa sau mười ngày không vắt, và lượng sữa vắt được hàng ngày ít hẳn hơn trước.

VÁC NẶNG

Hai người cùng vác vật nặng trên vai và đi cùng đường. Một người vác liền một lèo không nghỉ. Còn người kia thì hay dừng lại, đặt vật nặng xuống và ngồi nghỉ. Nhưng mỗi lần anh ta lại phải nhắc vật nặng lên vai. Và thế là người hay bỏ vật nặng xuống lại mệt hơn là người vác đi một mạch không nghỉ.

HAI THƯƠNG NHÂN

Trước khi lên đường đi buôn, một thương nhân nghèo đã gửi toàn bộ số hàng sắt lại cho một nhà buôn giàu cất giữ. Khi quay trở về, anh đến để lấy lại hàng đã gửi.

Nhà buôn giàu đã bán sạch trơn số hàng sắt, bèn tìm cách đánh trống lảng:

--"Hàng sắt của bác quả đã không gặp may".

- Thế nào?

- Tôi xếp nó trong vựa lúa. Trong đó chuột vô thiên lủng. Thế là chúng gặm hết sắt của bác rồi. Chính mắt tôi trông thấy chúng nó gặm mà. Không tin, xin

mời bác vào xem.

Thương nhân nghèo chẳng buồn cãi. Anh nói:

- "Xem làm gì! Bác nói thế thì tôi tin chứ. Tôi biết mà, lũ chuột bao giờ cũng gặm sắt cả. Thôi chào bác." Nói xong, anh ra về.

Trên đường về, anh thấy thằng bé tha thẩn chơi bên hàng giậu, đó là con lão nhà buôn kia. Anh vuốt ve nó, bỗng lên và về về nhà.

Hôm sau, lão nhà buôn gặp anh thương nhân nghèo kể sự tình chuyện đau buồn mất con của lão, rồi hỏi:

- "Thế bác có thấy cháu nó ở đâu không?"

- Thấy chứ! Hôm qua từ nhà bác đi ra, tôi thấy có con diều xẹt xuống, quắp thằng bé và tha đi.

Lão nhà buôn tức giận la lớn:

- Giều tờ thế mà không biết xấu hổ ư? Làm sao mà con diều có thể tha nổi thằng bé được?

VỤNG TÍNH

Có một anh nhà quê, đang lúc đói bụng, mua một cái bánh rán. Ăn xong, vẫn còn đói, anh mua cái thứ hai. Ăn hết cái bánh rán thứ hai, vẫn chưa nguôi cơn đói. Lại mua cái thứ ba, ăn hết cái bánh rán thứ ba mà anh vẫn còn thấy đói. Thế là anh mua thêm cái bánh bích quy nhỏ, ăn vào, thấy no ngay. Lúc đó, anh chàng mới vỗ tay vào trán, thốt lên:

- "Chà, ngốc ơi là ngốc! Sao mà vụng tính thế, việc gì phải xơi ba cái bánh rán kia chứ? Lẽ ra chỉ cần ăn một cái bánh bích quy thôi là đủ no rồi!"

NHỮNG QUẢ LÊ NGON NHẤT

Ông chủ bảo người đầy tớ đi mua lê và dặn:

- "Hãy mua cho tao những quả ngon nhất đấy nhé".

Đến cửa hàng, anh đầy tớ hỏi mua lê. Người bán đưa lê cho anh, nhưng anh bảo:

- Không, ông phải đưa cho tôi những quả ngon nhất.

Người bán bảo:

- Thì cậu cứ nếm thử một quả, tất biết mà.

- Làm thế nào tôi biết được anh đầy tớ nói- là tất cả đều ngon cả, nếu tôi chỉ nếm thử một quả thôi.

Anh ta bèn cắn mỗi quả một tí để nếm, rồi mang lê về cho chủ. Ông chủ nổi giận đuổi anh đi.

CON CÒ, ĐÀN CÁ VÀ CON TÔM CÀNG

Có con cò già sống cạnh ao. Già yếu rồi, không còn đủ sức bắt cá nữa, nó mới nghĩ cách kiếm sống bằng mưu gian. Nó bảo với đàn cá:

- "Lũ cá kia ơi, chúng mày có biết không tại họa sắp đến nơi rồi: tao nghe được bọn người bàn nhau sẽ tát cạn cái ao này để bắt sạch cá đấy. Và tao cũng biết là đằng sau cái gò kia kia có một cái ao khác tốt lắm. Tao cũng muốn giúp chúng mày, nhưng tao già rồi, bay cũng mệt lắm".

Lũ cá nghe nói, liền khẩn khoản van xin có giúp cho.

Con cò mới nói:

- Thôi được, tao sẽ cố giúp cho chúng mày, đưa chúng mày đến cái ao kia, nhưng nhớ ra tao không đủ sức, thôi tao cứ đưa từng đứa một vậy.

Đàn cá nghe bùi tai, tranh nhau van xin:

- Đưa tớ đi, đưa tớ đi!

Thế là cò bắt đầu đưa lũ cá đi: nó quắp từng con một, mang đi đến cánh đồng, rồi ăn thịt. Và nó ăn được nhiều cá lắm.

Trong cái ao ấy có con tôm càng già. Thấy cò đưa cá đi thì tôm cũng nói:

- Cò ơi, cậu cũng đưa tớ đến chỗ ở mới nữa nhé!

Cò quắp tôm vào mỏ rồi bay đi. Khi bay đến cánh đồng, định vứt con tôm càng xuống. Nhưng tôm thấy bao nhiêu xương cá rải rác trên cánh đồng thì tôm đưa hai càng quắp cổ cò, siết chặt cho đến chết; rồi bò trở lại ao và kể chuyện cho lũ cá nghe.

Bài này đã đăng trên tạp chí Viên Giác ở Hannover, Đức, số 85, tháng 2.1995.

(*) Chuyện này có trong KINH BẠCH DỤ.

Đừng Nói Đến Bảo Tồn

Văn Hoá Dân Tộc

Nếu Chỉ Đọc

Báo Biểu

ĐỒNG NAI PHARMACY

CÔNG TY CUNG CẤP DƯỢC PHẨM VÀ DỤNG CỤ

9081 Bolsa Avenue, Suite #108 * Westminster, California 92683
(Gần tiệm Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank of California)

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU - Dược sĩ TRẦN THỊ LƯU ÁI

Tel: (714) 397-5072 * Fax: (714) 379-5074

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

- * Các loại dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
- * Các loại sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống truyền vào ruột hay truyền vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products)
- * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products).
- * Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products).
- * Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

- * Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
- * Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital beds & Accessories).
- * Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products).
- * Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor), máy đo huyết áp (Blood Pressure Monitor).

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM:

PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN

Thứ Hai - Thứ Sáu: 10:00AM - 7:00PM

Thứ Bảy: 10:00AM - 5:00PM

TỜ BÁO BẠN ĐỌC TÂM THƯ

QUÍ VĂN HỮU TẶNG SÁCH

Bất cứ văn hữu nào gửi tặng sách, chúng tôi sẽ giới thiệu trên Khởi Hành, hoặc bằng cách này, hoặc bằng cách khác, nhưng không nhất thiết sẽ giới thiệu ngay sau số báo tới. Nếu quý văn hữu gửi kèm theo mẫu quảng cáo, hiện có rất nhiều, vui lòng lưu ý: nguyên trang Khởi Hành: 150 mk. Nửa trang: 100 mk. 1/4 trang: 50 mk. Mẫu nhỏ nhất: 25 mk. Nửa trang bìa sau, 2 màu: 150 mỹ kim.

—Anh TRẦN ANH TUẤN, Alameda, Ca.

Đang từ hộp thư, báo lại gửi về nhà, ấy là vì khi vô số, lại vô theo địa chỉ trên ngân phiếu. Chúng tôi đã sửa lại. Về phương diện hành chánh, chúng tôi có nhiều thiếu sót, xin anh cảm phiền cho.

Thư góp ý của anh, có 4 điểm, chúng tôi đi lần lượt.

1. Về một cái tin trong mục Thời Sự Văn Nghệ trên Khởi Hành số 28, Những Biểu Tượng Pháp, tôi cũng nghĩ như anh, định sửa là bánh mì ba-gét, nghĩ sao lại thôi, vì có chút băn khoăn giữa phiên âm và nghĩa, dùng cái nào. Nhưng có lẽ nên dùng cái gì nó quen rồi, như anh viết.

2. Bài thơ Duckling Chick, được đăng vào mục Thơ Đen là vì một mặt thấy nó tức cười, mặt khác nó không dở. Tác giả, Yankee Nguyễn, ngoài đời là một bác sĩ, hiện làm việc tại San Jose, cũng có vẻ không tin là tôi sẽ đăng, nhưng cũng có vẻ như nếu Khởi Hành không đăng, thì khó kiếm ra chỗ đăng. Nó là một bài thơ điệu.

3. Về bài Bao Giờ Về Núi Lâm Nhà, chúng tôi không biết là nó đã đăng ở báo khác chưa, nhưng anh là độc giả thứ hai nói đã đọc rồi. Ngay khi độc giả thứ nhất nói rằng hình như ông đọc ở đâu rồi, tôi đã điện thoại hỏi tác giả Nguyễn Mạnh, ông cho biết ông đã viết thêm và sửa rất nhiều so với lần đầu. Tôi không đọc tờ báo kia, nên không biết bài Bao Giờ... đã đăng ở đó rồi. Tôi đồng ý với anh bài đó quá dài so với Khởi Hành, khiến số báo trở nên ít bài. Nhân đây, một lần nữa mong quý văn hữu lưu ý: bài vở đã gửi cho báo khác, đừng gửi cho Khởi Hành. Trên Khởi Hành, như anh đọc tờ báo từ số 1, tháng 11.1996, tôi làm những việc sau đây, hy vọng anh cũng như các độc giả khác, cũng đã nhận thấy sau 29 số báo, dù chúng tôi chưa từng nói ra:

—Bài dài lắm là 3 trang. Chỉ dăm ba lần có bài dài 4 trang. Bài Bao Giờ... dài hơn hết, chúng tôi có trong tay đã 6 tháng trước, nhưng chỉ đợi tới khi nào làm một Tuyển Tập Thơ Văn mới đăng, và đó là số Mừng Xuân Mới (28), một số báo không có chủ đề về tác giả nào, một chuyện chỉ xảy ra một năm mới có một lần. [Riêng Anh đã nhận thấy, và không đồng ý]. Khởi Hành không thu góp bài vở nói về nhiều chuyện khác nhau cho đầy các trang một tập in ấn, rồi gọi đó là báo, hay tạp chí. Những tờ đó nên gọi là tuyển tập thơ văn, hay giai phẩm, nếu nó đẹp (giai), và nếu nó được chọn (tuyển).

—Bài không bao giờ cắt ngang trong cùng một số báo: không bao giờ, dù một lần, độc giả phải đọc thấy chữ “xin xem tiếp trang...” và ở phần tiếp theo ở phía sau của tờ báo, là “tiếp theo trang...”. Bài vở trên Khởi Hành, nếu khởi đầu ở trang 7, thì chấm dứt ở trang 8, nếu dài hai trang; hoặc chấm dứt ở trang 9, nếu dài 3 trang. Nghĩa là liên tục, không bắc cầu. Việc này tốn nhiều công phu sắp xếp, nhiều khi phải giữ bài ra làm lại.

—Tác giả trên Khởi Hành có nhiều người chưa từng đăng bài ở đâu. Chúng tôi chọn bài, thấy hay thì đăng, không cần biết người viết bài đó viết văn làm thơ từ bao giờ, ở đâu. Những người lần đầu xuất hiện trong làng văn Việt Nam là xuất hiện từ Khởi Hành, từ trong nước, có thể kể về thơ có Nguyễn Bắc Sơn, Nguyễn Đạt, họa có CHÓE, phê bình có Cao Huy Khanh... Tại hải ngoại từ ngày tục bản, cũng đã có một số tác giả mới xuất hiện trong làng văn, bắt đầu từ Khởi Hành (chúng tôi chỉ nói ra sau khi các tác giả đó nhìn nhận). Nhân lá thư của anh, tôi viết ra điều này, để trả lời vài bạn trẻ ngần ngại gửi bài cho Khởi Hành, nói đây là báo của các tác giả gạo cội; tác giả trẻ ít được chọn. Không phải như thế, chúng tôi rất sung sướng khi nhận được bài vở hay của các tác giả trẻ.

4. Dưới tin về cuốn Cổ Văn Trung Quốc của cố giáo sư Trần Trọng San, có in: L/L: Thư từ chi phiếu để Trần Trọng San... là viết theo như dưới cuối sách. Tôi có hơi thắc mắc, song không hỏi lại anh Trần Trọng Tuyên, vì nghĩ có lẽ Bà Trần Trọng San vẫn trông coi nhà xuất bản được. Vả lại Anh Trần Trọng Tuyên khi gửi tặng Khởi Hành cuốn sách của thân phụ, là sau khi thân phụ đã quá cố, mà không sửa lại chỗ đó, nên chúng tôi nghĩ mình không nên tự sửa.

LƯU Ý BẠN ĐỌC DÀI HẠN

Có một số bạn đọc hỏi chúng tôi không biết khi nào biết là báo mình mua đã hết hạn, xin trả lời: Trên phiếu gửi (label), sau tên quý bạn, có một hàng số, ví dụ Nguyễn Văn A 13-24, hay Lê Thị B 25-36. Có nghĩa là ông A mua báo từ số 13, và số chót là 24; hay bà B mua báo từ số 25, và số chót là số 36. Báo kỳ này là số 30, vậy bạn nào thấy label của mình ghi 13-24, tức là bạn đã chậm đóng tiền báo 6 số rồi; và bạn nào thấy label của mình là 25-36, tức là bạn còn 6 số nữa thì hết hạn.

Có bạn không nhận được báo, gọi hỏi, mới biết báo đã hết hạn, chúng tôi không gửi tiếp được nữa, và trách sao không nhắc? Chúng tôi hiện thật sự neo người, không làm được việc đó. Mong quý bạn giúp cho.

THÁNG THUẾ

Nhà Bưu Điện cho biết, Tháng 3 và Tháng 4, lượng thư sẽ nhiều gấp bội, là do mùa thuế, số thư gia tăng. Do đó, báo gửi có khi chậm hơn lệ thường.

TRẢ LỜI THƯ BẠN ĐỌC NHẬN ĐƯỢC TỪ 19 THÁNG 3 TỚI 6 THÁNG 4.99

Trong thời gian ghi trên, Khởi Hành đã nhận được chi phiếu mua dài hạn của quý vị và quý bạn có tên dưới đây:

—BS MUU N DO (CA, 1 năm) - LÊ THÁI LÂM (CANADA, 72mk) - CHU TÂN (CA, 2 năm) - THANH THUY (GA, 1 năm) - THÁI ANH TUẤN (NE, 1 năm) - THIEN VAN NGUYEN (WA, 1 năm) - PHẠM GHÊNH (PA, 1 năm) - VŨ VĂN BẮC (CA, 1 năm) - NGUYỄN HỮU KHÁNH (PA, 1 năm) - Ms PHẠM MỸ (CA, 4 năm) - NGUYỄN THUY DƯƠNG (CA, 1 năm) - THÁI ANH DUY (CA, 1 năm) - NGÀ SMITH (VA, 1 năm) - NGUYỄN SỸ VINH (MA, 1 năm) - TAN D NGUYEN (TX, 1 năm) - HÀ NGUYỄN DU (CA, 2 năm) - TAM P NGUYEN (CA, 1 năm)

Trân trọng cảm ơn quý vị.

VỀ QUÍ BẠN GỬI BÀI VỞ

Chúng tôi đã loan báo, nay nhắc lại: Khởi Hành không có mục trả lời bài vở đã nhận được, trừ khi có sự yêu cầu.

Phát Hành Vào Hạ Tuần Tháng Tư 1999

HỒ CHÍ MINH CHẾT SÌNH

CD và Tập Nhạc Tranh Đấu

gồm những ca khúc mới sáng tác:

Hồ Chí Minh Chết Sình ■ Hồ Chí Minh Chính Mi
Bản Thơ ■ Ruộng Vườn ■ Cơm Áo
Đấu Tố ■ Dù Bằng Tay Không

TRẦN QUAN LONG viết nhạc
GIÓ ĐÔNG phát hành
Phone/Fax: (562) 944-2153

Thư anh nêu ra 4 điểm, nhận thấy điểm nào cũng xây dựng, nên trả lời anh như trên. Rất cảm ơn anh đã đọc kỹ tờ báo. Tôi vốn biết đọc giả của Khởi Hành rất...khó tính, nên bài nào cũng đọc trước khi đưa đánh máy, và đọc lại lần nữa khi trình bày trên computer [vì tôi không đủ phương tiện thuê một ông cò sửa bài, hay một họa sĩ, nên phải sửa bài và trình bày lấy tờ báo, và khi trình bày thì sửa lại lần nữa]. Mong anh lâu lâu, là người trong nghề sách vở, lại cho một cái thư sửa sai, thì vô cùng cảm ơn.

Khởi Hành còn thiếu một mục tôi muốn làm, anh có vẽ là người làm hay: Nhổ Cỏ Dại. Báo Mỹ có ombusman, chuyên sửa sai việc nội bộ, hay việc trong ngành của mình, báo ta thì coi như pha. Nhưng như thế thì không khá được. Mong liên lạc với Anh nhiều hơn. Hoặc khi nào anh xuống Santa Ana, mời anh ghé Tòa soạn. Tôi tới làm việc từ 2:30 chiều, ngồi tới 9:00 giờ tối, trừ thứ bảy làm việc buổi sáng. Chủ nhật nghỉ. Cảm ơn Anh.(VL).

PHỤ LỤC: CHUYỆN CHÂU KHÊ

Nhân đây, cần nói thêm về việc sửa sai trên báo.

Một tờ báo loan tin, in bài, nhất thiết phải phối kiểm nguồn tin, nguồn tài liệu. Loan sai, thứ nhất trách nhiệm với những người liên hệ, thứ hai trách nhiệm với độc giả, chưa nói tới chuyện liêm chính với ngòi bút. Và nói sai, để miệt thị người khác, khi biết ra im lặng, không cải chính, còn mắc tội cố tình vu cáo, và man trá.

Tờ Phụ Nữ Việt do ông họa sĩ Long Ân làm chủ bút, số Xuân vừa qua, có đăng bài của ông Vũ Lục Thủy viết về nhà thơ Vũ Đình Liên, trong đó có nhắc đến một bài về Vũ Đình Liên đăng trên Khởi Hành số đôi 13-14. Trong bài nói trên, Khởi Hành viết: "Nhà thơ VDL sinh...tại làng Châu Khê, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương". Trên tờ Phụ Nữ Việt nói trên, ông Thủy chèn đích danh Khởi Hành là "quá ngu dốt, lảm thây", vì theo ông, phải viết Trâu Khê (tr) mới đúng.

Khởi Hành số 28, tháng 2.1999, nhà thơ Trần Lam Giang, giữa đường thấy sự bất bình, bèn viết bài "Khác Nhau Một Chữ", chỉ cho ông Thủy mấy cách tra Từ Điển và Tự Điển Hán Việt, cho biết ông Thủy đã viết sai chữ Châu (thiếu 2 nét). Nhà thơ Trần Lam Giang, căn cứ vào lời văn, thái độ của ông Thủy, đã hình dung ra người: "kiếm nhả, thất lễ,...không phải hành vi của người tự trọng". (Kh.H. 28.2.1999, trang 25). Nhà thơ Trần Lam Giang, tốt nghiệp Hán Nôm Đại học Văn Khoa Sài Gòn, còn khuyên ông Thủy chỉ nên dùng Từ Điển (Từ là Lời), mà không nên dùng Tự Điển (Tự là Chữ, phải biết mặt chữ mới dùng được).

Từ Sách Phạm Đình Hổ,
Bìa Trần Nguyên Dân...

Hôm Dạ tiệc gây quỹ của Hội VALAA tại nhà hàng Paracell Seafood ở Quận Cam, tháng 3 vừa qua, chúng tôi tới chào Giáo sư Nguyễn Đình Hòa, từ San José xuống tham dự, và nhân thể hôm sau ra mắt cuốn Hồi ký bằng Anh ngữ của Giáo sư, do nhà McFarland & Co Inc. xuất bản, nhan đề FROM THE CITY INSIDE THE RED RIVER (Từ Thành Phố Bên Trong Sông Hồng Hà) tức Hà Nội-. Giáo sư Nguyễn, vừa hồi hưu sau nhiều năm giảng dạy tại Đại học SIU, hỏi về bài Trần Lam Giang, mà Giáo sư nghe một văn hữu nói là rất hay. Trong câu chuyện, Giáo sư Nguyễn nói, cụ cũng viết

Châu Khê/Ch. Châu Khê là quê thân mẫu của Giáo sư.

Tôi nghĩ, nói theo các cụ, phải nọc ông Thủy ra đánh 50 roi, vì tội hỗn với Thầy, cho chịu lại 50 roi, để xét vì sao hỗn, vô tình hay cố ý, sẽ đánh hoặc tha sau.

Giáo sư Nguyễn Đình Hòa viết: "...my mother village of Châu Khê, district of Bình Giang, province of Hải Dương -nowadays Hải Hưng province-...(Phạm Đình Hổ pointed out that the spelling Trâu Khê was incorrect, the appellation Châu Khê being derived from that of original Châu Xá Hamlet, named after its leader, Châu Tung Trinh). (From THE CITY INSIDE THE RED RIVER, Mc Farland Pb., 1999, p. 16).

Tôi tự hỏi, tại sao Phạm Đình Hổ, tác giả VŨ TRUNG TÚY BÚT, và TANG THƯƠNG NGẪU LỤC, lại phải nói đến làng Châu Khê, và cách viết Ch hay Tr?

Đi tìm Tiểu sử ông, thì thấy chép như sau: "Phạm Đình Hổ sinh năm 1768, mất vào năm 1839, quê ở làng Đan Loan, huyện Đường An, Hải Dương, làm quan tới chức Quốc Tử giám Tế tửu" (Học vị-quan đứng đầu Trường Đại học lớn nhất trong nước, theo chú thích của GS Hà Mai Phương).

Sau đây là một đoạn văn của Phạm Đình Hổ: "TÊN LÀNG CHÂU KHÊ

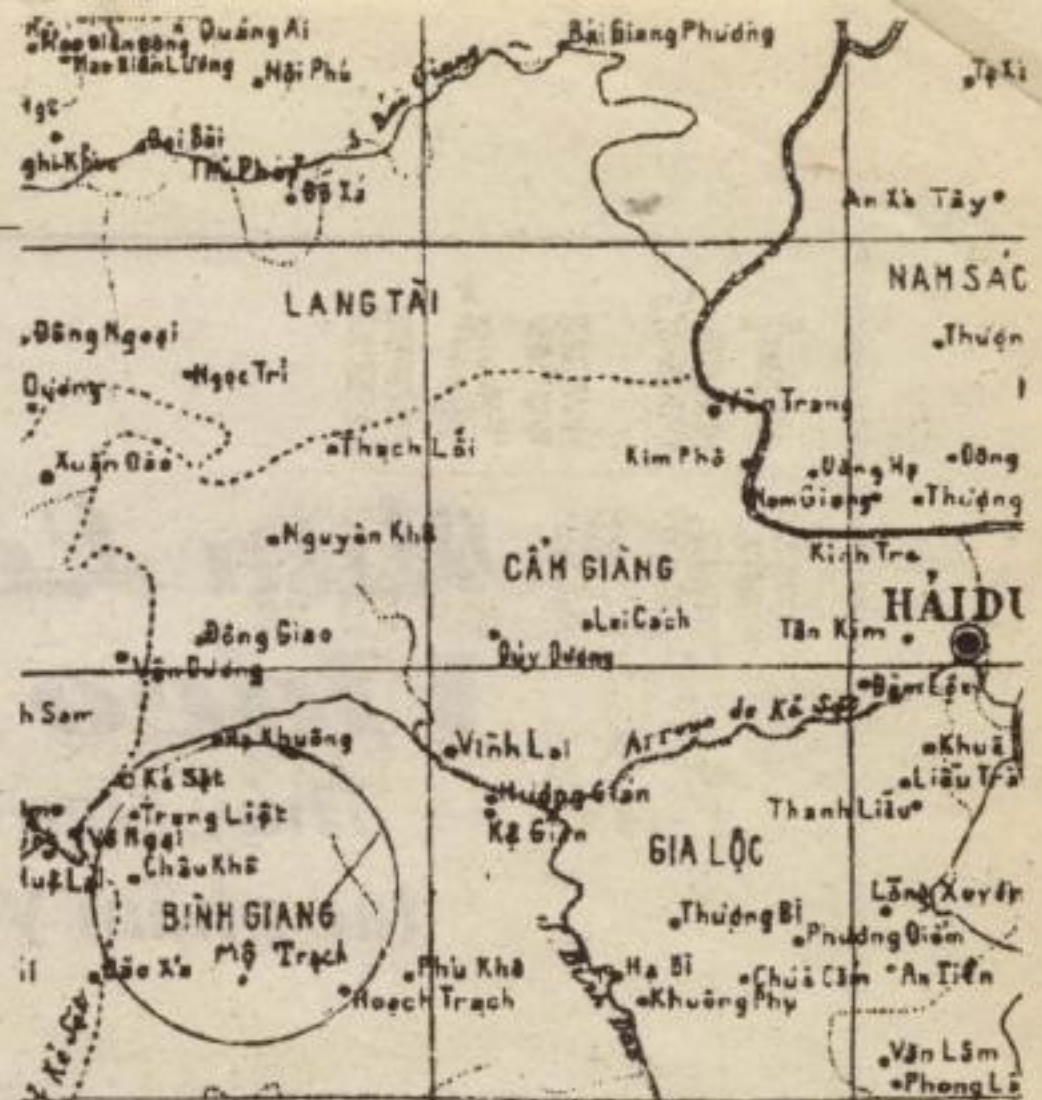
"Nhân tài ở Hồng Châu ta rất nhiều, về đời Trần khoảng năm Xương phù (1377-1388), có Châu Tung Trinh thống lĩnh quân Tam sương cấm binh; chỗ làng ở tụ họp đông đúc, mới gọi là thôn Châu Xá. Về sau nhân đình càng ngày càng nhiều, nên biệt lập làm một xã, nhân chữ Châu, thêm bộ phụ vào, gọi là làng Châu Khê, gần đây lại viết lầm là Trâu Khê. Quan Tư đồ Trần Nguyên Dán, có vì...soạn một bài bia để kỷ niệm, văn nghĩa sâu xa, nét chữ cổ kính...Cái bia ấy cũng là một cổ tích ở huyện ta." [Phạm Đình Hổ, VŨ TRUNG TÚY BÚT, bản dịch Nguyễn Hữu Tiến, báo Nam Phong (1927), nhà xuất bản Văn Học, Hà Nội, 1972, trang 125].

Té ra Phạm Đình Hổ, Trần Nguyên Dán, đều viết tên làng Châu Khê khác ông Vũ Lục Thủy của báo Phụ Nữ Việt. Tội ông Thủy, vẫn nói theo các cụ, phải tăng lên 200 roi nữa. Đánh trước 100 roi, 100 roi còn lại sẽ xét sau, để xem vì sao xác xược với các Danh nho, Tiên bối, sẽ đánh đòn, hoặc tha sau.

Còn ông Chủ bút Long Ân, làm báo của vợ, người đứng tên chủ nhiệm, sẽ lượng tình mà xét, khi thuận tiện. Vả lại, ông là họa sĩ vẽ tranh nhũ đồng và hí họa, không thân cận lắm với chữ nghĩa, có thể chằm chước được. Bà chủ nhiệm, ai cũng biết nên bỏ qua, vì việc mưu sinh rất hệ trọng cho tương lai con cái, không nên xét tới làm gì, tội cho lũ nhỏ.

Từ Bản Đồ Hải Dương
của Pierre Gourou

Mặt khác, một thân hữu của chủ bút Khởi Hành, con một của Thư Viện Quốc Gia Pháp Quốc ở Ba Lê, có sao cho bốn báo chủ bút bản đồ tỉnh Hải Dương, trong có địa danh Châu Khê. Thân hữu này nói, nghe nói trong bài viết về Vũ Đình Liên, ông Đỗ Thủy có trích dẫn thơ La Mác Tin với thơ Sa Tô Bi Ẩng gì đó, thì chắc rằng chữ Tây hơn chữ Nho, vì chữ Nho, bàn về một chữ Châu, đã viết thiếu hai nét, thì không nên bàn nữa. Chữ Tô đánh chữ Tác, thì không nên bàn làm gì, cho mất thì giờ. Gửi bản sao tám bản đồ, may ra ông ta nhìn ra.



Một góc bản đồ tỉnh Hải Dương, trên có tên Châu Khê. (P. Gourou, Le Paysan du Delta Tonkinois, Paris, 1936, Phụ bản).

Bản đồ này là một phụ bản của cuốn LE PAYSAN DU DELTA TONKINOIS (Người Nhà Quê Bắc Kỳ), của Pierre Gourou, xuất bản tại Paris, năm 1936, trong có ghi làng Châu Khê/Ch.

Ông Thủy, khi đọc được mấy chữ nhan đề sách, hẳn đã nhảy cẫng lên: "Sao lại có kẻ viết về Ta"? Ông sẽ thấy là không phải: cuốn sách này viết về những người nhũn nhận, chân thật.

Và Việc Ván Kế Thày
Ở San José

Một bạn đọc khác của Khởi Hành ở San Diego, cùng chỗ với ông Đỗ Thủy, hôm rồi được ông Đỗ mời đi ăn sáng ở San Diego. Ông Đỗ lo lắng, lưng đã cong, vì đi đâu cũng ôm một chồng Công Báo Việt Nam Cộng Hòa, nguồn bách khoa kiến thức của ông, nay lại càng thêm. Ăn xong, ông mời về nhà, gọi điện thoại cho Giáo sư Nguyễn ở San José, văn kể: "Thưa thầy, cứu con với".

Ông không nói rõ đầu đuôi câu chuyện, quen thói bỏ đi hai nét như lúc viết chữ Châu, nên Thầy không rõ, có khuyên rằng: "Nếu kẻ con muốn nói chuyện không trực tiếp trả lời con, thì con không cần trả lời hẳn". Đỗ Thủy xoa tay hoan hỉ: "Xong rồi. Thầy dạy ta cứ phớt lờ."

Thầy dân biết bài của trò đã đăng báo, nghĩa là phổ biến cho độc giả của tờ báo đó đọc. Nói sai, mà không cải chính, là đánh lừa độc giả.

Nay với văn Phạm Đình Hổ, bản đồ Pierre Gourou, để xem báo Phụ Nữ Việt và ông Vũ Lục Thủy có thái độ nào. Riêng về phần Khởi Hành, sẽ làm giống ông bưu tín viên của bưu điện Mỹ. Mấy chữ "quá ngu dốt, lảm thây" hai ông đã gửi lằm địa chỉ, vậy nay hoàn lại cho người gửi, báo Phụ Nữ Việt và ông Vũ Lục Thủy.

Nhân đây, có câu hỏi khác nên đặt ra: Tại sao Phạm Đình Hổ viết "...gần đây lại (có người) viết lầm là Trâu Khê"? Người bạn của chúng tôi ở Pháp giải thích: Từ thời nhà Nguyễn, nạn húy kỵ rất tệ. Hẳn có một ông vua, ông chúa nào đó tên là Châu, cho nên dân con dân khiếp nép phải gọi trại tên làng Châu Khê đi. Nếu quả như thế, thì ông Vũ Lục Thủy cũng không nặng tội lắm, số roi còn lại, có thể xin Thầy tha cho, nhất là xưa nay, phụ trách mục Quê Hương Miền Yêu trên Đài Phát Thanh, ông nghiên cứu Công Báo như chữ Thánh Hiền, quen rồi.

Mùa Lễ Phục Sinh 1999... **Video Mới ! Video Mới !**

Thúy Nga xin hân hạnh giới thiệu một tuyệt tác phẩm Video Ca Vũ Nhạc Kịch mới, lạ, vui:

PARIS BY NIGHT **48** *Hình Ảnh Cuộc Đời*

Video một bộ 2 cuốn. Giá \$25 US

Điều khiển chương trình: **NGUYỄN NGỌC NGẠN - NGUYỄN CAO KỲ DUYÊN**

*Đặc sắc nhất một vở hài kịch dí dỏm dù có xem đi, xem lại đến 10 lần, vẫn cười mãi không thôi: Vở kịch "**DIAMOND FOR EVER**" (Hột Xoàn là niềm hạnh phúc muôn đời) với sự tái xuất hiện của ban kịch Thúy Nga: Hồng Đào, Quang Minh, Trang Thanh Lan.*

Với sự góp mặt đặc biệt:

Cá sĩ Thái Thanh - Nhạc sĩ Phạm Duy
Ái Vân - Ý Lan - Như Quỳnh - Lưu Bích - Hoàng Lan - Thiên Kim -
Bảo Ngọc - Phương Vy - Mỹ Huyền - Trúc Lam - Trúc Linh...
Tấn Ngọc - Elvis Phương - Don Hồ - Nguyễn Hưng - Thế Sơn -
Tommy Ngô - Lynda Trang Đài - Quang Minh - Hồng Đào -
Trang Thanh Lan - Ban Nhạc M.F.L. - Vũ đoàn Paris By Night.

*Xin liên lạc: **THÚY NGÀ***

MỸ & CANADA: P.O. Box 2174 Westminster, CA 92683

Tel: (714) 893-2860 / Fax: (714) 891-9673

ÂU CHÂU: 44 Ave., D'Ivry - 75013 - Paris France. Tel: 01-45-83-23-41

ÚC: 323 Chapel Rd. - Bankstown - N.S.W 2200 - Australia. Tel: (02) 796-7227



Ánh Hồng

7 Courses of Beef Restaurant

10195 WESTMINSTER AVE. GARDEN GROVE, CA. 92643

Điện thoại: (714) 537-5230

CHÁNH GỐC CÔNG XE LỬA SỐ 8 PHÚ NHUẬN
SÁNG LẬP TỪ NĂM 1954

Chuyên môn thức ăn thuần túy Việt Nam
do chính chủ nhân Bà **Lê Văn Khá** trực tiếp điều khiển



CÁC MÓN ĐẶC BIỆT:

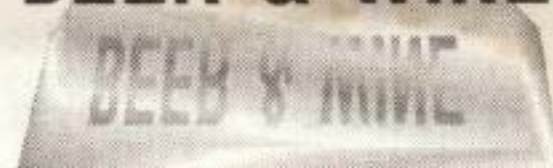
Bánh Hủ Bò Tôm Cuốn
Bánh Hủ Chạo Tôm
Cá Hấp, v.v...

CÁC MÓN ĂN KHAI VỊ

Chim Cút Quay
Càng Cua Bọc Tôm, v.v...



BEER & WINE



Nhiều Loại Nhập Cảng
Từ Pháp, Chí Lợi, Đức...



GIỜ MỞ CỬA:

7 NGÀY TRONG TUẦN

THỨ HAI ĐẾN THỨ NĂM: 4:00PM-9:30PM

THỨ SÁU & THỨ BẢY: 11:00AM-10:30PM

CHỦ NHẬT: 11:00AM-9:30PM

Gia Đình **ÁNH HỒNG** kính mời

SAN JOSE

1818 Tully Road # 150
San Jose, CA. 95122
(408) 270-1096

ORANGE COUNTY

10195 Westminster Ave.
Garden Grove, CA. 92643
(714) 537-5230

SAN FRANCISCO

808 Geary Ave
San Francisco, CA. 94109
(415) 885-5180

LOS ANGELES

8748 E. Valley Blvd. # A
Rosemead, CA 91770
(818) 572-9805

Khởi Hành

TẠP CHÍ SÁNG TÁC SINH HOẠT VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

AN ARTS AND LITERARY REVIEW
PUBLISHED MONTHLY

VIÊN LINH
PUBLISHER, EDITOR - IN - CHIEF

mailing address:

P.O. BOX 670
MIDWAY CITY
CALIF. 92665

BULK RATE
U.S. POSTAGE PAID
WESTMINSTER, CA
PERMIT NO. 49

A



Volum III, Number 30, April 1999 ■ \$3.50

Vừa Phát Hành

BÍ MẬT HẬU TRƯỞNG CHÍNH TRỊ MIỀN NAM

1954 - 1975

của

DẶNG VĂN NHÂM

Làm báo từ 1952, Tổng Thư Ký Hội Chủ Báo V.N. trong thập niên '60, chủ nhiệm Nhật Báo TIỀN tại Sài gòn, ký giả Đặng Văn Nhâm đã tiếp xúc với hầu hết các nhân vật hai phái hắc bạch đạo của chính trường Miền Nam, từ Thất Sơn tới Cố Đô, trong Dinh Độc Lập tới Các Quân Khu, giữa Tổng nha Cảnh sát tới Phòng Kế Hoạch Mật Vụ, từng kề cận Bs Trần Kim Tuyến, nghe và được ông Tuyến xác nhận những chuyện không ai có thể ngờ.....

GIỚI CHÍNH TRỊ. TÌNH BÁO. THÂM CUNG NGOẠI SỬ. TÔN GIÁO.
NHỮNG MUA BÁN, TRAO ĐỔI QUYỀN BÍNH, VỢ VÀ NHÂN TÌNH
NGAY TỪ DINH THỦ TƯỚNG TỚI VĂN PHÒNG QUỐC HỘI...

Táo bạo nhất từ trước tới nay Vì sự thật, phụng sự Sự Thật

Cuốn I, dày 800 trang, nhiều hình ảnh, Giá \$25 mk tại Hoa Kỳ,
thêm \$3 mỹ kim cước phí tại các nước khác, trừ Đan Mạch liên
lạc với Tác giả qua Phone & Fax (011-45-43-71-74-64).

Đại Lý Sách Báo và Độc Giả Muốn Mua xin liên lạc với:
(714) 557-7848 ■ (714) 418-0390 ■ (562) 404-4364



Cuốn sách nói đến trên 200 nhân vật, từ lúc vô danh tới khi nhảy lên bàn đọc. Chiến tranh Điện Biên. Chỉ đích danh các Tướng buôn lậu, Nói thẳng nói rõ những cuộc ngoại tình. Các trò phản bội vì tiền tài chức vụ.

Những gì bạn từng nghe đồn, tác giả Đặng Văn Nhâm viết ra rõ ràng, chỉ đúng mặt, nói đúng tên, không né một ai.